

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Thân Thương

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên :Phạm Thị Thân Thương

Giảng viên hướng dẫn : Th.S Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thi Thân Thương

Mã SV: 1113401012

Lớp: QTL 501K

Ngành: Kế toán –Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

_Khái quát được lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

_Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh.

_Đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh từ đó đưa ra được những giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Số liệu năm 2012 tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.	3
1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	3
1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp.	3
1.1.1.1. Khái niệm và phân loại doanh thu.	3
1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu	5
1.1.2. Một số khái niệm cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp:.....	6
1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:.....	8
1.2. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	8
1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	10
1.4. Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	10
1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu	10
1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	10
1.4.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	19
1.4.1.3. Kế toán thu nhập khác.....	21
1.4.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	23
1.4.2. Tổ chức kế toán chi phí.....	25
1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	25
1.4.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.	32
1.4.2.3. Kế toán chi phí tài chính	34
1.4.2.4. Kế toán chi phí khác.....	36
1.4.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	38
1.4.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh :.....	39
1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	41
1.5.1. Hình thức nhật ký chung	41
1.5.2. Hình thức nhật ký- sổ cái	42
1.5.3. Hình thức chứng từ ghi sổ.....	43
1.5.4. Hình thức Nhật ký- Chứng từ	44
1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính	45

CHƯƠNG 2 : THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH	46
2.1. Khái quát chung về công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh.....	46
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh.	46
2.1.2.Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty	48
2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty.....	49
2.1.3.1.Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	49
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh.	54
2.2.1.Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh	54
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh.....	54
2.2.1.2.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.	65
2.2.1.3.Kế toán thu nhập khác.....	71
2.2.2.Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí kinh doanh, chi phí tài chính và chi phí khác tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh.....	72
2.2.2.1.Kế toán giá vốn hàng bán.....	72
2.2.2.2. Kế toán chi phí kinh doanh.	79
2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính.	86
2.2.2.4.Kế toán chi phí khác.....	92
2.2.3.Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	93
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH	107
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh.	107
3.1.1.Kết quả đạt được:	107
3.1.1.1.Về tổ chức bộ máy kế toán.....	107
3.1.1.2. Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	108
3.1.1.3.Về việc ứng dụng công nghệ thông tin:	109
3.1.2 Hạn chế.....	110
3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh.	111

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	111
3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện:	112
3.2.3 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh.	113
3.2.3.1.Hoàn thiện tài khoản sử dụng	113
3.2.3.2.Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán.	115
3.2.3.3. Về việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi.....	115
3.2.3.5.Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ.....	122
Kết luận	123
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	124

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế nước ta từ khi chuyển sang nền kinh tế thị trường đã có nhiều sự biến đổi sâu sắc, sự đổi mới này đã có tác động rất nhiều đến kinh tế xã hội của đất nước. Trong quá trình đổi mới, sự cạnh tranh giữa các các doanh nghiệp là điều tất yếu, đòi hỏi doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển, nhất định phải có phương án kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế. Để đứng vững và phát triển trong điều kiện có sự cạnh tranh gay gắt, doanh nghiệp phải nắm bắt và đáp ứng được tâm lý, nhu cầu của người tiêu dùng với sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ nhưng vẫn phải đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận cho doanh nghiệp. Để thực hiện được mục tiêu trên một cách hiệu quả nhất bên cạnh việc đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật và lập ra những chiến lược kinh doanh hợp lý thì việc kiểm tra các khoản doanh thu, chi phí và tính toán kết quả kinh doanh nhằm xác định hướng đi tiếp theo cho doanh nghiệp như mở rộng hay thu hẹp phạm vi hoạt động là công tác quan trọng trong quá phát triển và kinh doanh của mỗi doanh nghiệp.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân vũ Minh, em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty nói riêng là một bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nên luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện. Vì vậy nhờ sự chỉ dẫn, giúp đỡ của tập thể ban lãnh đạo, phòng kế toán của công ty,đặc biệt là sự hướng dẫn nhiệt tình của Thạc sỹ Trần Thi Thanh Phương, em quyết định đi sâu nghiên cứu công tác kế toán của công ty với đề tài **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu,chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh”** để viết khóa luận tốt nghiệp của mình.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nội dung bài khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân vũ Minh.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân vũ Minh.

Dù rất cố gắng nhưng do thời gian còn nhiều hạn chế, phạm vi đề tài rộng, thời gian thực tế, khả năng nghiên cứu, nhận thức tổng quát còn hạn chế nên bài khóa luận của em khó tránh khỏi những sai sót. Em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô và các cán bộ kế toán của công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG 1.

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp.

1.1.1.1. Khái niệm và phân loại doanh thu.

 **Khái niệm:**

 **Doanh thu:**

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” trong hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam: Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu.

 **Phân loại doanh thu:**

Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

 **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (Nếu có).

 **Doanh thu bán hàng nội bộ:**

Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Doanh thu hoạt động tài chính:

Là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

-Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ.

-Cổ tức và lợi nhuận được chia

-Thu nhập về hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

-Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

-Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác

-Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ

-Lãi tỷ giá hối đoái

-Chênh lệch lãi chuyên nhượng vốn

-Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

❖ Thu nhập khác

Là các khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu

-Thu về nhượng bán thanh lý tài sản

-Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng

-Thu tiền bảo hiểm được bồi thường

-Thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ

-Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại

- Các khoản tiền thưởng của khách hàng

-Thu nhập do nhận tặng, biếu bằng tiền, hiện vật của tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp, được tính giảm trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán.

❖ Chiết khấu thương mại:

Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ) với lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

-Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào tài khoản 521

-Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại thì giá bán trên hóa đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không hạch toán vào tài khoản 521 , doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

❖ Giảm giá hàng bán

Là giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá đã thoả thuận trên hoá đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng .

❖ Hàng bán bị trả lại:

Là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

kinh tế: như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại. Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hoá đơn (nếu trả lại một phần).

❖ Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp.

- Thuế TTĐB: Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp tiêu thụ những hàng hoá đặc biệt thuộc danh mục vật tư, hàng hoá chịu thuế TTĐB.

- Thuế XK: Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hoá mà hàng hoá đó phải chịu thuế xuất khẩu.

- Thuế GTGT trường hợp doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất lưu thông đến tiêu dùng

Giá trị gia tăng của hàng hóa dịch vụ = Doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra - Giá vốn hàng hóa, dịch vụ bán ra

1.1.2. Một số khái niệm cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp:

✚ Khái niệm:

Theo chuẩn mực số 01 “ Chuẩn mực chung” ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC thì: Chi phí : Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

✚ Phân loại chi phí

❖ Giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại, hoặc giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ Chi phí bán hàng

❖ Là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí nhân viên bán hàng, các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển...

❖ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là toàn bộ các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất...

❖ **Chi phí tài chính:** là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp

❖ **Chi phí khác:** Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước như:

- Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản
- Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- Các khoản chi phí khác .

❖ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong doanh nghiệp trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Được biểu hiện bằng tiền chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí của các hoạt động kinh tế đã được thực hiện. Đây là chỉ tiêu tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

❖ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	=	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp
--	---	---	---	---------------------------	---	---------------------------	---	---------------------------------------

Trong đó

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
---	---	--	---	------------------------------------

❖ Kết quả hoạt động tài chính:

Kết quả hoạt động tài chính	=	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí hoạt động tài chính
--------------------------------	---	----------------------------------	---	--------------------------------

❖ Kết quả hoạt động khác:

Kết quả hoạt động khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
------------------------	---	---------------	---	--------------

1.2. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Doanh thu là nguồn tài chính để đảm bảo trang trải các khoản chi phí trong hoạt động kinh doanh, để đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng. Doanh thu cũng là nguồn để

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định, là nguồn để tham gia góp vốn cổ phần... ý nghĩa quan trọng nhất của doanh thu được thể hiện thông qua quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ... Nó có vai trò quan trọng không chỉ đối với mỗi đơn vị kinh tế mà còn đối với toàn bộ nền kinh tế

Chi phí là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong một thời kỳ dưới hình thức các khoản tiền đã chi ra, các khoản giảm trừ vào tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu. Đây cũng là mối quan tâm hàng đầu của doanh nghiệp bởi lợi nhuận thu được nhiều hay ít đều chịu ảnh hưởng trực tiếp của những chi phí đã bỏ ra.

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp sao một thời kỳ nhất định được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn cần thiết đối với các đối tượng quản lý khác như các nhà đầu tư, ngân hàng, các trung gian tài chính hay đối với các cơ quan quản lý vĩ mô của nền kinh tế.

+ Với doanh nghiệp các thông tin về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh giúp người quản lý nắm bắt được tình hình hoạt động và đẩy mạnh việc kinh doanh có hiệu quả của doanh nghiệp.

+ Với các nhà đầu tư đó là cơ sở để đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh, đầu tư từ đó đưa ra được quyết định đầu tư đúng đắn.

+ Với các trung gian tài chính, ngân hàng thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp từ đó đưa ra quyết định vay vốn đầu tư.

+ Với các cơ quan quản lý vĩ mô của nền kinh tế thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có cái nhìn tổng quan nhất về sự phát triển của nền kinh tế.

1.3.Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để đáp ứng các yêu cầu quản lý về thành phẩm, hàng hóa; bán hàng và xác định kết quả và phân phối kết quả của các hoạt động. Kế toán phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán.

- Phản ánh, tính toán và kết chuyển chính xác kết quả của từng hoạt động kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp nhằm xác định và phân phối kết quả kinh doanh đúng đắn, hợp lý.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng , xác định và phân phối kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

1.4.Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.4.1.Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu

1.4.1.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

❖ **Một số nguyên tắc kế toán tiêu thụ sản phẩm hàng hóa và cung cấp dịch vụ.**

✓ Phải phân định được chi phí doanh thu, thu nhập và kết quả của từng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp bao gồm hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác.Vì vậy kế toán cần phải căn cứ vào từng hoạt động cụ thể mà doanh nghiệp tiến hành để phân định và sắp xếp các hoạt động vào từng loại cho phù hợp.Có phân định được các hoạt động sản xuất kinh doanh thì kế toán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

mới có thể xác định được chi phí, doanh thu, thu nhập và kết quả theo từng hoạt động, đánh giá được hiệu quả kinh doanh của từng hoạt động.

✓ Phải xác định chính xác thời điểm ghi nhận doanh thu:

Thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ từ người bán sang người mua.

Theo chuẩn mực số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau

- Người bán đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua

- Người bán không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như sở hữu hàng hóa hoặc kiểm soát hàng hóa

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

- Người bán đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

Đối với các giao dịch về cung cấp dịch vụ chuẩn mực kế toán cũng quy định doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

✓ Phải nắm vững cách thức xác định doanh thu

- Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Đối với các khoản tiền hoặc tương đương tiền không được nhận ngay thì doanh thu được xác định bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản sẽ thu trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ lãi xuất hiện hành. Giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu có thể nhỏ hơn giá trị danh nghĩa sẽ thu được trong tương lai.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

-Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá chưa thuế giá trị gia tăng

-Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

-Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán bao gồm thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu

-Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công

-Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng

-Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

❖ **Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:**

❖ **Phương thức bán hàng trực tiếp cho khách hàng:**

-Trường hợp giao hàng trực tiếp cho khách hàng tại kho của doanh nghiệp hoặc tại các phân xưởng sản xuất không qua kho thì số sản phẩm này khi đã giao cho khách hàng được chính thức gọi là tiêu thụ.

-Trường hợp giao hàng tại kho của bên mua hoặc tại địa điểm đã quy định trước trong trường hợp: sản phẩm khi xuất kho chuyển đi vẫn còn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi bên mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng đã chuyển giao thì số hàng đó được xác định là tiêu thụ.

❖ Phương thức gửi hàng cho khách

Là phương thức bên bán gửi hàng đi cho khách theo các điều kiện của hợp đồng kinh tế đã ký kết. Số hàng gửi đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của bên bán, khi khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua, giá trị hàng hoá đã được thực hiện và là thời điểm bên bán được ghi nhận doanh thu bán hàng.

❖ Phương thức gửi đại lý, ký gửi bán đúng giá hưởng hoa hồng:

-Đối với đơn vị ký gửi hàng hóa(chủ hàng): khi xuất hàng cho các đại lý hoặc các đơn vị nhận bán hàng ký gửi thì số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi được tiêu thụ. Khi bán được hàng ký gửi, doanh nghiệp sẽ trả cho đại lý hoặc bên nhận ký gửi một khoản hoa hồng theo tỷ lệ phần trăm trên giá ký gửi của số hàng ký gửi thực tế đã bán được. Khoản hoa hồng phải trả này được doanh nghiệp hạch toán vào chi phí bán hàng.

- Đối với đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng ký gửi: Số sản phẩm, hàng hóa nhận bán, ký gửi không thuộc quyền sở hữu của đơn vị này. Doanh thu của đại lý chính là khoản hoa hồng được hưởng.

❖ Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng chuyển giao được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng. Khoản lãi do bán trả góp không được phản ánh vào tài khoản doanh thu (TK 511), mà được hạch toán như khoản doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp (TK 515). Doanh thu bán hàng trả góp phản ánh vào TK 511 được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Phương thức hàng đổi hàng:

Là phương thức bán hàng mà doanh nghiệp đem sản phẩm, vật tư, hàng hoá để đổi lấy vật tư, hàng hoá khác không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư, hàng hoá tương ứng trên thị trường.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn bán hàng thông thường đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Hoá đơn giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi.

- Thẻ quầy hàng.

- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có ngân hàng, bảng sao kê của ngân hàng...).

- Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu xuất kho bán hàng, phiếu nhập kho hàng trả lại, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ...

- Phiếu xuất kho và phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại...

❖ Tài khoản sử dụng:

✓ **TK 511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.”**

Tài khoản này gồm 5 tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa

- TK 5112: Doanh thu bán các sản phẩm

- TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

- TK 5118 :Doanh thu khác

Nội dung: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ	511	Có
<p>- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán</p> <p>- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp</p> <p>- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;</p> <p>- Các khoản ghi giảm doanh thu bán hàng (5211, 5212, 5213)</p> <p>- Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh</p>		<p>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.</p>
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

✓ **TK 512- : “ Doanh thu bán hàng nội bộ ”**

Tài khoản này gồm 3 tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 5121 – Doanh thu bán hàng hóa nội bộ
- TK 5122 – Doanh thu bán thành phẩm nội bộ
- TK 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ nội bộ.

Nội dung : Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

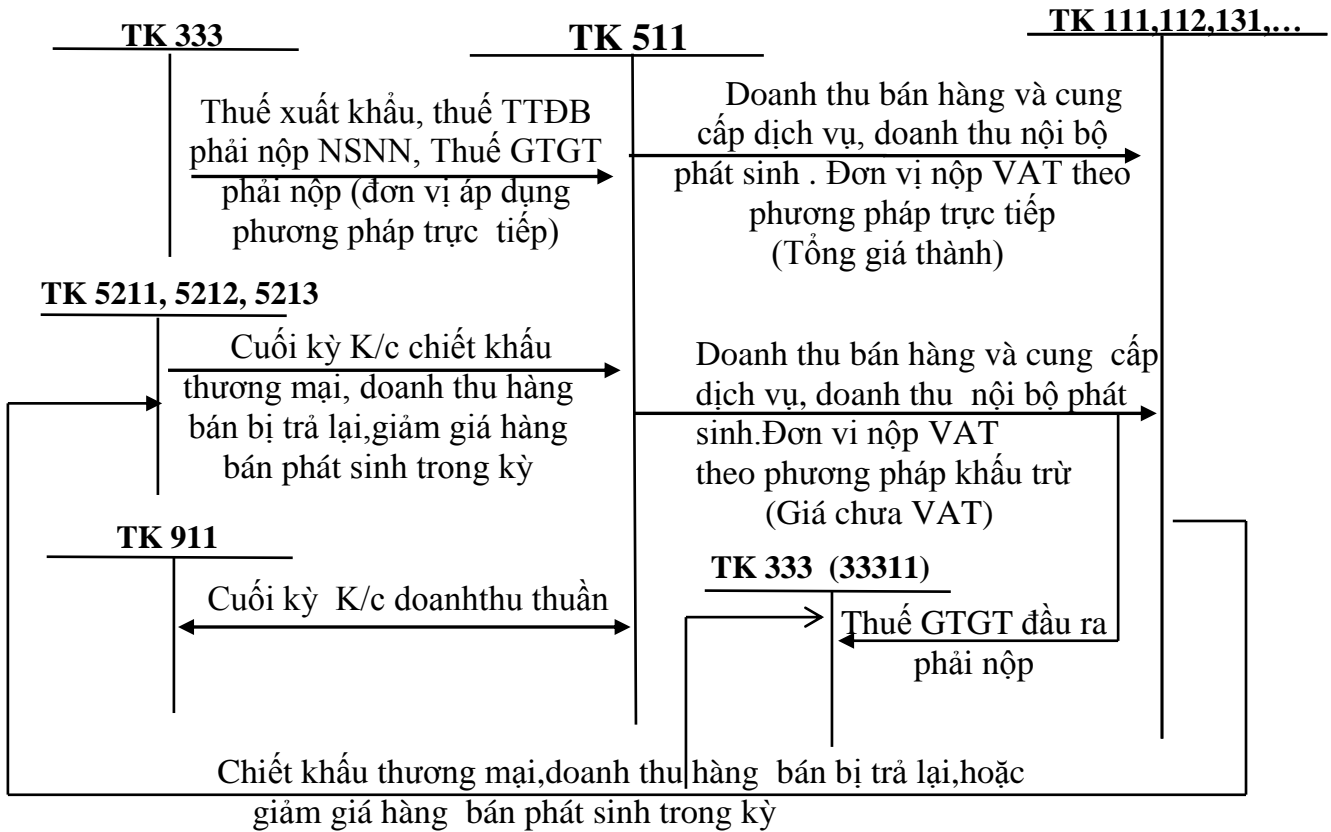
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ	512	Có
<ul style="list-style-type: none">- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp theo của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"	<p style="text-align: center;">Tổng doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.</p>	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

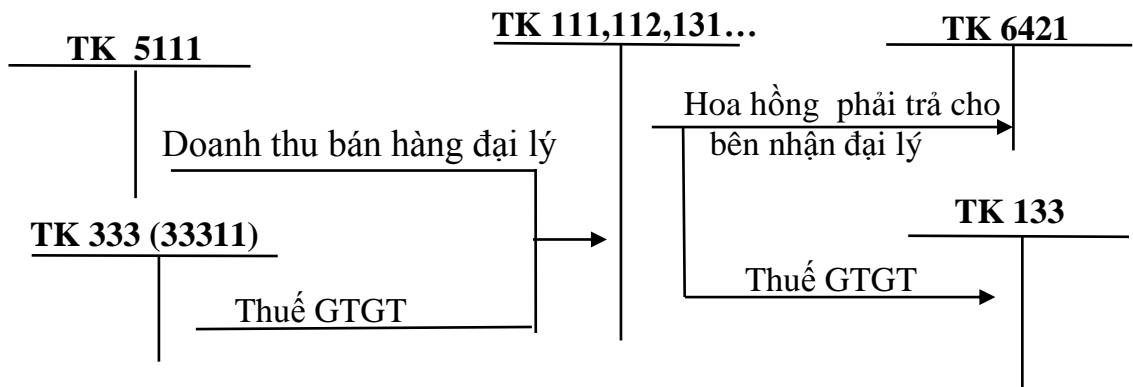
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

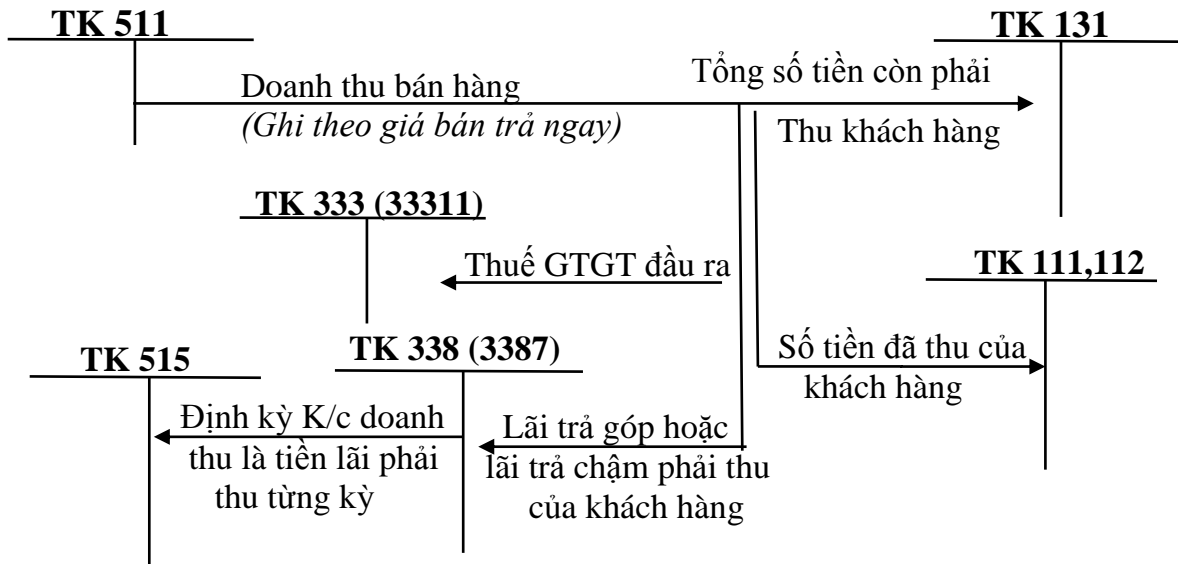


Sơ đồ 1.2. Kế toán bán hàng thông qua đại lý

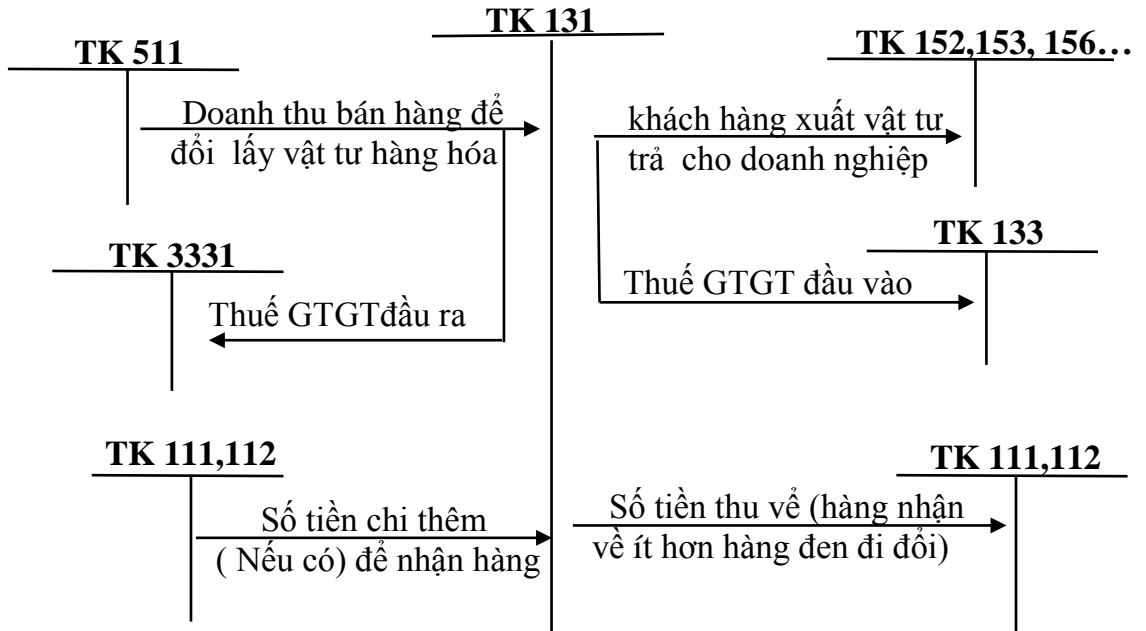


KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.3. Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp



Sơ đồ 1.4. Kế toán bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.4.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo Có, giấy báo Nợ của ngân hàng.
- Phiếu thu, phiếu chi.
- Các hợp đồng vay.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

✓ **TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

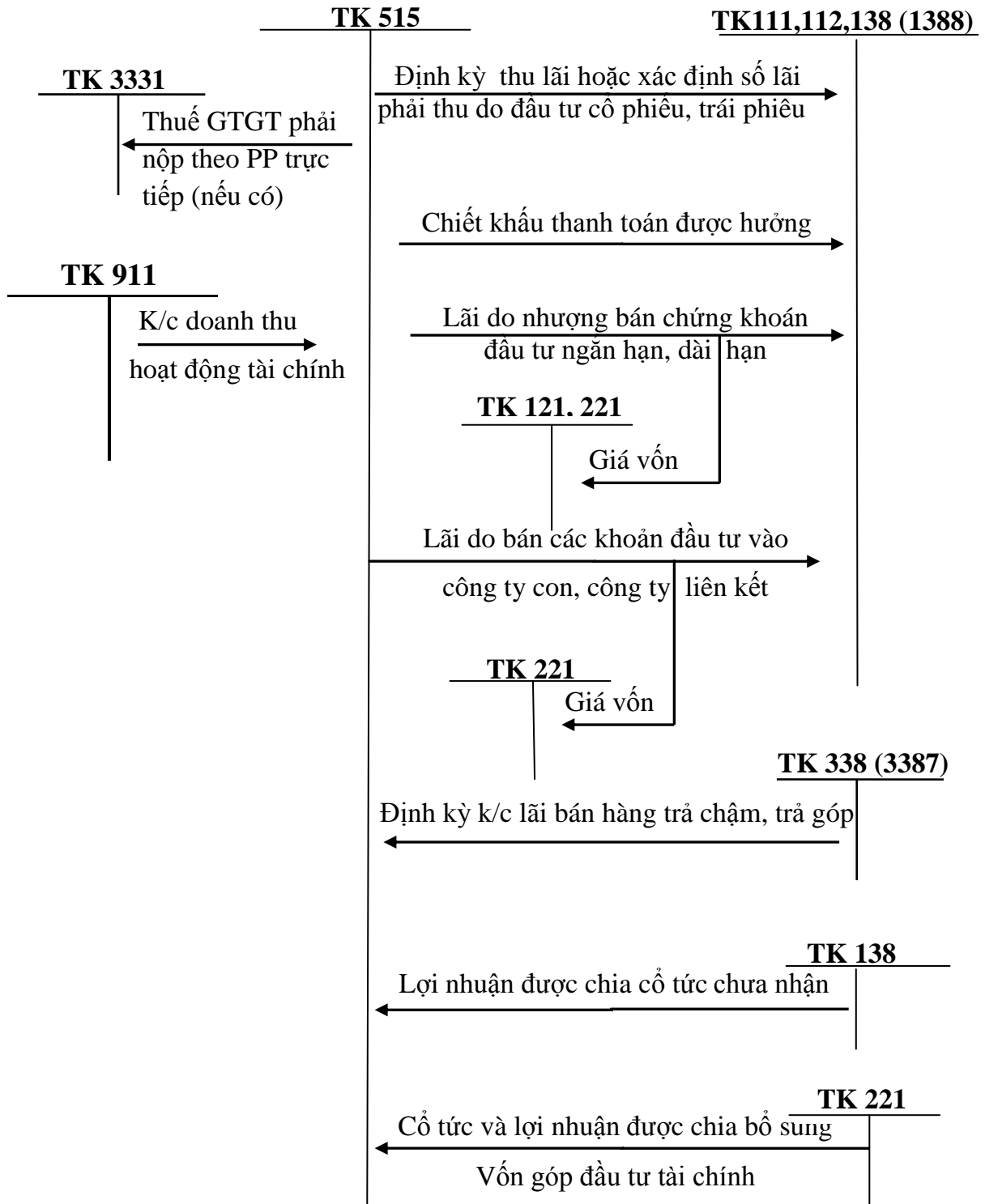
Nội dung: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

Nợ	515	Có
<ul style="list-style-type: none">- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh	<ul style="list-style-type: none">- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ khi bán ngoại tệ- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết...- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu hoạt động tài chính- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.4.1.3. Kế toán thu nhập khác

❖ *Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn Giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của Ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác: biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế, tài sản cố định..

❖ *Tài khoản sử dụng:*

TK 711 – “Thu nhập khác”

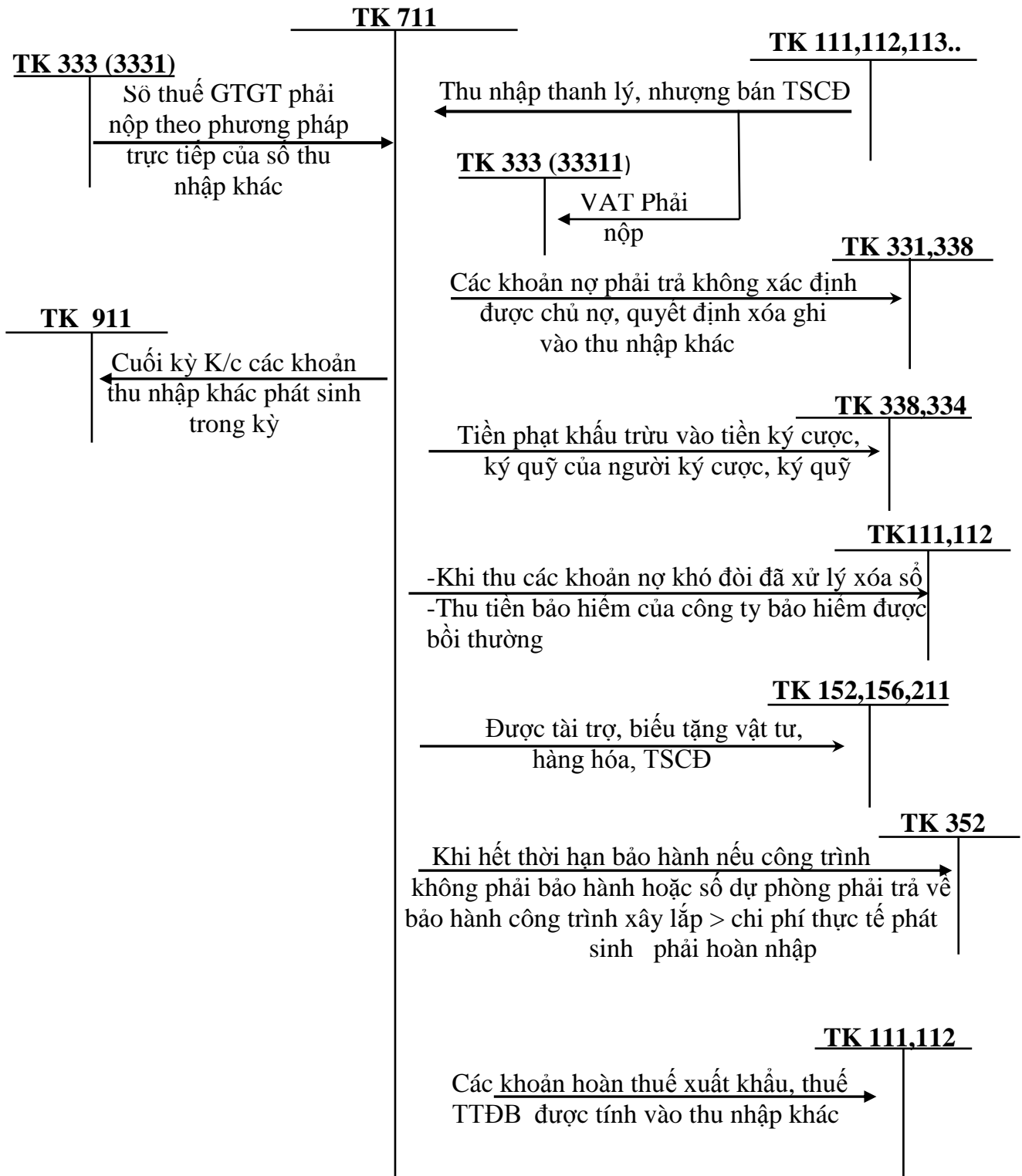
Nội dung: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

Nợ	71 1	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp - Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911- Xác định kết quả kinh doanh		Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.6.Kế toán thu nhập khác



1.4.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn Giá trị gia tăng , hóa đơn bán hàng thông thường.
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, giấy báo nợ của Ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác :Phiếu nhập kho hàng bị trả lại.

❖ **Tài khoản sử dụng:**

Theo quyết định số 48 về chế độ doanh nghiệp nhỏ và vừa

✓ **TK 521 “Các khoản giảm trừ doanh thu.”**

- TK 5211: Chiết khấu thương mại
- TK 5212: Hàng bán bị trả lại
- TK 5213: Giảm giá hàng bán

Nội dung: Tài khoản này dùng để phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính giảm trừ vào doanh thu hoạt động kinh doanh. Các khoản giảm trừ doanh thu được phản ánh trong tài khoản 521 bao gồm: Chiết khấu thương mại, giá trị hàng bán bị trả lại và các khoản giảm giá cho người mua trong kỳ hạch toán:

- Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách mua hàng với khối lượng lớn
- Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán
- Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do hàng bán kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc lạc hậu thị hiếu.

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

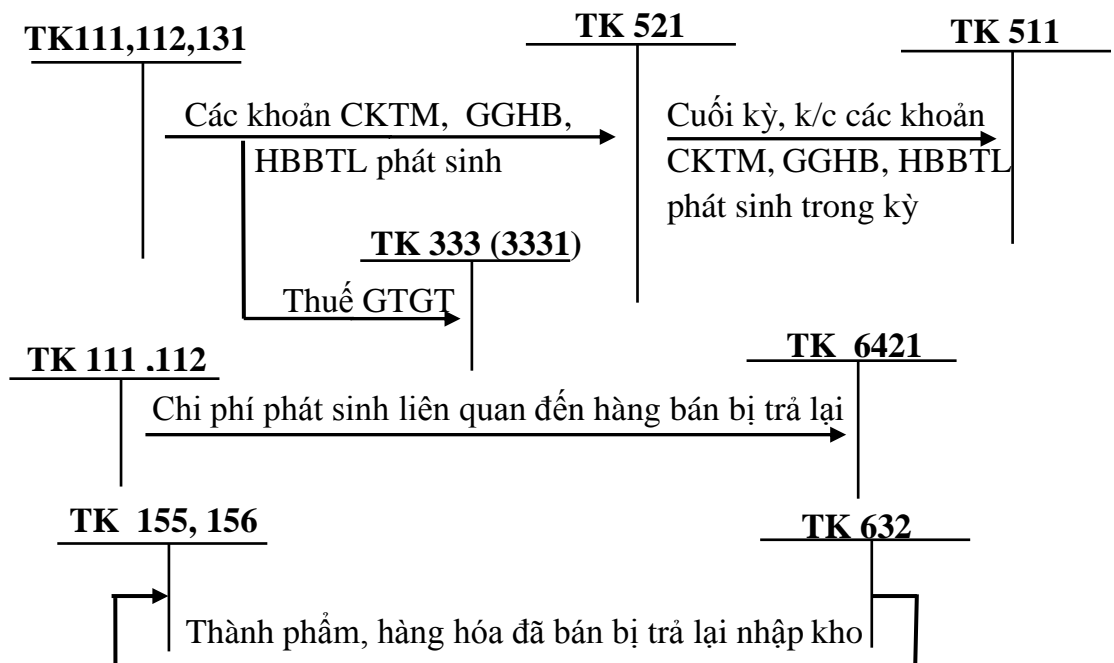
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ	521	Có
-Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng -Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán. -Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém chất lượng, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.		Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

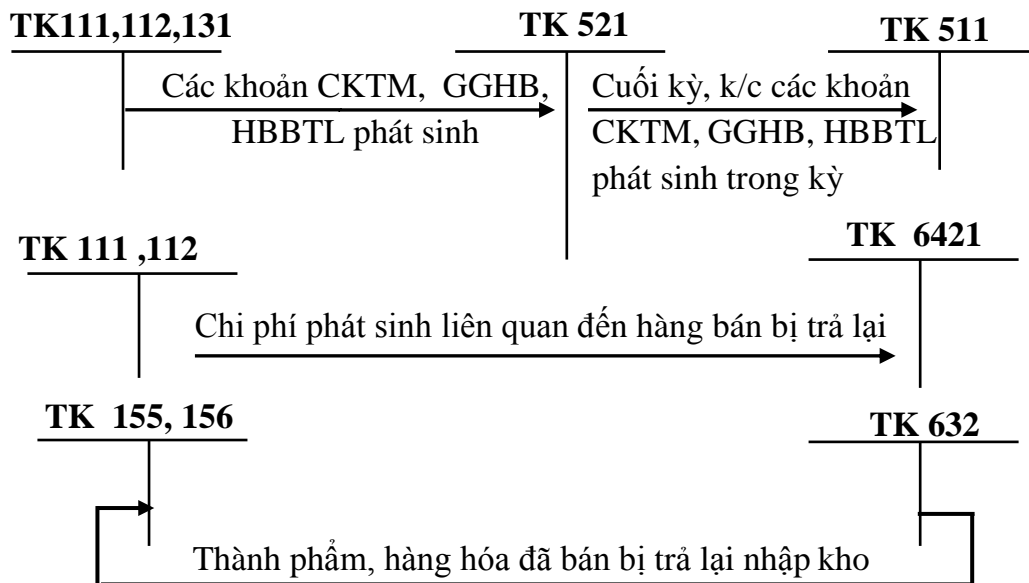
❖ **Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Sơ đồ 1.7. Kế toán các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại

➤ *Đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ*



➤ **Đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp**



1.4.2. Tổ chức kế toán chi phí

1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

❖ **Phương pháp tính giá vốn hàng bán:**

Muốn xác định đúng kết quả bán hàng trước hết cần xác định đúng dẫn trị giá vốn hàng bán. Việc tính trị giá vốn hàng bán phụ thuộc vào đơn giá của hàng hoá trong các thời kỳ khác nhau. Nếu hàng hoá mua với giá ổn định từ kỳ này sang kỳ khác thì việc tính giá hàng bán rất đơn giản. Nhưng nếu hàng hoá giống nhau được mua vào với giá khác nhau thì việc xác định giá vốn hàng bán là rất quan trọng. Theo chuẩn mực số 02 “Hàng tồn kho”, việc tính giá trị hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

- **Phương pháp tính theo giá đích danh** : được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được

- **Theo phương pháp bình quân gia quyền** : giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP,HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP,HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP,HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP,HH nhập trong kỳ}}$$

-Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP,HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP,HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này khắc phục được những hạn chế của phương pháp bình quân gia quyền nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần nên phương pháp này thường được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho có lưu lượng nhập xuất ít.

-Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO): áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO): áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 01 – GTGT – 322)

❖ Tài khoản sử dụng

- Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kế khai thường xuyên sử dụng tài khoản :**Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”**
- Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp Kiểm kê định kỳ sử dụng tài khoản :**TK 631 “ Giá thành sản xuất”**

✓ Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”

Nội dung: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ. Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ *Trường hợp hạch toán HTK theo phương pháp kê khai thường xuyên:*

Nợ	632	Có
<p><i>Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:</i> Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ; Chi phí NVL, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra; Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành; Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).</p> <p><i>- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư, phản ánh:</i> + Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ; + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư; + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ; + Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ; + Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.</p>		<p>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;</p> <p>- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;</p> <p>- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);</p> <p>- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.</p>
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Trường hợp hạch toán HTK theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

- **Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:** Kế toán giá vốn hàng bán sử dụng thêm tài khoản 611-Mua hàng. Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ

Nợ	611	Có
- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê); - Giá gốc hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, mua vào trong kỳ; hàng hóa đã bán bị trả		- Kết chuyển giá gốc của hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê); - Giá gốc của hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (đã được xác định là đã bán trong kỳ); - Giá gốc của hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

- **Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:** Kế toán giá vốn hàng bán sử dụng thêm tài khoản 631-giá thành sản xuất. Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ

Nợ	631	Có
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang đầu kỳ; - Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ thực tế phát sinh trong kỳ		- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán” - Chi phí sản xuất, kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

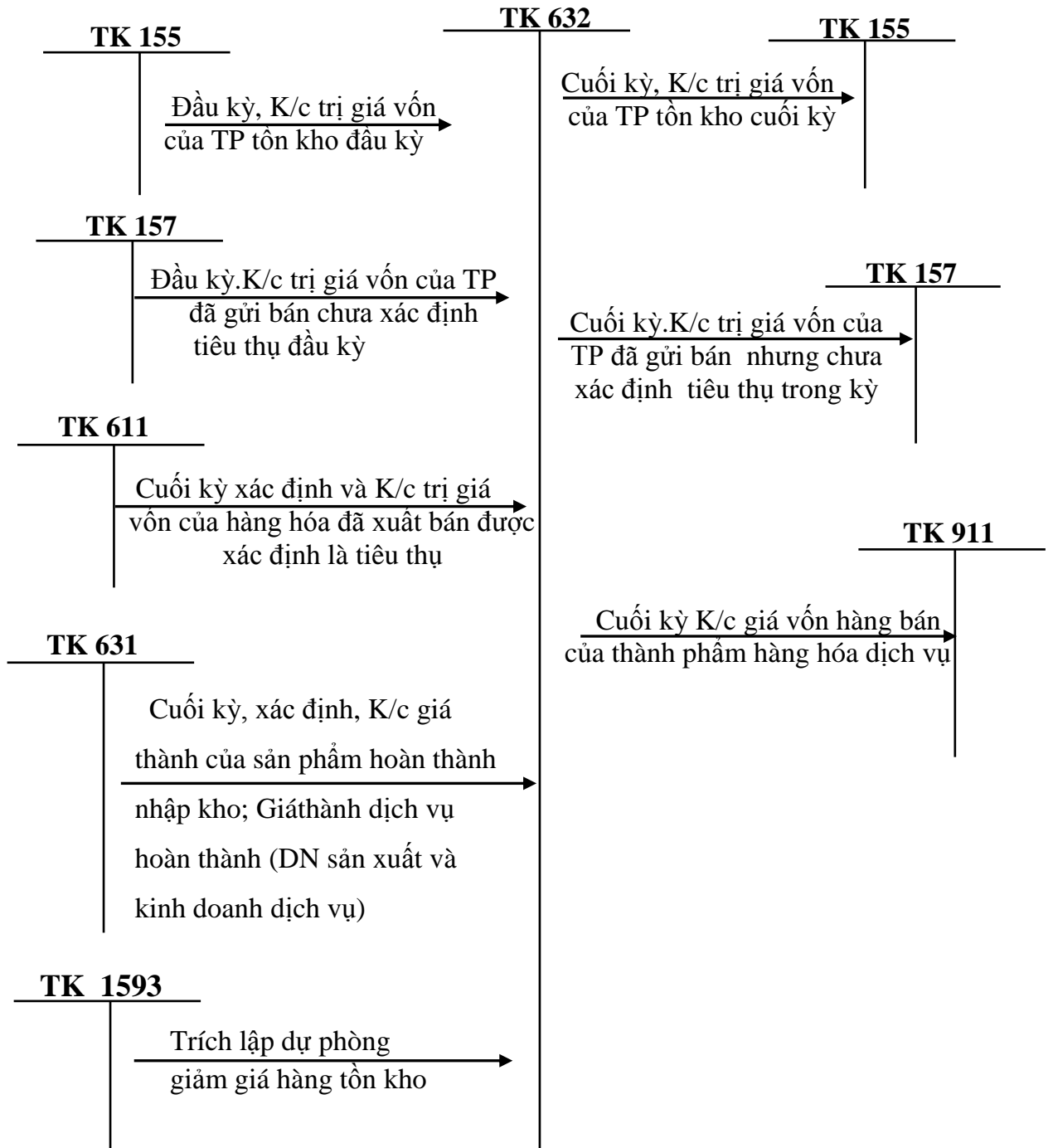
❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.8. Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sơ đồ 1.9. Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.4.2.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi, Giấy báo Nợ
- Bảng tính và phân bổ KH
- Bảng thanh toán lương
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng**

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

- Các tài khoản Chi phí quản lý kinh doanh cấp 2:
 - + TK6421- Chi phí bán hàng
 - + TK 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp

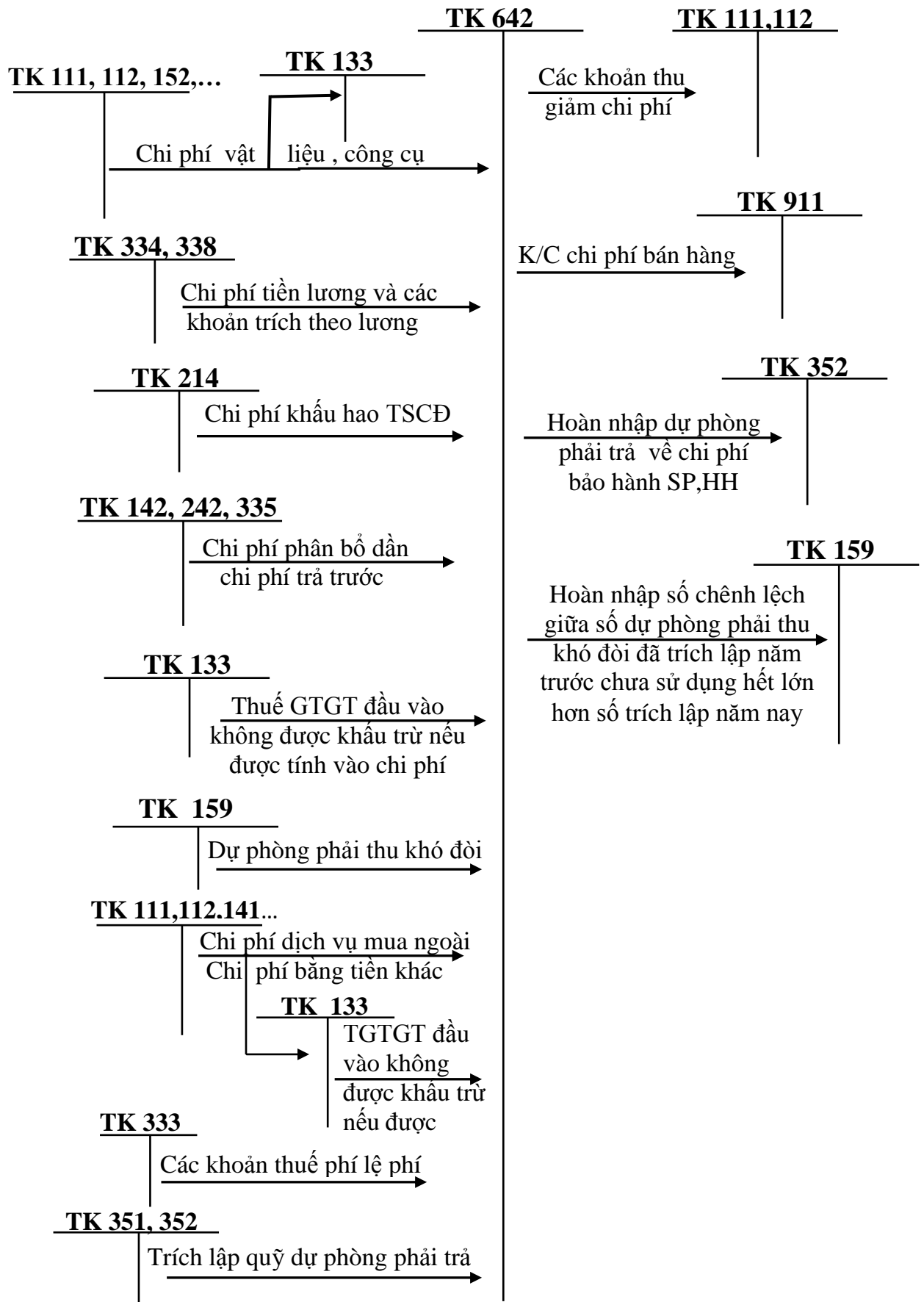
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

Nợ	642	Có
Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ		- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.10. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.4.2.3. Kế toán chi phí tài chính

❖ Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Nợ của ngân hàng.
- Phiếu thu, phiếu kế toán.
- Các hợp đồng vay, và các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

✓ TK 635 : “ Chi phí tài chính ”

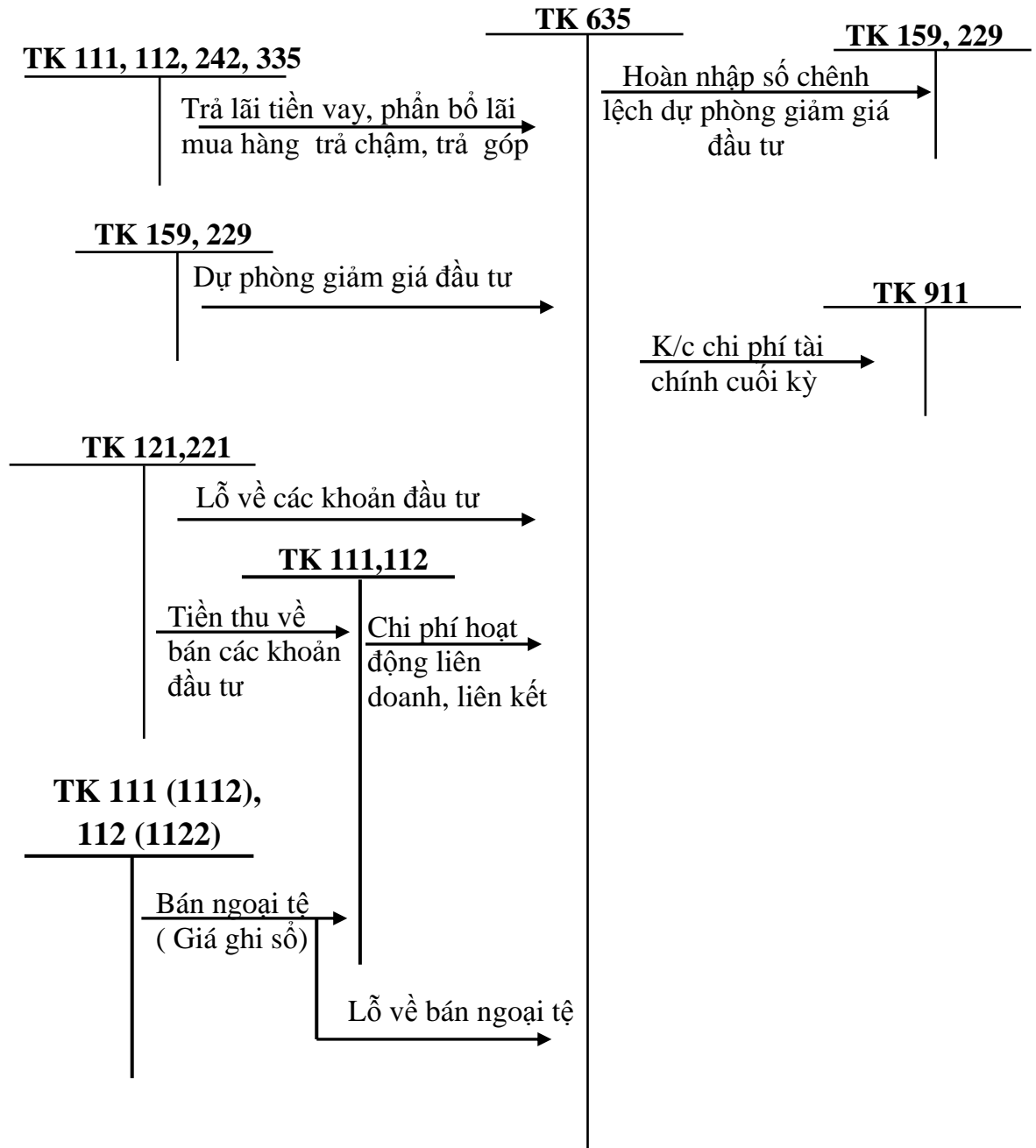
Nội dung: Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết...; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ... Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

Nợ	635	Có
<ul style="list-style-type: none">- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.- Chiết khấu thanh toán cho người mua- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã được thực hiện).- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá hối đoái giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.	<ul style="list-style-type: none">- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải nộp kỳ này nhỏ hơn số dự phòng trích lập năm trước chưa sử dụng hết)- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.11. Kế toán chi phí tài chính



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.4.2.4.kế toán chi phí khác

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Hóa đơn Giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy ủy nhiệm chi, giấy báo có của Ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác: biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế...

❖ **Tài khoản sử dụng**

✓ **TK 811 – “ Chi phí khác ”**

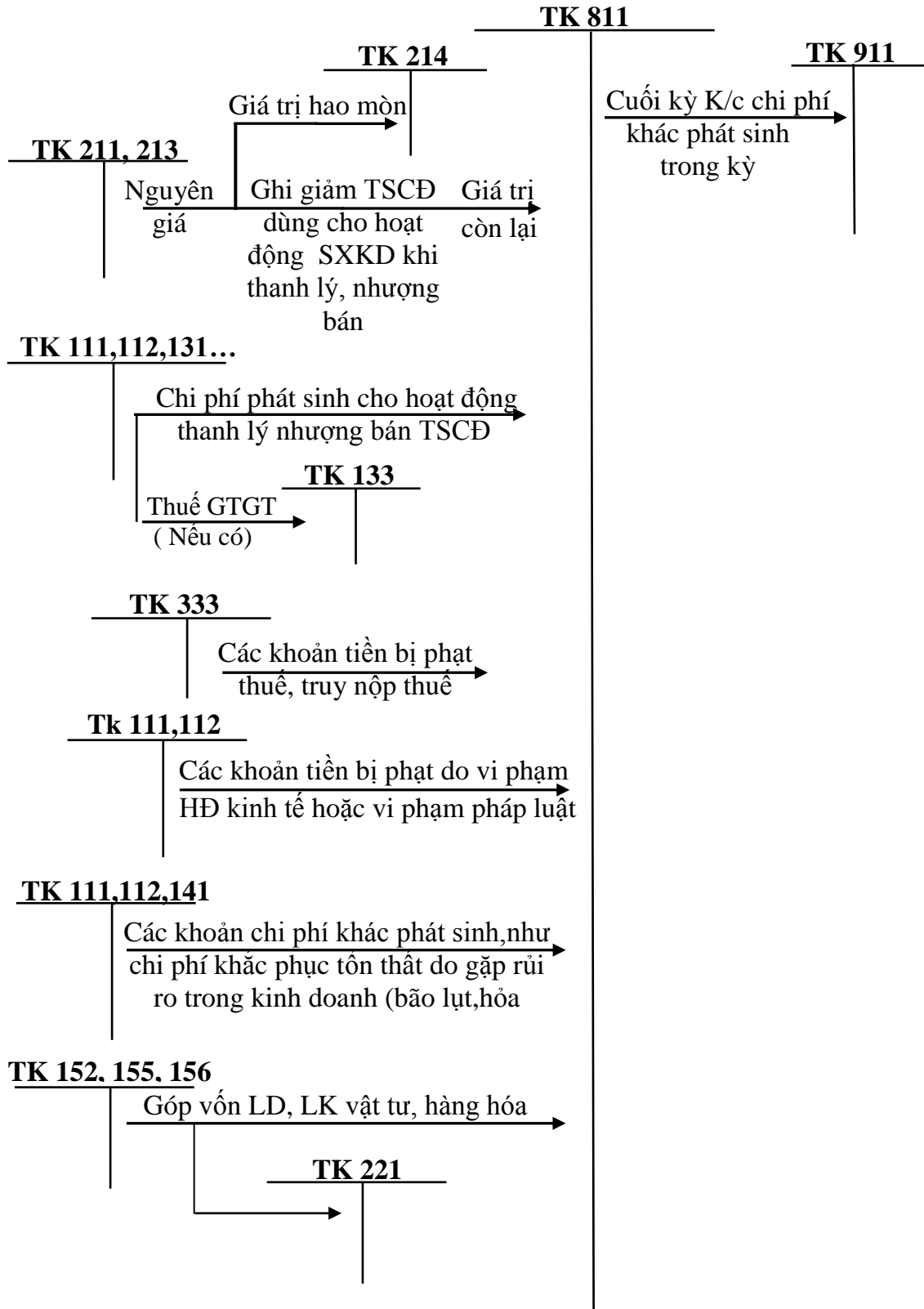
Nội dung: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

Nợ	811	Có
Các khoản chi phí khác phát sinh		Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.12. Kế toán chi phí khác



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.4.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

❖ **Chứng từ sử dụng**

-Phiếu kế toán và các chứng từ có liên quan khác

❖ **Tài khoản sử dụng**

✓ **Tài khoản 821 :Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tài khoản 821 có 2 tài khoản cấp 2:

-TK 8211: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

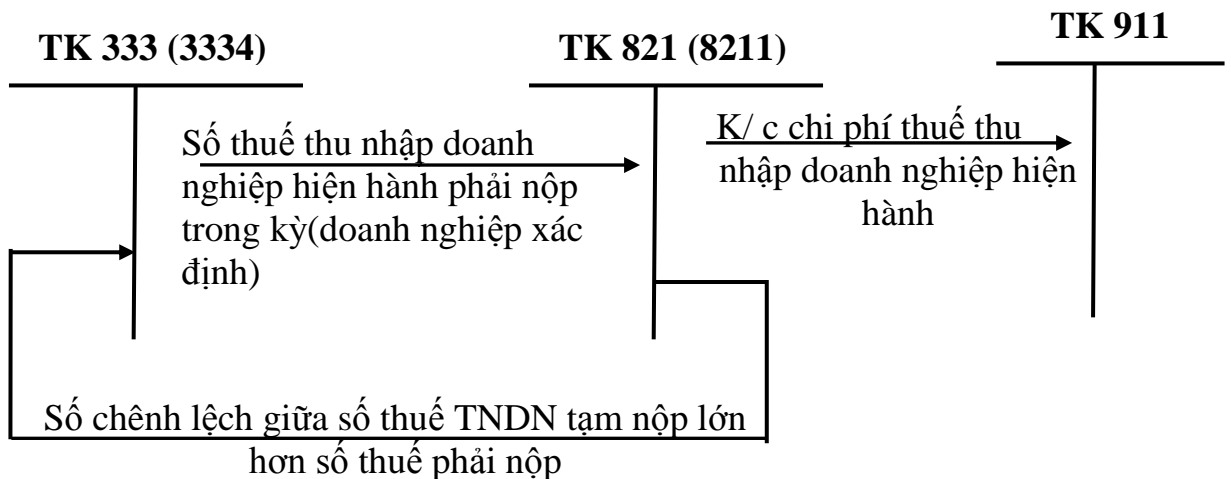
-TK 8212: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Nội dung: Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành. Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.

Nợ	821	Có
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm; - Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại	821	Chi phí thuế TNDN được điều chỉnh giảm do số đã ghi nhận trong năm lớn hơn số phải nộp theo số quyết toán thuế TNDN trong năm; - Chi phí thuế TNDN được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước; - Kết chuyển chi phí thuế TNDN vào bên nợ tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

❖ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.13. Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.4.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh :

❖ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán

❖ **Tài khoản sử dụng**

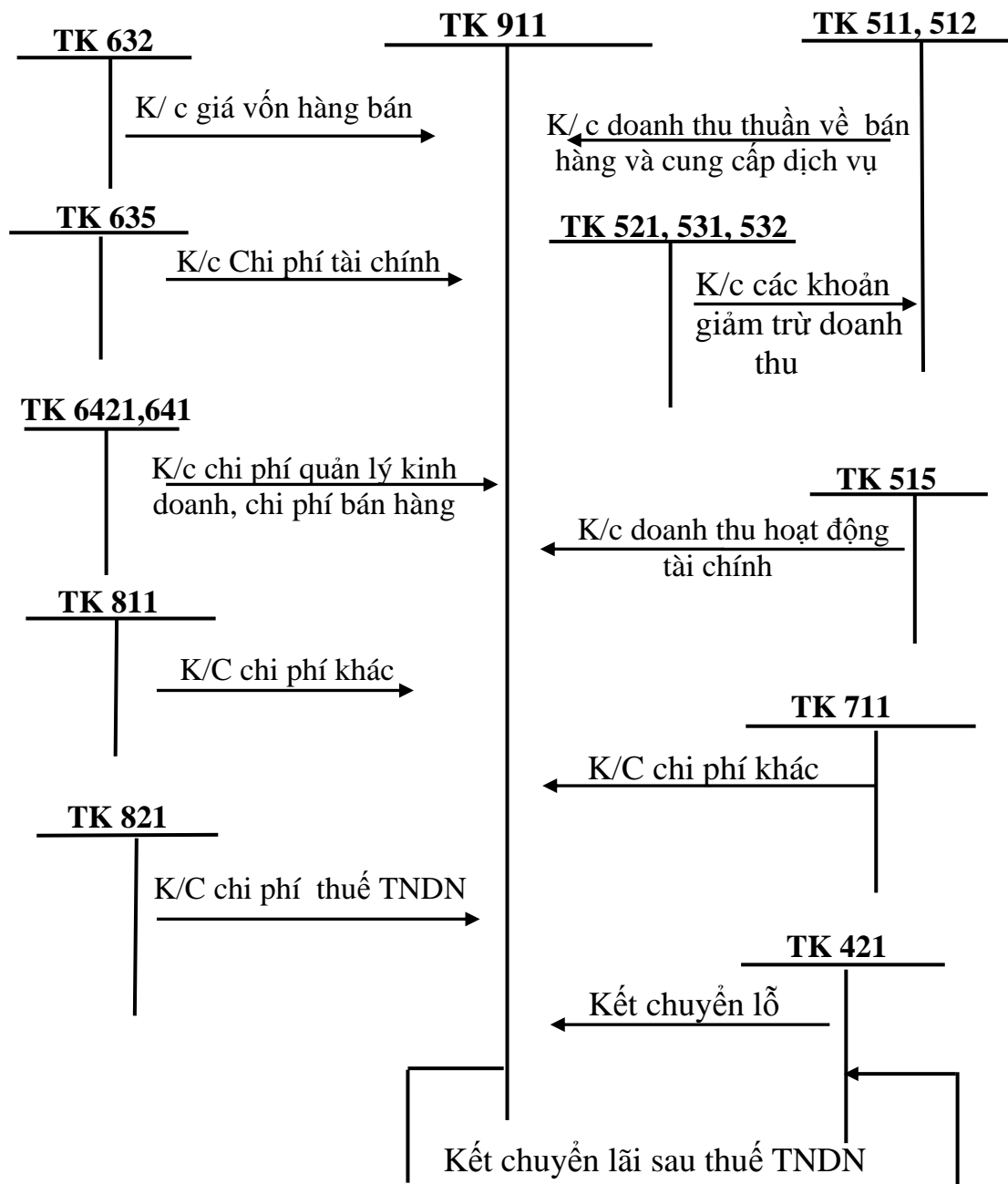
✓ **Tài khoản 911 :Xác định kết quả kinh doanh.**

Nội dung: Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác. Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Nợ	911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp - Kết chuyển lãi		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - Kết chuyển lỗ
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

❖ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.14. Kế toán xác định kết quả kinh doanh



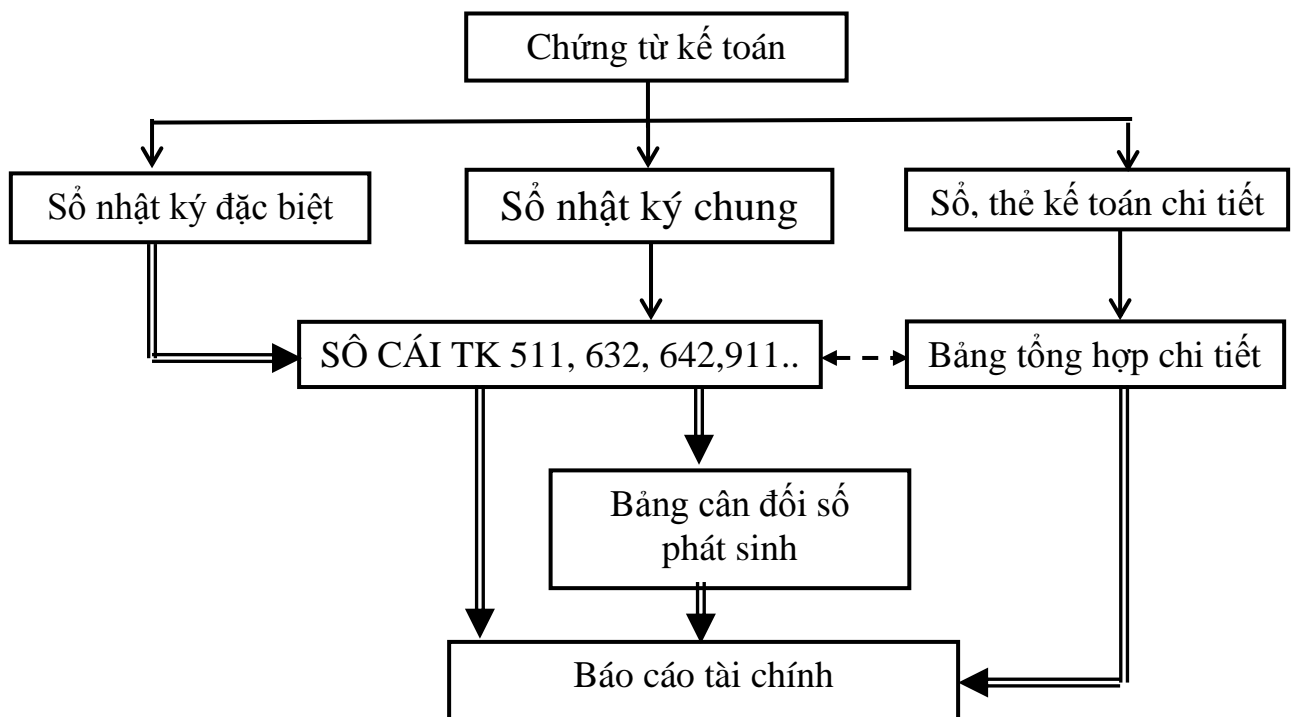
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.5.1. Hình thức nhật ký chung

- ❖ **Đặc trưng cơ bản :** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký và trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.
- ❖ **Các loại sổ chủ yếu:**
 - Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
 - Sổ cái
 - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung



- Ghi chú
- Ghi hàng ngày
 - ==> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

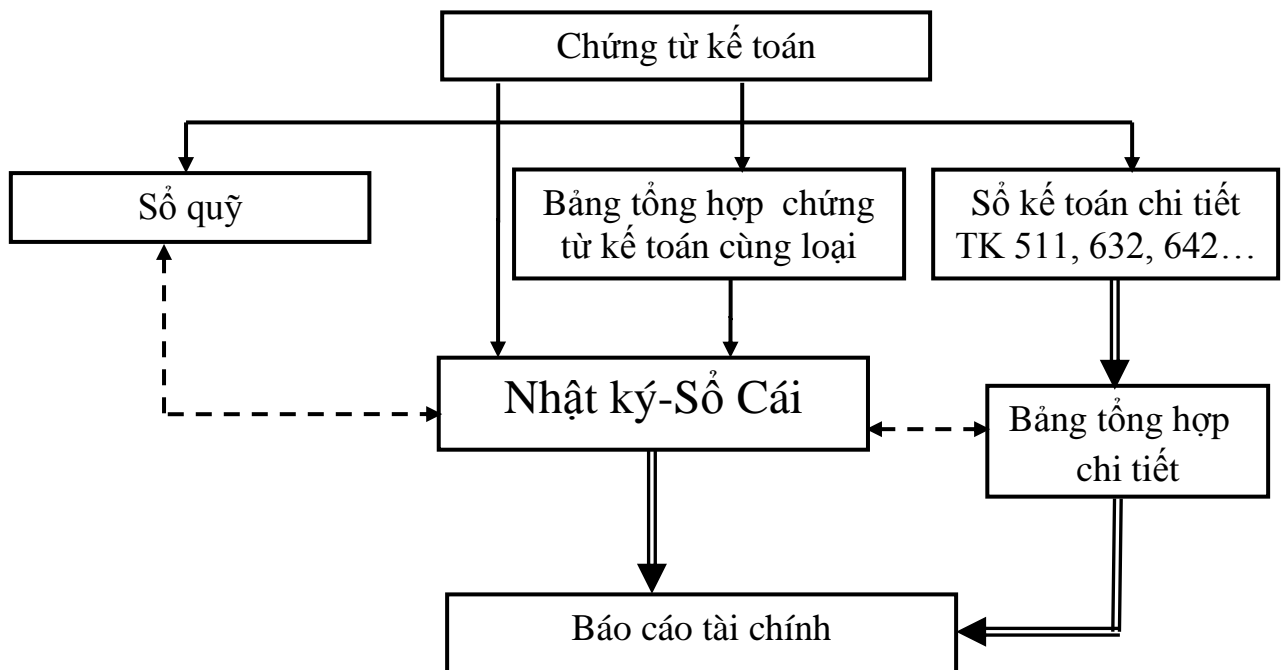
1.5.2. Hình thức nhật ký- sổ cái

❖ **Đặc trưng cơ bản:** Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (Theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký-Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký-Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ **Các loại sổ chủ yếu:**

- Nhật ký-Sổ cái
- Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.16. Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký- Sổ cái



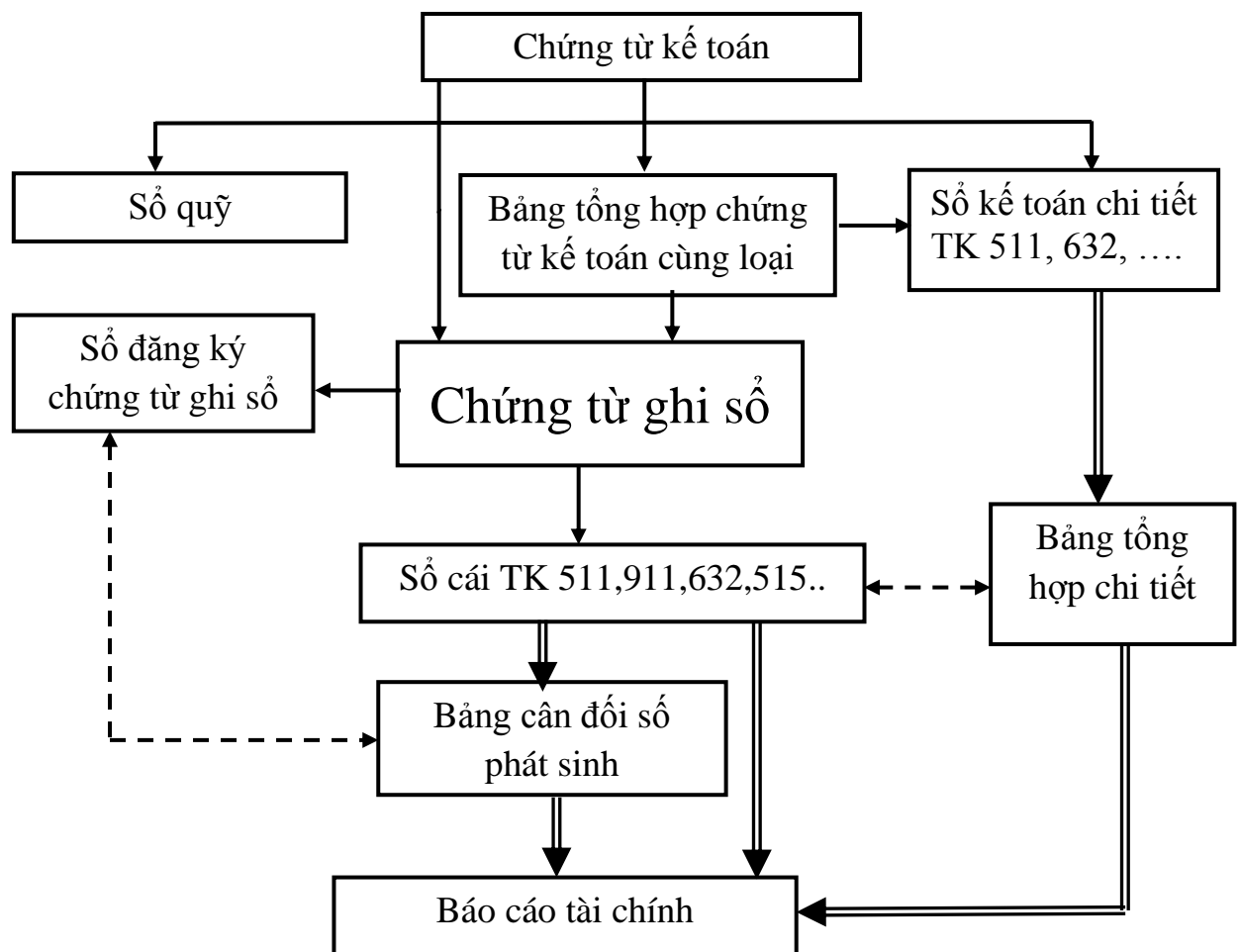
Ghi chú

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ← - - - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.3. Hình thức chứng từ ghi sổ

- ❖ **Đặc trưng cơ bản:** Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là chứng từ ghi sổ
- ❖ **Các loại sổ chủ yếu:**
 - Chứng từ ghi sổ
 - Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
 - Sổ cái
 - Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.17. Trình tự kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.4. Hình thức Nhật ký- Chứng từ

❖ **Đặc trưng cơ bản:**

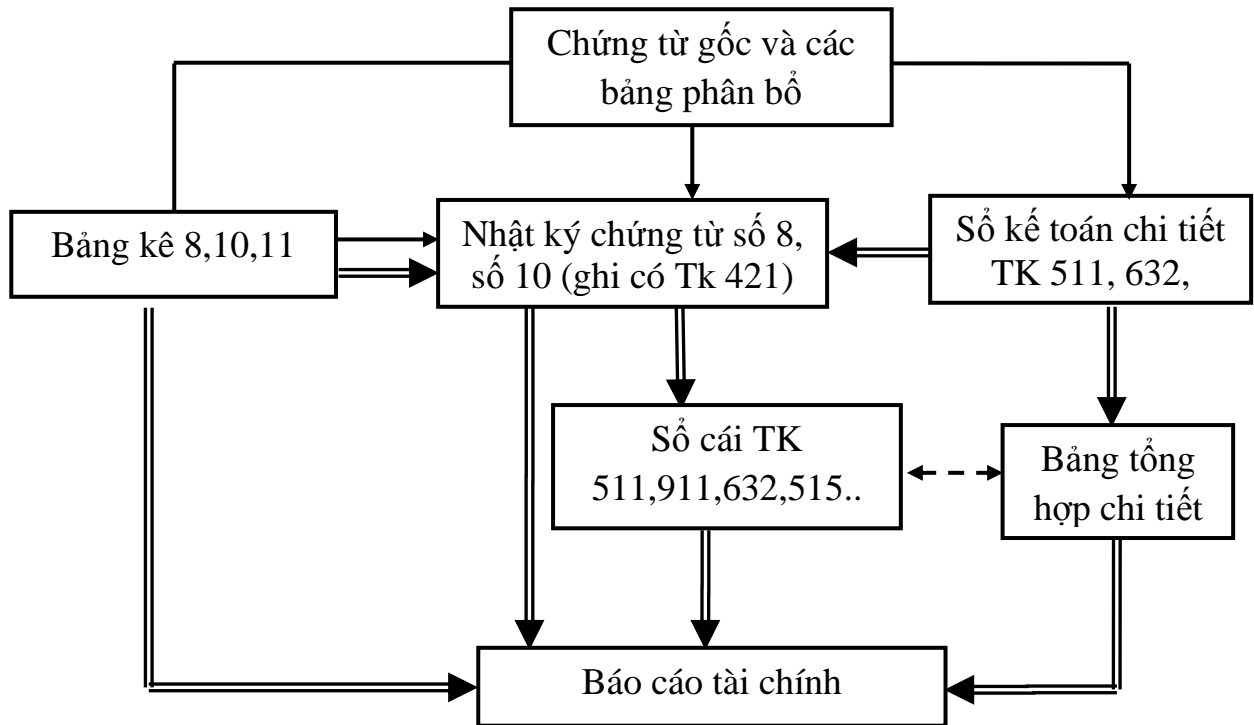
-Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ

-Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)

❖ **Các loại sổ chủ yếu:**

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.18. Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký –Chứng từ



Ghi chú

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ← - - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

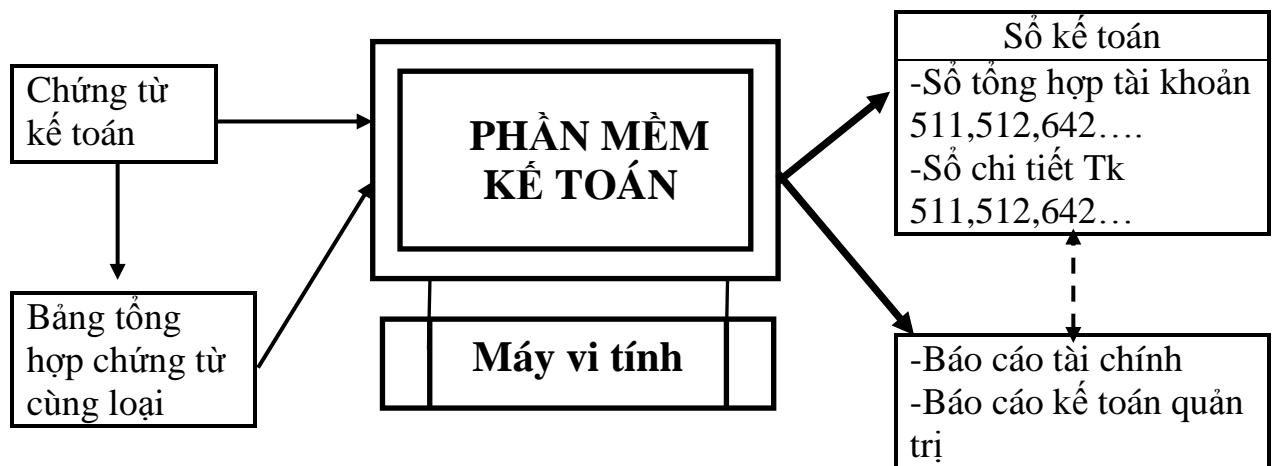
❖ **Đặc trưng cơ bản:**

Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên.

❖ **Các loại sổ chủ yếu:**

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ kế toán của hình thức đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.19. Trình tự kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú

- > Nhập số liệu hàng ngày
- > In sổ báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ← - - - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2 : THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH

2.1. Khái quát chung về công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh.

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh.

Tên công ty: Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh

Tên tiếng Anh : Tan Vu Minh investment joint stock company

Tên viết tắt : Tan Vu Minh investco

Địa điểm: Số 885B Ngô Gia Tự , phường Thành Tô, quận Hải An- Hải Phòng

Điện thoại: (031) 3559011

Tài khoản số: 2114201003620 tại ngân hàng Nông Nghiệp, chi nhánh Hải An-Hải Phòng.

Mã số thuế: 021134596

Để cùng hội nhập với nền kinh tế thế giới, Việt Nam đã có những chính sách cải thiện thúc đẩy nền kinh tế phát triển mạnh mẽ. Nền kinh tế tăng trưởng nhanh chóng làm cho nhu cầu về xây dựng cơ bản cũng như phát triển cơ sở hạ tầng ngày càng trở thành nhu cầu cấp thiết phục vụ cho sự phát triển của nền kinh tế. Nắm bắt được nhu cầu ngày càng cao của nền kinh tế và cơ hội kinh doanh Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh được thành lập. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận và đăng ký kinh doanh số 021134596 của Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/12/2010, ngành nghề kinh doanh của công ty là:

+Xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật, khu công nghiệp, nhà các loại;

+Xây dựng công trình viễn thông. Thi công lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35 KV, xây dựng công trình công viên.;

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí, biển hiệu quảng cáo;

+ Hoàn thiện công trình xây dựng.

+ Bán buôn sắt, thép, xi măng, gạch xây dựng, kính xây dựng, ngũ kim, hàng kim khí;

+ San lấp mặt bằng

+ Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

+ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa;

+ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;...

Vốn điều lệ ban đầu 6.000.000.000 (6 tỷ đồng)

Gồm 3 thành viên:

+ Vũ Đức Hưởng (50%) = 3.000.000.000 đồng

+ Nguyễn Quang Phong (25%) = 1.500.000.000 đồng

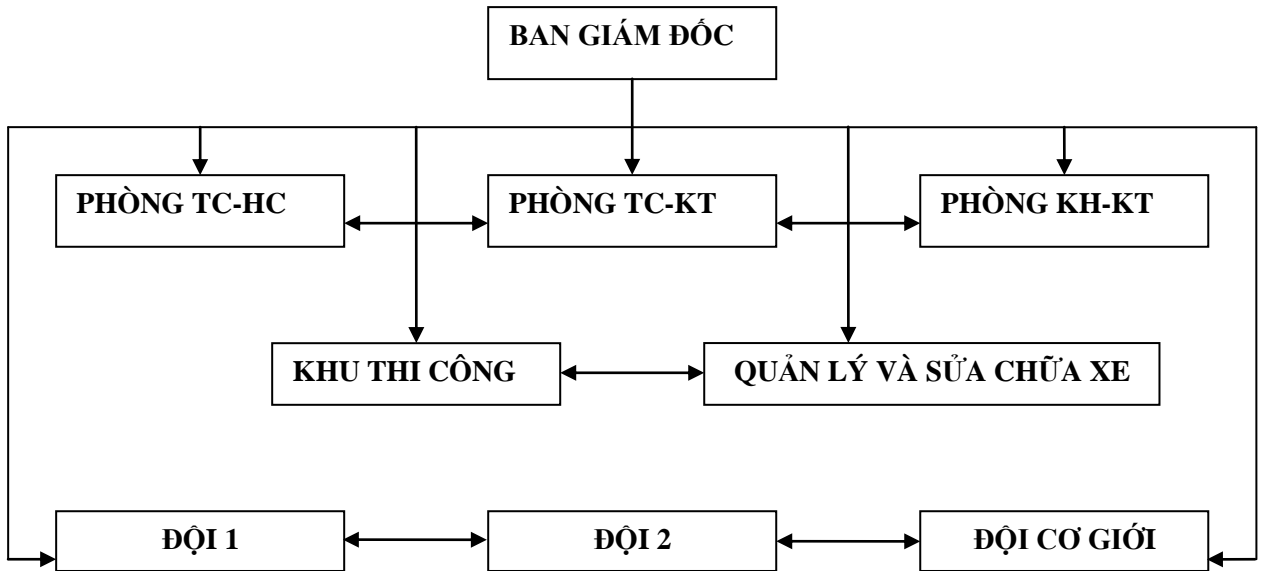
+ Lê Thị Ngà (25%) = 1.500.000.000 đồng

Trong những năm đầu mới thành lập, Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh không những phải đương đầu với sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành, mà bên cạnh đó Công ty còn gặp nhiều trở ngại về mặt nhân lực, thị trường... và kinh nghiệm của Công ty còn khá non trẻ, do đó mà công ty đã gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo Công ty đã huy động mọi nguồn lực và năng lực của mình, đề ra các chiến lược kinh doanh hợp lý, cải thiện điều kiện lao động cho công nhân, phát huy tính tự chủ sáng tạo của cán bộ nhân viên, mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng của dịch vụ.

Trải qua những khó khăn ban đầu, với sự phấn đấu nỗ lực không ngừng của Công ty cùng với sự giúp đỡ của các cơ quan ban ngành có liên quan mà Công ty đã mở rộng được thị trường cũng như quy mô hoạt động của doanh nghiệp, từ đó nâng cao được doanh thu và cải thiện thu nhập cho người lao động, bên cạnh đó còn đáp ứng được nhu cầu của thị trường và khách hàng, từng bước nâng cao và khẳng định uy tín cũng như thương hiệu của công ty trên thị trường.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Ghi chú:

- Quan hệ chỉ đạo
- ↔ Quan hệ phối hợp

Sơ đồ 2.1- SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Chức năng và nhiệm vụ từng bộ phận trong Công ty:

- **Ban giám đốc:** là người đại diện theo pháp luật, người điều hành mọi công việc trong Công ty, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình:

+Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến các hoạt động hằng ngày của Công ty, chuẩn bị và tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, ký kết hợp đồng.

+Bố trí lại cơ cấu tổ chức, phương án sử dụng hoặc xử lý các khoản lỗ trong công ty.

- **Phòng tổ chức – hành chính:** Tham mưu cho giám đốc công ty về việc tổ chức tuyển dụng lao động, phân công sắp xếp nhân sự. Giúp giám đốc theo dõi tình hình công tác công ty, thực hiện chế độ thi đua khen thưởng-kỷ luật trong nhân viên để có cơ sở trả lương hợp lý. Ngoài ra còn giúp giám đốc theo dõi tình hình công tác thực hiện chế độ chính sách tài liệu, công tác lưu trữ hồ sơ, công văn có liên quan.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

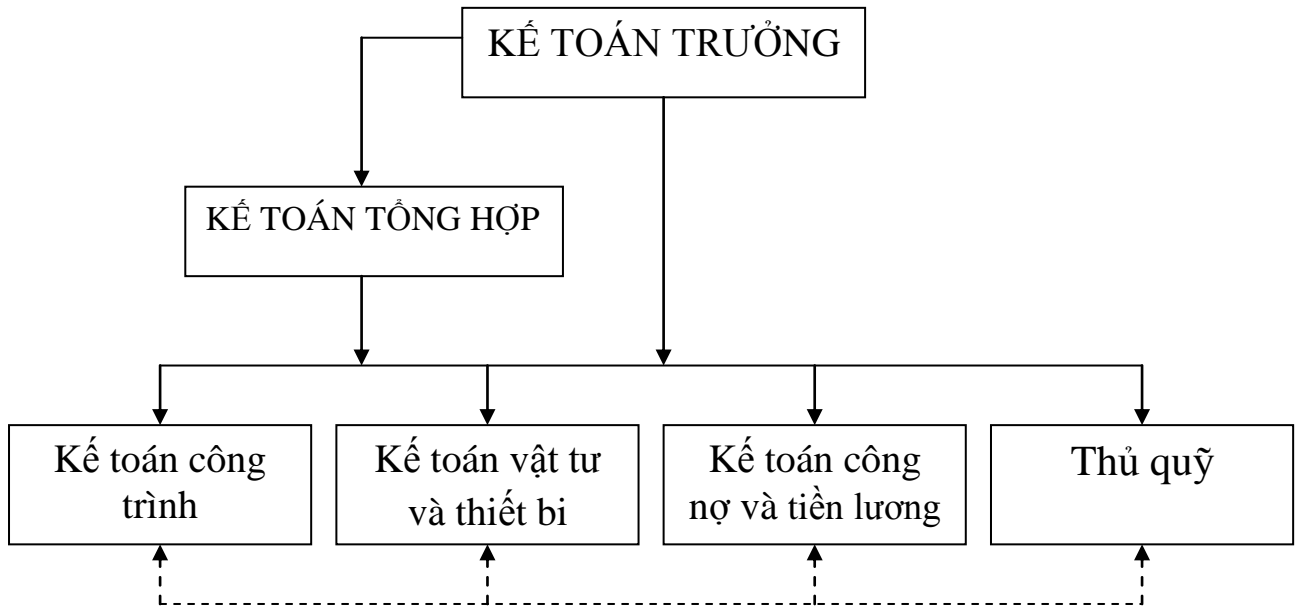
- **Phòng tài chính - kế toán:** Xây dựng kế hoạch tài chính, lập các dự toán trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty. Phản ánh đúng và chính xác các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- **Phòng khoa học – kỹ thuật:** lập ra phương án thi công công trình, giám sát quá trình thi công, nghiệm thu từng giai đoạn và công trình để đảm bảo công trình đạt hiệu quả tiến độ và chất lượng tốt.
- **Khu thi công:** mỗi khu thi công trình có một ban chỉ huy công trình để chỉ đạo thực hiện công trình.
- **Quản lý và sửa chữa xe:** chịu trách nhiệm quản lý mua bán, thanh lý các loại xe phục vụ thi công công trình.
- **Các đội thi công:** Đội 1, đội 2 trực tiếp tiến hành thi công tại các công trình. Đội cơ giới có nhiệm vụ cung cấp, quản lý và sử dụng các thiết bị máy hỗ trợ, phục vụ cho việc thi công tại các công trình như máy đầm, máy xúc....

2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty.

2.1.3.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.

Công ty đang áp dụng tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung. Tất cả các công việc đều được thực hiện dưới sự chỉ đạo của kế toán trưởng.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Ghi chú: \longrightarrow Quan hệ chỉ đạo
 $\longleftarrow\text{-----}\longrightarrow$ Quan hệ phối hợp

SƠ ĐỒ 2.2- SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN CÔNG TY

Chức năng và nhiệm vụ từng bộ phận kế toán.

➤ **Kế toán trưởng:** là người có quyền điều hành toàn bộ công tác kế toán tài chính, có chức năng tổ chức công tác kế toán, tổ chức hình thức hạch toán, kiểm tra các chứng từ thu chi, thanh toán. Đồng thời phối hợp với kế toán tổng hợp làm công tác tổng hợp quyết toán, lập báo cáo quyết toán cuối năm.

➤ **Kế toán tổng hợp:** là người có trách nhiệm hướng dẫn tổng hợp, phân loại chứng từ, định khoản các nghiệp vụ phát sinh, lập sổ sách kế toán cho từng bộ phận kế toán. Làm công tác trực tiếp tổng hợp lập báo cáo quyết toán năm.

➤ **Kế toán công trình:** có nhiệm vụ quản lý việc thu chi tại mỗi công trình, hướng dẫn công việc cho thủ kho và cùng thủ kho kiểm tra, quản lý, giám sát tình hình nhập-xuất-tồn vật tư, công cụ tại mỗi công trình. Định kỳ hai ngày một lần, kế toán công trình phải tập hợp các chứng từ thu-chi, phiếu nhập-xuất kho các loại vật tư có xác nhận của chỉ huy công trình gửi về phòng tài chính- kế toán để kịp thời cập nhật, báo cáo định kỳ cho lãnh đạo công ty.

➤ **Kế toán vật tư và thiết bị:** thường xuyên tìm nguồn vật tư cũng như thiết bị phục vụ cho công trình ổn định, cập nhật giá cả kịp thời, tìm mối quan hệ hợp tác với khách hàng nhằm cung cấp đầy đủ vật tư cho công trình.

➤ **Kế toán công nợ và tiền lương:** theo dõi các khoản công nợ, các khoản thu chi tiền mặt tạm ứng, hoàn ứng cho các bộ phận trong công ty. Thanh toán tiền lương cho các bộ phận và lao động trong công ty.

➤ **Thủ quỹ:** là người có trách nhiệm theo dõi tiền mặt cũng như tiền gửi ngân hàng của Công ty, lập báo cáo về quỹ tiền mặt, tiền gửi và tiền vay tại ngân hàng.

2.1.3.2. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty.

-Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

-Đơn vị tiền tệ: VNĐ

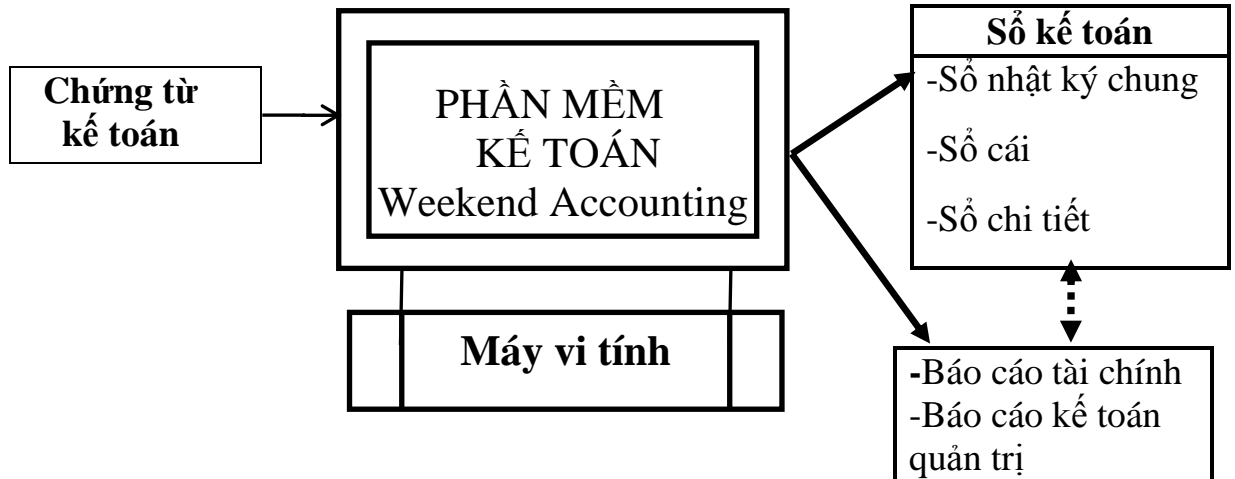
-Chế độ kế toán áp dụng: công tác hạch toán kế toán tại Công ty được thực hiện theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của bộ trưởng Bộ tài chính.

-Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

-Phương pháp tính khấu hao: phương pháp đường thẳng.

- Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng: phương pháp khấu trừ .

Để thích hợp với doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ, để chuyên môn hóa, công ty lựa chọn hình thức kế toán trên máy vi tính .Hiện nay công ty đang sử dụng phần mềm kế toán “Weekend Accounting” được thiết kế theo nguyên tắc của hình thức nhật ký chung.



Ghi chú:

- > **Nhập số liệu hàng ngày**
- > **In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm**
- ◄.....► **Đối chiếu, kiểm tra**

Sơ đồ 2.3 : Quy trình hạch toán kế toán trên máy vi tính.

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán mà các bộ phận cung cấp kế toán tiến hành kiểm tra, nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán theo các mẫu, bảng biểu đã được thiết kế sẵn trên phần mềm. Sau khi hoàn thành nhập dữ liệu kế toán ban đầu các thông tin kế trên máy sẽ tự động nhập vào sổ nhật ký chung, sổ cái.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết), kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa các số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo sự chính xác, trung thực theo thông tin đã nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra đối chiếu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ sách kế toán ghi bằng tay.

Khởi động phần mềm “**Weekend Accounting**” : Kích đúp chuột vào biểu tượng “**Weekend Accounting**” trên màn hình window. Sau khi khởi động phần mềm Weekend Accounting hộp hội thoại đăng nhập sẽ tự động cập

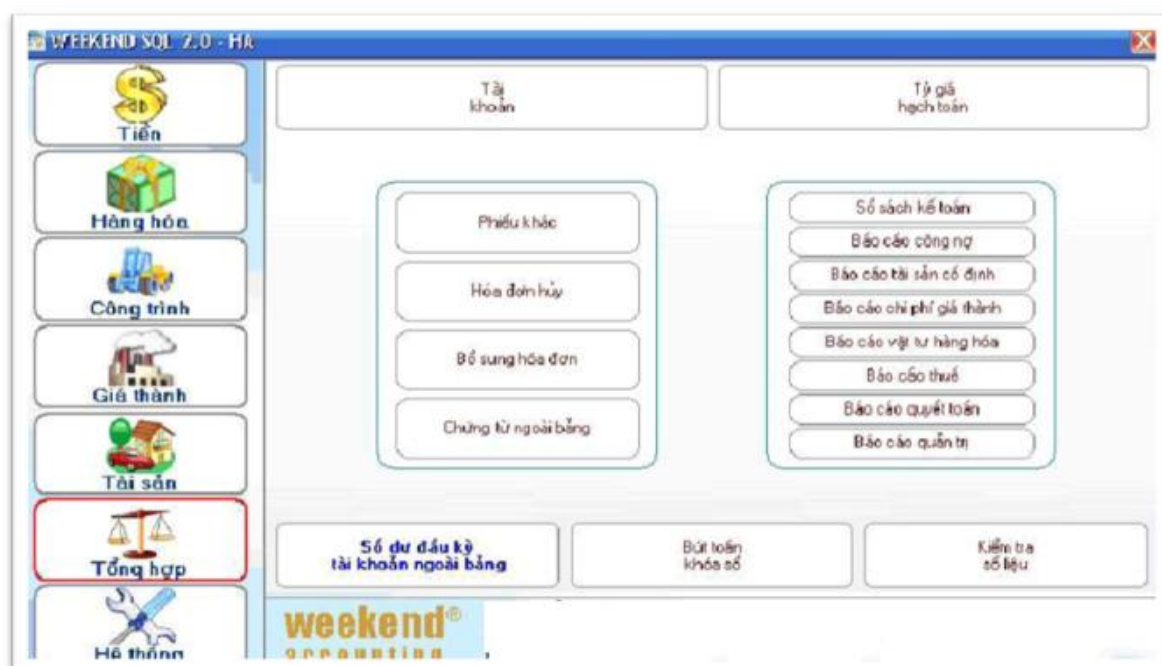
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

nhập. Người dùng nhập tên và mật khẩu để đăng nhập hệ thống. Khi đăng nhập thành công một hộp hội thoại mới sẽ xuất hiện mô tả khái quát về các phần hành kế toán mà doanh nghiệp đang sử dụng. Từ màn hình chính người sử dụng có thể nhận thấy phần mềm gồm các phân hệ chính sau : tiền, hàng hóa, công trình, giá thành, tài sản, tổng hợp, và hệ thống.

Màn hình giao diện hộp thoại đăng nhập hệ thống.



Màn hình giao diện chính của phần mềm kế toán Weekend Accounting.



2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh.

2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Hợp đồng kinh tế giao nhận xây dựng.
- Quyết toán công trình
- Biên bản thanh lý công trình.
- Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận
- Các chứng từ thanh toán : Phiếu thu, Báo Có ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 511 : doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Các tài khoản cấp 2 :
 - +TK5111 :Doanh thu xây dựng
 - +TK 5112: Doanh thu sửa chữa, rửa xe

Ngoài ra có các tài khoản liên quan : 131,111,112.

➤ **Phương thức cung cấp dịch vụ.**

Công ty cung cấp dịch vụ theo phương thức trực tiếp

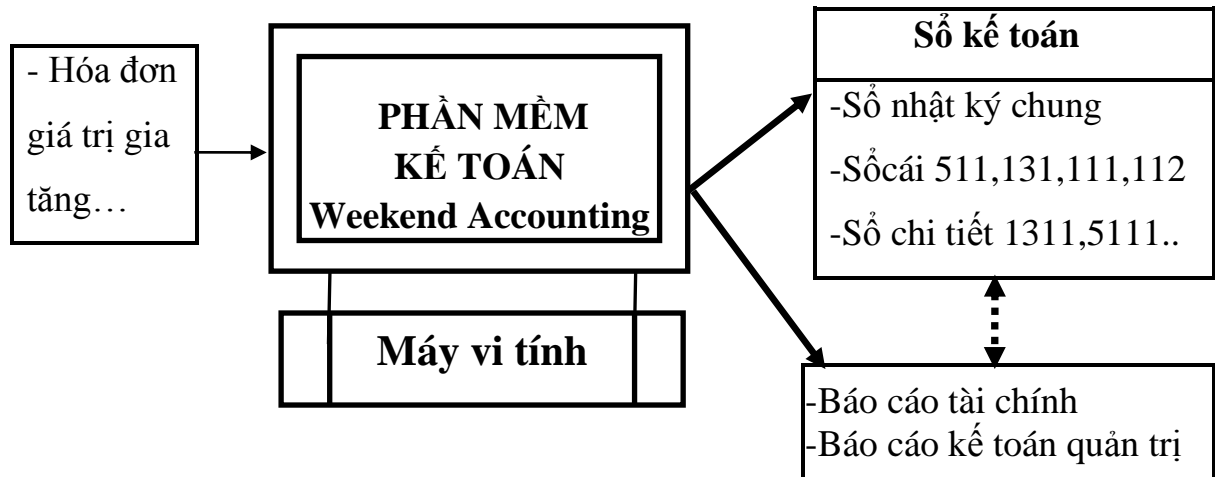
➤ **Hình thức thanh toán:**

- Tiền mặt
- Chuyển khoản.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

➤ Phương pháp hạch toán.

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- > In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ◄.....> Đối chiếu, kiểm tra

➤ Ví dụ:

Ngày 28/11/2012 căn cứ hợp đồng kinh tế số 571/2011 ký ngày 08/08/2012 với Lữ đoàn 602 –Bộ Tham Mưu Hải Quân bàn giao công trình sửa chữa nhà ở cơ quan S5,S6 với tổng giá trị 777.964.356 (bao gồm thuế VAT 10%) theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000016.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 01: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000016.

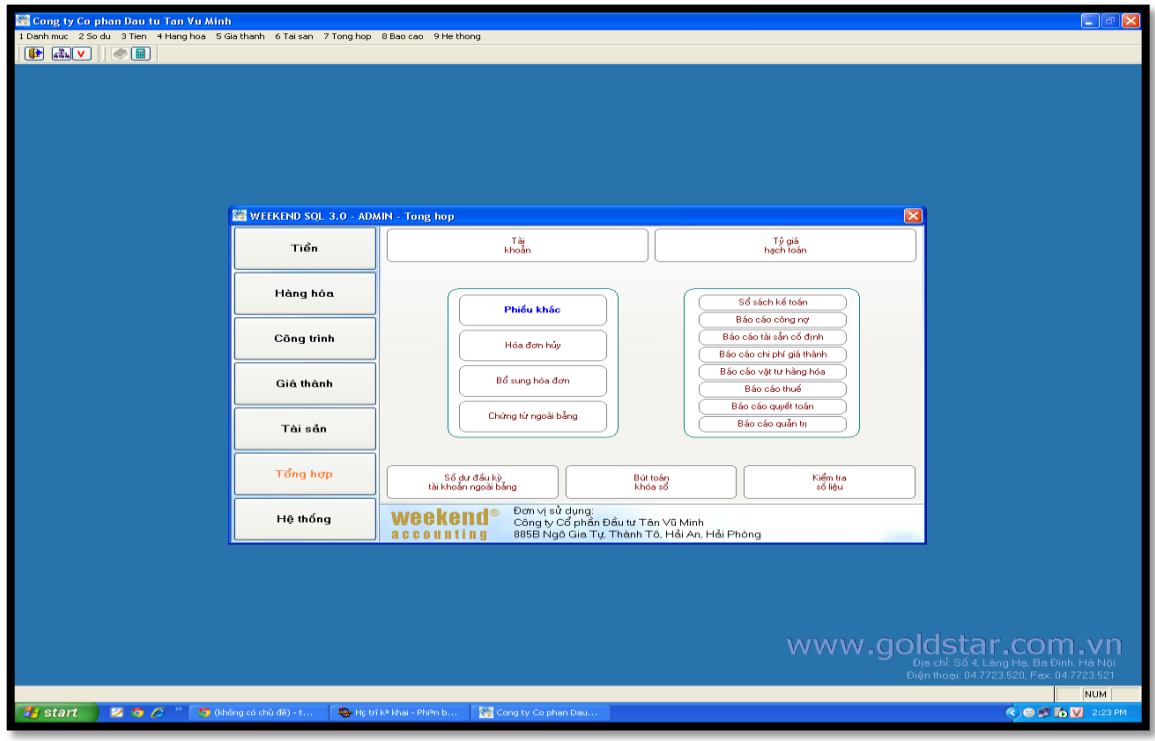
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 3: Nội Bộ			Ký hiệu: AA/12P		
Ngày 28 tháng 11 năm 2012			Số: 0000016		
<p>Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH Mã số thuế: 0201234596 Địa chỉ : Số 885 B Ngõ Gia Tự, Thành Tô, Hải An, Hải Phòng Điện thoại: 031.3839119-031.3532255 Số tài khoản :2114201003620 -NH Nông Nghiệp, chi nhánh Hải An-Hải Phòng.</p>					
<p>Họ tên người mua : Nguyễn Văn Trung Tên đơn vị :Lữ đoàn 602-Bộ Tham Muu –Hải Quân MST : Địa chỉ: Thành Tô-Hải An-Hải Phòng Hình thức thanh toán : CK Số tài khoản : 502001703 tại NHTMCP Công Thương VN-CN Hồng Bàng</p>					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đ.V.T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4x5
	Thi công sửa chữa nhà ở cơ quan S5,S6 lữ đoàn 602 BTM Hải Quân				707.240.324
Cộng tiền hàng :					707.240.324
Thuế suất GTGT : 10%			Tiền thuế GTGT:		
70.724.032					
Tổng cộng thanh toán:					
777.964.356					
<i>Số tiền viết bằng chữ :Bảytrăm bảy mươi bảy triệu chín trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng chẵn./</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)</i>					

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

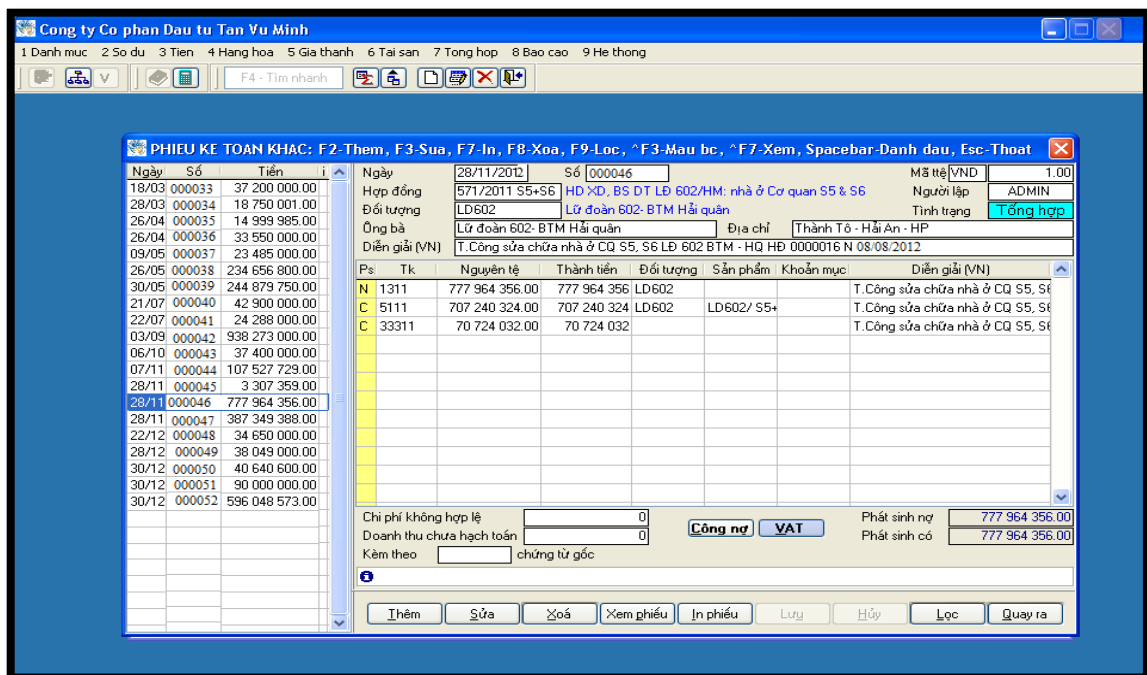
Căn cứ hóa đơn giá trị gia tăng số 0000016 kê toán nhập số liệu vào phần mềm máy tính theo các bước sau :

- ✓ Tại màn hình giao diện chính chọn phân hệ “**Tổng hợp / Phiếu khác**”, kích chuột vào chức năng “**Thêm**” hoặc bấm phím “**F2**” rồi nhập nội dung của hóa đơn giá trị gia tăng vào phiếu kê toán.

Phân hệ Tổng Hợp/Phiếu Khác



Màn hình giao diện phiếu kê toán.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ Để lưu phiếu ta kích chọn “**Lưu**” trên thanh công cụ .Muốn in phiếu kế toán ra, ta kích vào nút **In phiếu** trên thanh công cụ hoặc bấm **phím F7** , chọn loại máy in và in phiếu .

Biểu số 02: Phiếu kế toán.

Công ty cổ phần đầu tư Tân Vũ Minh
Số 885B Ngô Gia Tự, Quận Hải An, Hải Phòng

Mẫu số 04-TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng-BTC)

Phiếu kế toán

Ngày 28/11/2012

Họ tên : Lữ Đoàn 602-BTM Hải Quân

Số: 000046

Địa chỉ: Thành Tô-Hải An-HP

Chi tiết phát sinh thể hiện dưới bảng sau

Tài khoản	Nội dung	PS nợ	PS có
1311	T.Công sửa chữa nhà ở cơ quan S5,S6 Lữ đoàn 602 BTM-HQ HĐ 0000016 N 28/11/2012	777.964.356	
5111	T.Công sửa chữa nhà ở cơ quan S5,S6 Lữ đoàn 602 BTM-HQ HĐ 0000016 N 28/11/2012		707.240.324
33311	T.Công sửa chữa nhà ở cơ quan S5,S6 Lữ đoàn 602 BTM-HQ HĐ 0000016 N 28/11/2012		70.724.032
Tổng cộng		777.964.356	777.964.356

Kèm theo: **0000016** chứng từ gốc

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ Để xem sổ kế toán, vào phân hệ “**Tổng hợp / Sổ sách kế toán**”

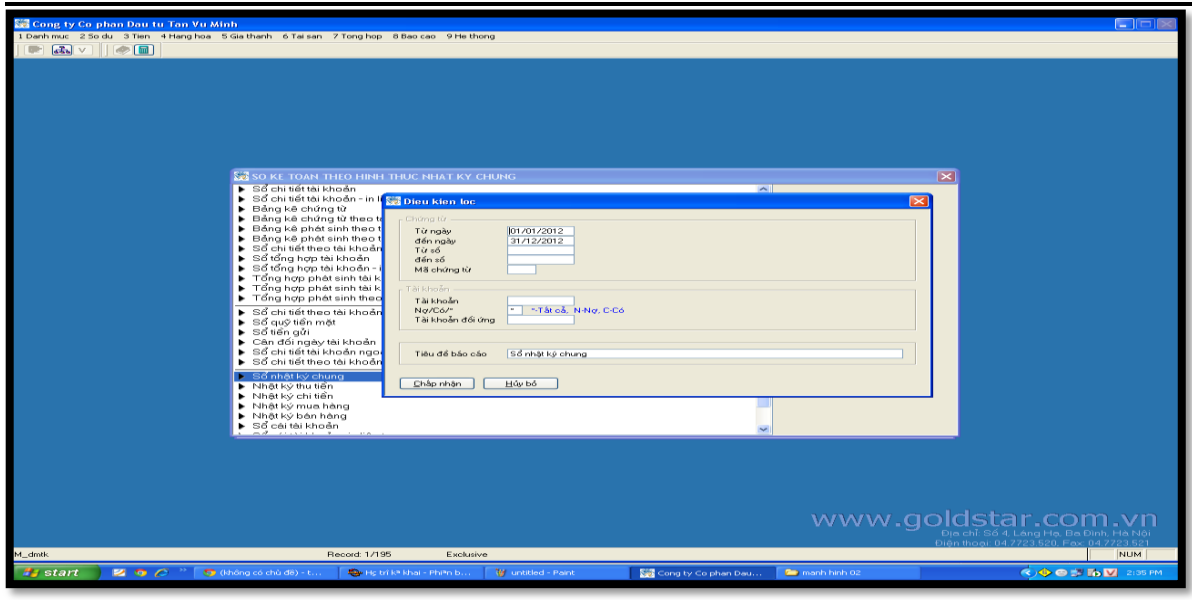
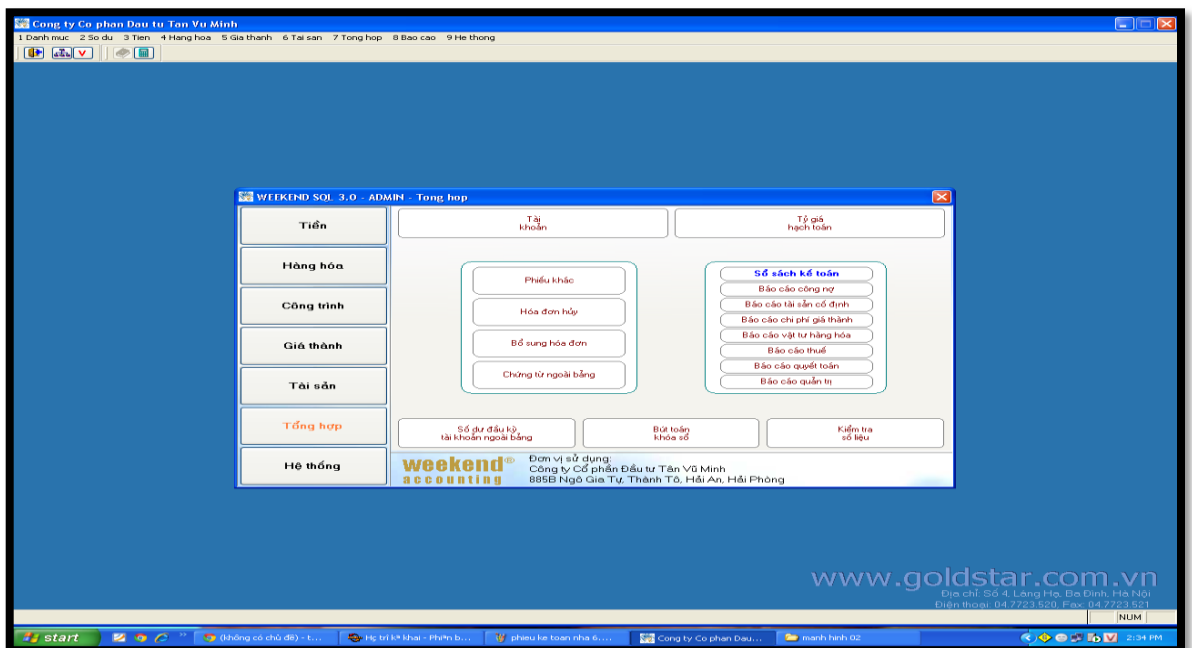
- Xem sổ nhật ký chung , kích chọn “**Sổ nhật ký chung**”, Tại hộp thoại “**Điều kiện lọc**” chọn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012. Kích chọn “**Chấp Nhận**” để hiển thị lệnh

- Xem sổ cái, kích chọn “**Sổ cái tài khoản**”

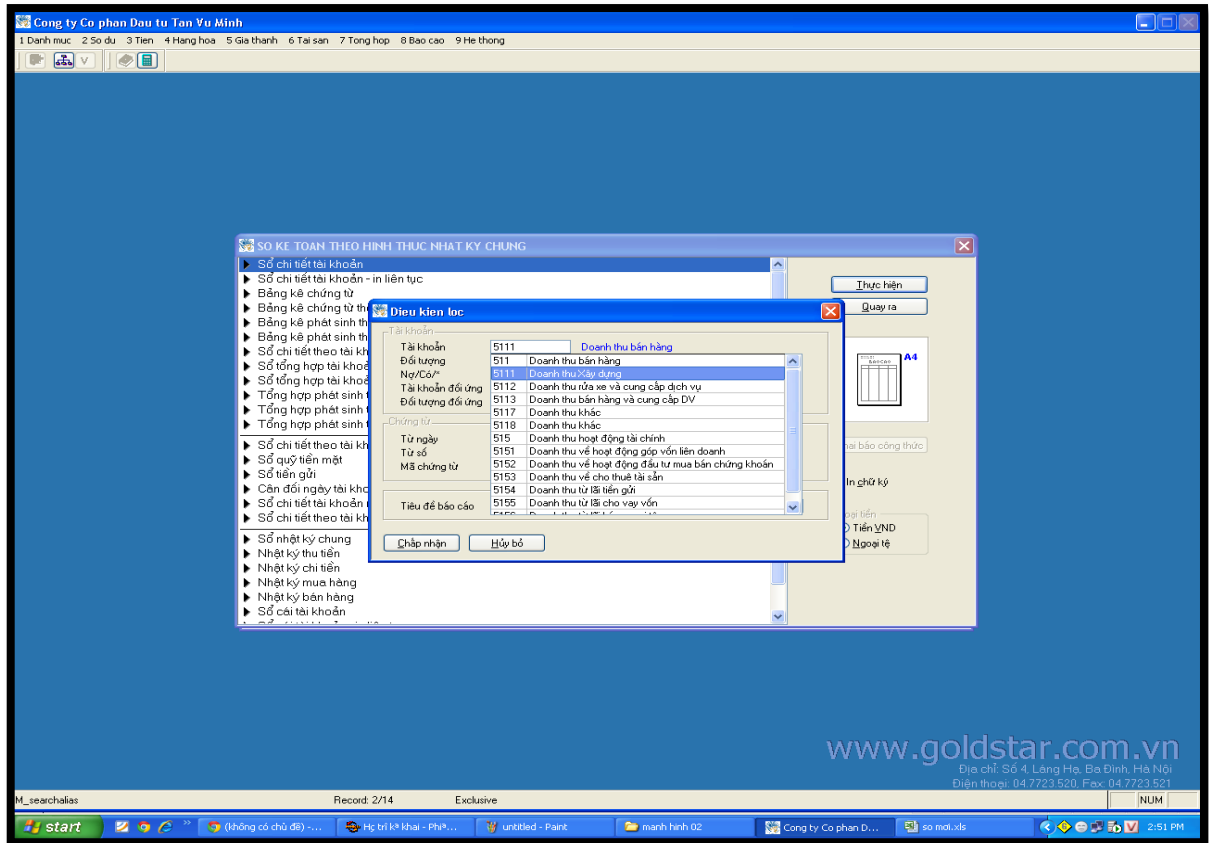
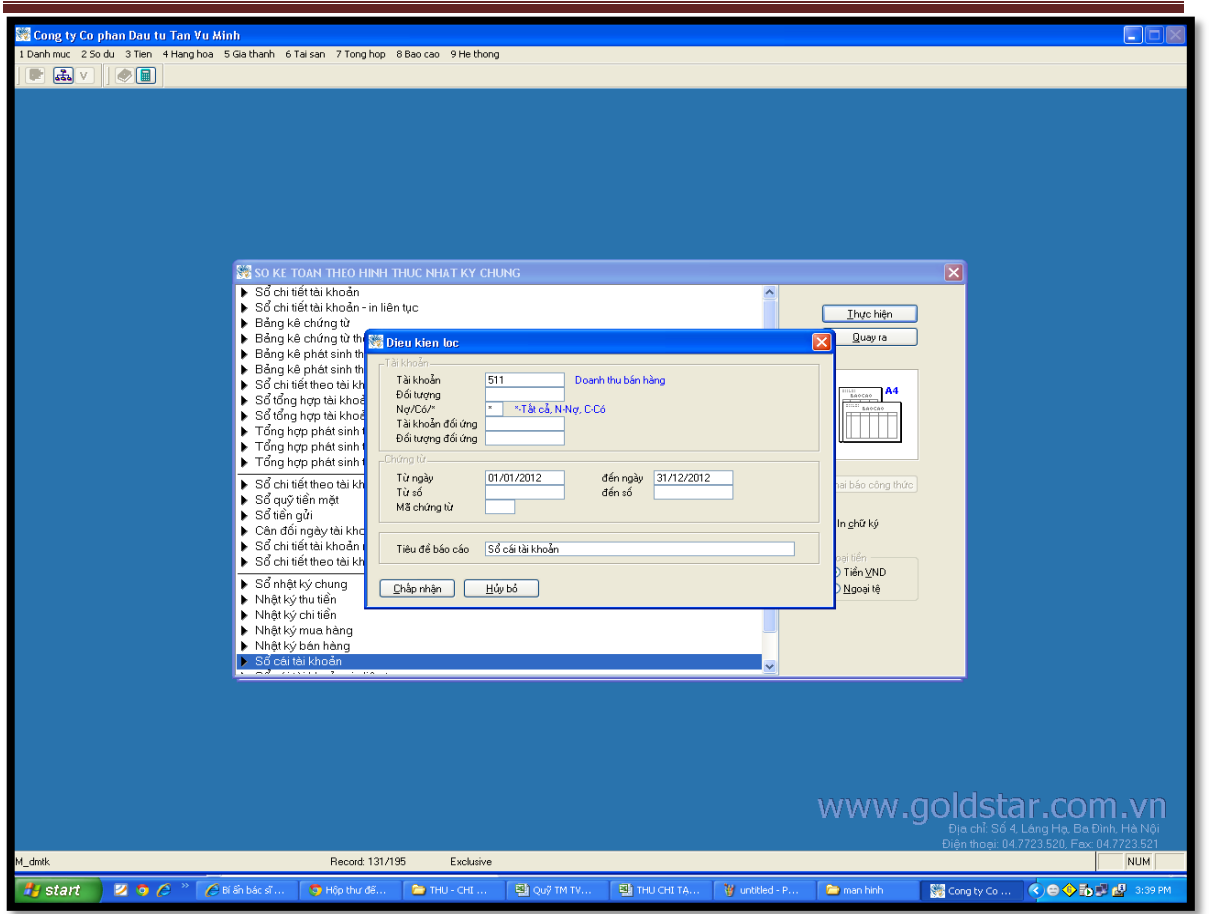
Tại hộp thoại “**Điều kiện lọc**” chọn tài khoản 511 chọn ngày từ 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012. Kích chọn “**Chấp Nhận**” để hiển thị lệnh.

- Xem sổ chi tiết tài khoản chọn : “**Sổ chi tiết tài khoản**” chọn tài khoản 5111 chọn ngày từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012. Kích chọn “**Chấp Nhận**” để hiển thị lệnh.

Màn hình giao diện Tổng hợp/Sổ sách kế toán.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 03: Sổ nhật ký chung.

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH
Địa chỉ: 885 B NGÔ GIA TỰ, THÀNH TÔ, HẢI AN, HP

Mẫu số: S03a - DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT: VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TKĐU	Ps nợ	Ps có
---	-----	-----	-----	-----	-----	-----
BN	25/11/2012	00093	Phí rút sớm			
	- -		Chi phí quản lý DN	6422	58.200	
	- -		Tiền Việt Nam gửi tại NHHH & PT NT-HP	11211		58.200
---	-----	-----	-----	-----	-----	-----
PK	28/11/2012	000045	Thuê máy phá dỡ, san lấp HM: Công tường rào, bốt gác c.trình XD BS DT LĐ 602 HĐ 0000018 N28/11/2012			
	- -		Phải thu khách hàng	1311	3.307.359	
	- -		Doanh thu xây dựng	5111		3.006.690
	- -		Thuế GTGT đầu ra	33311		300.669
PK	28/11/2012	000046	T.công sửa chữa nhà ở cơ quan S5,S6 LĐ 602 BTM-HQ HĐ 0000016 N 28/11/2012			
	- -		Phải thu khách hàng	1311	777.964.356	
	- -		Doanh thu xây dựng	5111		707.240.324
	- -		Thuế GTGT đầu ra	33311		70.724.032
PK	28/11/2012	000047	T.công nhà ở ĐĐ 70 LĐ 602 BTM-HQ HĐ 0000017 N 28/11/2012			
	- -		Phải thu khách hàng	1311	387.349.388	
	- -		Doanh thu xây dựng	5111		352.135.807

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

	- -		Thuế GTGT đầu ra	33311		35.213.581
BC	29/11/2012	000105	Lữ Đoàn 602-BTM Hải Quân trả tiền lần 2 nhà C60			
	- -		Tiền Việt Nam gửi tại NHNH & PT NT -HP	11211	1.000.000.000	
	- -		Phải thu khách hàng	1311		1.000.000.000
PT	29/11/2012	000160	Rút tiền mặt nhập quỹ			
	- -		Tiền mặt	1111	800.000.000	
	- -		Tiền Việt Nam gửi tại NHNH & PT NT -HP	11211		800.000.000
BN	29/11/2012	00097	Trả tiền mua gạch xây nhà C60 cho c.ty Thành Vinh			
	- -		Phải trả cho người bán	3311	300.000.000	
	- -		Tiền Việt Nam gửi tại NHNH & PT NT -HP	11211		300.000.000
BN	29/11/2012	00098	Trả tiền cửa nhựa lõi thép cho c.ty Đức Tuấn			
	- -		Phải trả cho người bán	3311	35.285.000	
	- -		Tiền Việt Nam gửi tại NHNH & PT NT -HP	11211		35.285.000
---	-----	-----	-----	-----	-----	-----
			Tổng cộng		104.327.446.643	104.327.446.643

Kế toán ghi số
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 04: Sổ cái tài khoản 511

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH

Mẫu số: S03b - DNN

Địa chỉ: 885 B NGÔ GIA TỰ, THÀNH TÔ, HẢI AN, HẢI PHÒNG

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 511

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT: VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn Giải	TKĐU	PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu kỳ			
---	-----	----	-----	----	-----	-----
PK	28/11/2012	000045	Thuê máy phá dỡ, san lấp HM: Công , tường rào, cốt gác c.trình XD BS DT LĐ 602 HĐ 0000018 N28/11/2012	1311		3.006.690
PK	28/11/2012	000046	T.công sửa chữa nhà ở cơ quan S5,S6 LĐ 602 BTM-HQ HĐ 0000016 N 28/11/2012	1311		707.240.324
PK	28/11/2012	000047	T.công nhà ở ĐĐ 70 LĐ 602 BTM-HQ HĐ 0000017 N 28/11/2012	1311		352.135.807
---	-----	----	-----	----	-----	-----
PT	30/11/2012	000162	Thu tiền sửa xe T 10-11 HĐ 0000019	1111		17.768.182
---	-----	----	-----	----	-----	-----
PK	22/12/2012	000048	Bảo dưỡng ô tô đợt 4 HĐ 0000020	1311		31.500.000
---	-----	----	-----	----	-----	-----
PK	28/12/2012	000049	Bán cát đen HĐ 0000022	1311		391.600.000
PK	28/12/2012	000050	T.công sửa chữa nâng cấp cột awngten UBND p.Tràng Cát	1311		34.590.000
---	-----	----	-----	----	-----	-----
PK	30/12/2012	000051	Sửa chữa cải tạo nâng cấp nhà cấp 4 LĐ 602 HM:Sửa chữa cải tạo nhà kho Rada HĐ 0000025	1311		541.862.340
---	-----	----	-----	----	-----	-----
PK	31/12/2012	000059	Kết chuyển doanh thu	9111	19.606.182.780	
			Cộng số phát sinh		19.606.182.780	19.606.182.780
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Kế toán ghi số
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 05: Sổ chi tiết tài khoản 5111

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH

Mẫu số: S20 - DNN

Địa chỉ: 885 B NGÔ GIA TỰ, THÀNH TÔ, HẢI AN, HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 5111

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT: VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn Giải	TKĐU	PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu kỳ			
--	-----	-----	-----	----	-----	-----
PK	28/11/2012	000046	T.công sửa chữa nhà ở cơ quan S5,S6 LĐ 602 BTM-HQ HĐ 0000016 N 28/11/2012	1311		707.240.324
PK	28/11/2012	000047	T.công nhà ở ĐĐ 70 LĐ 602 BTM-HQ HĐ 0000017 N 28/11/2012	1311		352.135.807
PK	28/12/2012	000050	T.công sửa chữa nâng cấp cột ăngten UBND p.Tràng Cát	1311		34.590.000
PK	30/12/2012	000051	Sửa chữa cải tạo nâng cấp nhà cấp 4 LĐ 602 HM:Sửa chữa cải tạo nhà kho Rada HĐ 00000025	1311		541.862.340
PK	30/12/2012	000052	Sửa chữa cải tạo nâng cấp nhà cấp 4 LĐ 602 HM:Sửa chữa cải tạo nhà ở đội 60 HĐ 00000026	1311		886.775.335
PK	30/12/2012	000053	Sửa chữa cải tạo nâng cấp nhà cấp 4 LĐ 602 HM:Sửa chữa cải tạo kho QN, kho DT trạm BT HĐ 00000027	1311		854.595.066
PK	30/12/2012	000054	Sửa chữa cải tạo nâng cấp nhà cấp 4 LĐ 602 HM:Sửa chữa cải tạo nhà để xe ooto trạm nguồn nhà ở CH K36 HĐ 00000028	1311		511.936.894
--	-----	-----	-----	----	-----	-----
PK	31/12/2012	000059	Kết chuyển doanh thu	9111	19.252.359.253	
			Cộng số phát sinh		19.252.359.253	19.252.359.253
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Kế toán ghi số
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Doanh thu tài chính tại công chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng.

➤ **Chứng từ sử dụng :**

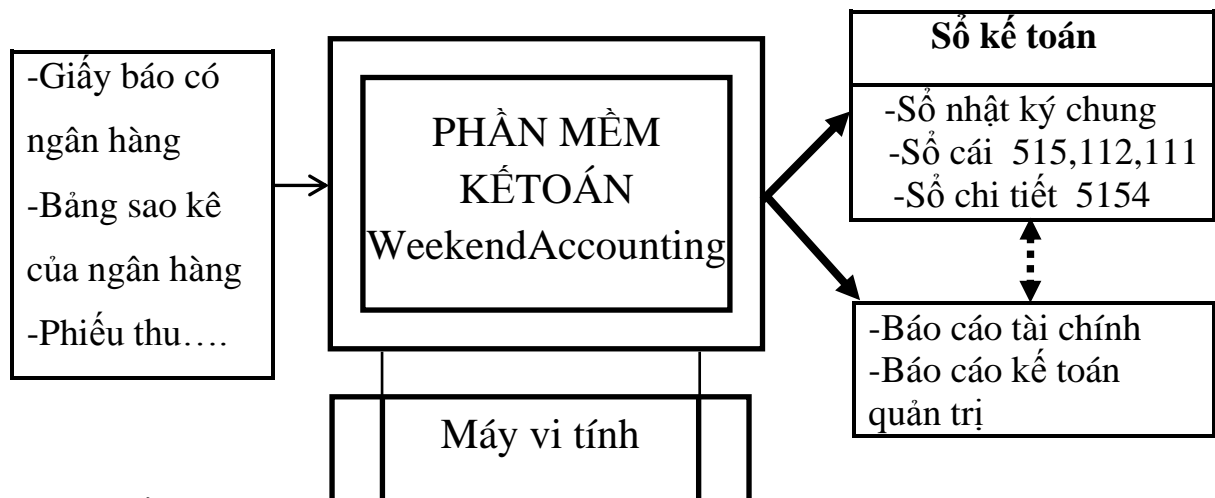
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu thu và các chứng từ có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 5154 : Thu lãi tiền gửi

➤ **Phương pháp hạch toán.**

➤ **Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh**



Ghi chú:

—————> **Nhập số liệu hàng ngày**

—————> **In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm**

←.....> **Đối chiếu, kiểm tra**

➤ **Ví dụ :** Ngày 31/12/2012 căn cứ chứng từ giao dịch ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh Hải An ngày 31/12/2012 kế toán ghi nhận lãi tiền gửi tháng 12/2012 số tiền 14.500 .

❖ Căn cứ chứng từ giao dịch của ngân hàng kế toán nhập số liệu vào phần mềm theo các bước sau :

- ✓ Tại màn hình giao diện chính chọn phân hệ “**Tiền/Báo Có**”, kích chuột vào chức năng “**Thêm**” hoặc bấm phím “**F2**” để thêm phiếu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 06: Chứng từ giao dịch ngân hàng nông nghiệp-CN Hải An



**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
CHI NHÁNH QUẬN HẢI AN-HẢI PHÒNG**
Mã số thuế của CN:0100695309

CHỨNG TỪ GIAO DỊCH

Liên 2: Trả khách hàng

Số seri: 211412K000000037

Tên khách hàng (Customer Name)

Ngày giao dịch

Cty CP ĐT Tân Vũ Minh

(Date)

Địa chỉ : 885B Ngô Gia Tự Thành Tô-Hải An HP 0313559011

31/12/2012

Mã số thuế của khách hàng

Thông báo với quý khách hàng

(This is to certify that)

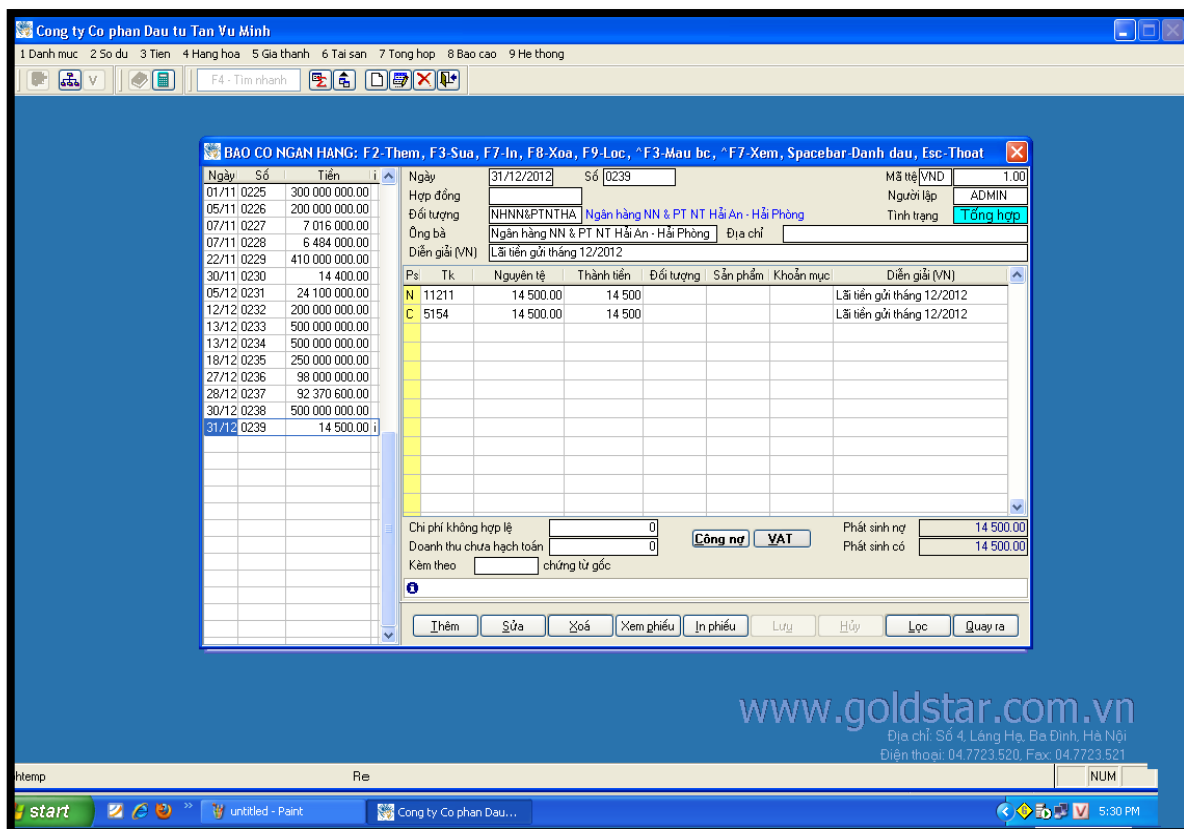
Chúng tôi đã ghi nợ vào TK của quý khách hoặc nhận tiền mặt số tiền sau
(we have debited the following amount from your account/or received by cash.)

✓ Chúng tôi đã ghi có vào TK của quý khách hoặc trả tiền mặt số tiền sau
(we have credited the following amount from your account/or paid by cash.)

Diễn giải (Description)	Biên lai lãi tiền gửi			
SỐ TK (A/C No)	2114201003620			SỐ GD (Ref)
Chi tiết (Item)	Số tiền (Amount)			Diễn giải (Remark)
Lãi nhập gốc	D	VND	14.500	31/12/2012
		VND	14.500	
First interest amount :14.500 Term: 01/12/2012-31/12/2012 Base rate: 2+ Interest rate :0 =2%				
Người in :Đông Vũ Kiều Anh		D:Nợ C: Có Trang 1/1		
Ngày in: 31/12/2012				
Giờ in: 09:02:20				
TeL:				
Fax:				
	Khách hàng	Giao dịch viên	Kiểm soát	Giám đốc

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Màn hình giao diện báo có ngân hàng



- ✓ Để lưu phiếu ta kích chọn “**Lưu**” trên thanh công cụ.
- ✓ Để xem sổ kế toán, vào phân hệ “**Tổng hợp / Sổ sách kế toán**”
 - Xem sổ nhật ký chung, kích chọn “**Sổ nhật ký chung**”, Tại hộp thoại “**Điều kiện lọc**” chọn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012. Kích chọn “**Chấp Nhận**” để hiển thị lệnh
 - Xem sổ cái, kích chọn “**Sổ cái tài khoản**”
 - Tại hộp thoại “**Điều kiện lọc**” chọn tài khoản 515 chọn ngày từ 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012. Kích chọn “**Chấp Nhận**” để hiển thị lệnh.
 - Xem sổ chi tiết tài khoản chọn : “**Sổ chi tiết tài khoản**” chọn tài khoản 5154 chọn ngày từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012. Kích chọn “**Chấp Nhận**” để hiển thị lệnh.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 07: Sổ nhật ký chung:

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH
Địa chỉ: 885 B NGÔ GIA TỰ, THÀNH TÔ, HẢI AN, HP

Mẫu số: S03a - DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT: VND

Mã	Ngày	Số	Diễn Giải	TKĐU	PS Nợ	PS Có
----	-----	----	-----	----	-----	-----
PC	30/12/2012	0153	TT cước điện thoại cho TT dịch vụ khách hàng - Số 4 Lạch tray - HP			
--	--		Chi phí QLDN	6422	280.747	
--	--		Tiền mặt	1111		280.747
BC	30/12/2012	0238	UBND P.Nam Hải trả tiền XL nhà đa năng trường tiểu học NH			
--	--		Tiền Việt Nam gửi tại NH NN & PT NT Hải An	11211	500.000.000	
--	--		Phải thu khách hàng	1311		500.000.000
PC	30/12/2012	0154	Biên phòng làm việc, biên công C.tr trụ sở UBND Trảng Cát			
--	--		Chi phí SXC	1547	17.140.000	
--	--		Thuê GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	1.714.000	
--	--		Tiền mặt	1111		18.854.000
BC	31/12/2012	0239	Lãi tiền gửi tháng 12			
--	--		Tiền Việt Nam gửi tại NH NN & PT NT Hải An	11211	14.500	
--	--		Doanh thu từ lãi tiền gửi	5154		14.500
PC	31/12/2012	0155	Chữ Inox các loại			
--	--		Chi phí NVLTT	1541	16.644.600	
--	--		Thuê GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	1.664.460	
--	--		Tiền mặt	1111		18.390.060
----	-----	----	-----	----	-----	-----
Tổng cộng					104.327.446.643	104.327.446.643

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 08: Sổ cái tài khoản 515.

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH

Mẫu số: S03b- DNN

Địa chỉ: 885 B NGÔ GIA TỰ, THÀNH TÔ, HẢI AN, HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 515

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT: VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn Giải	TKĐU	PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu kỳ			
BC	31/01/2012	0183	Lãi tiền gửi 01/2012	11211		49.100
BC	29/02/2012	0185	Lãi tiền gửi 02/2012	11211		20.700
BC	30/03/2012	0189	Lãi tiền gửi 03/2012	11211		5.300
BC	28/04/2012	0197	Lãi tiền gửi 04/2012	11211		40.900
BC	31/05/2012	0203	Lãi tiền gửi 05/2012	11211		5.7000
BC	30/06/2012	0207	Lãi tiền gửi 06/2012	11211		6.800
BC	31/07/2012	0214	Lãi tiền gửi 07/2012	11211		12.400
BC	31/08/2012	0219	Lãi tiền gửi 08/2012	11211		12.000
BC	29/09/2012	0221	Lãi tiền gửi 09/2012	11211		7.100
BC	30/09/2012	0222	Lãi tiền gửi T09/2012	11211		2.391
BC	31/10/2012	0224	Lãi tiền gửi 10/2012	11211		3.600
BC	30/11/2012	0230	Lãi tiền gửi 11/2012	11211		14.400
BC	31/12/2012	0239	Lãi tiền gửi 12/2012	11211		14.500
PK	31/12/2012	00062	Kết quả hoạt động tài chính	9112	847.491	
			Cộng số phát sinh		847.491	847.491
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Kế toán ghi số

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 09: Sổ chi tiết tài khoản 5154.

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH

Mẫu số: S20 - DNN

Địa chỉ: 885 B NGÔ GIA TỰ, THÀNH TÔ, HẢI AN, HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 5154

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

DVT : VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn Giải	TKĐU	PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu kỳ			
BC	31/01/2012	0183	Lãi tiền gửi 01/2012	11211		49.100
BC	29/02/2012	0185	Lãi tiền gửi 02/2012	11211		20.700
BC	30/03/2012	0189	Lãi tiền gửi 03/2012	11211		5.300
BC	28/04/2012	0197	Lãi tiền gửi 04/2012	11211		40.900
BC	31/05/2012	0203	Lãi tiền gửi 05/2012	11211		5.7000
BC	30/06/2012	0207	Lãi tiền gửi 06/2012	11211		6.800
BC	31/07/2012	0214	Lãi tiền gửi 07/2012	11211		12.400
BC	31/08/2012	0219	Lãi tiền gửi 08/2012	11211		12.000
BC	29/09/2012	0221	Lãi tiền gửi 09/2012	11211		7.100
BC	30/09/2012	0222	Lãi tiền gửi T09/2012	11211		2.391
BC	31/10/2012	0224	Lãi tiền gửi 10/2012	11211		3.600
BC	30/11/2012	0230	Lãi tiền gửi 11/2012	11211		14.400
BC	31/12/2012	0239	Lãi tiền gửi 12/2012	11211		14.500
PK	31/12/2012	00062	Kết quả hoạt động tài chính	9112	847.491	
			Cộng số phát sinh		847.491	847.491
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Kế toán ghi số

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

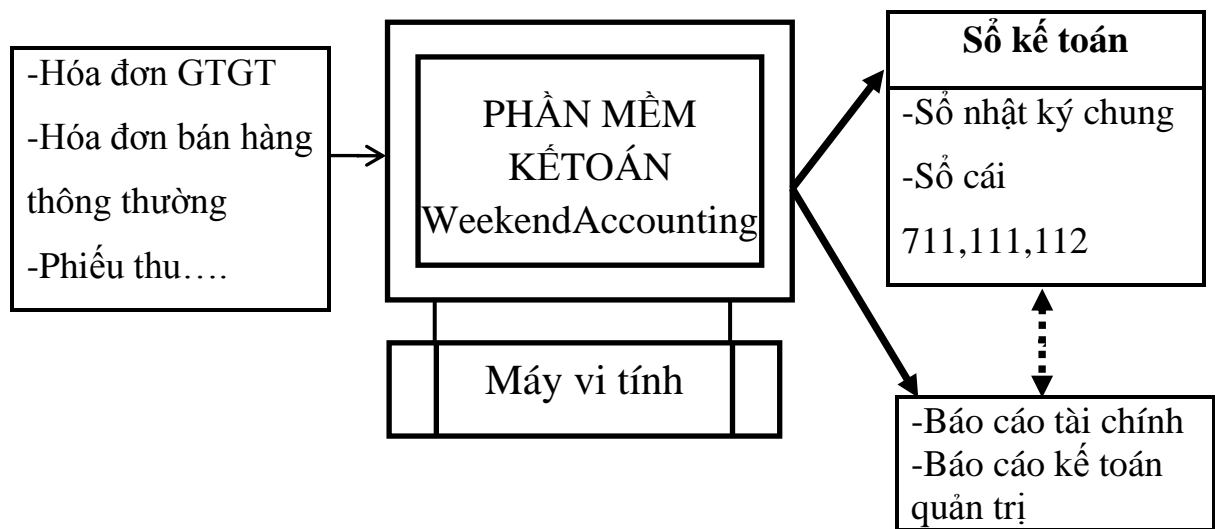
2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác của công ty chủ yếu là các thu nhập từ hoạt động bán phế liệu xây dựng ,....

- **Chứng từ sử dụng :**
 - Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.
 - Phiếu thu, và các chứng từ khác có liên quan.
- **Tài khoản sử dụng:**
 - Tài khoản 711: Thu nhập khác.
- **Phương pháp hạch toán.**

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán thu nhập khác tại công ty

Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- > In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←.....→ Đối chiếu, kiểm tra

➤ Ví dụ

- ❖ Trong kỳ doanh nghiệp không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến thu nhập khác.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí kinh doanh, chi phí tài chính và chi phí khác tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh.

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.

➤ **Chứng từ sử dụng :**

- Phiếu kế toán
- Phiếu xuất

➤ **Tài khoản sử dụng:**

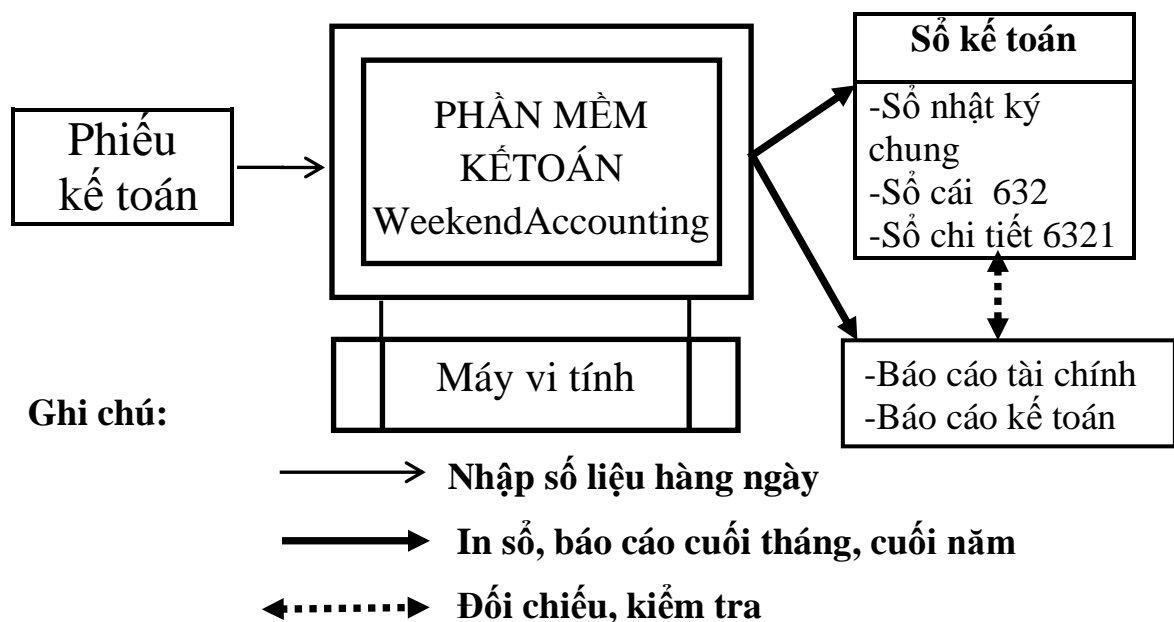
- Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán
- Tài khoản 154: Chi phí dở dang

Tại công ty có các tài khoản cấp 2:

- TK 6321: Giá vốn xây dựng
- TK 6322: Giá vốn sửa chữa, rửa xe
- TK 1541: Chi phí NVL trực tiếp
- TK 1542: Chi phí nhân công
- TK 1543 : Chi phí máy
- TK 1547: Chi phí sản xuất chung.

➤ **Phương pháp hạch toán.**

➤ **Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán giá vốn tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- ❖ Ví dụ: Ngày 28/11/2012.tiến hành nghiệm thu bàn giao công trình nhà ở cơ quan S5,S6 lữ đoàn 602 -Bộ Tham Mưu Hải Quân giá vốn công trình 620.357.063.(Phiếu kế toán số 48).

Khi công trình,hạng mục thi công hoàn thành kế toán tiến hành tập hợp,lập bảng chi phí cho từng công trình.

Biểu số 10: Bảng tổng hợp chi phí.

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

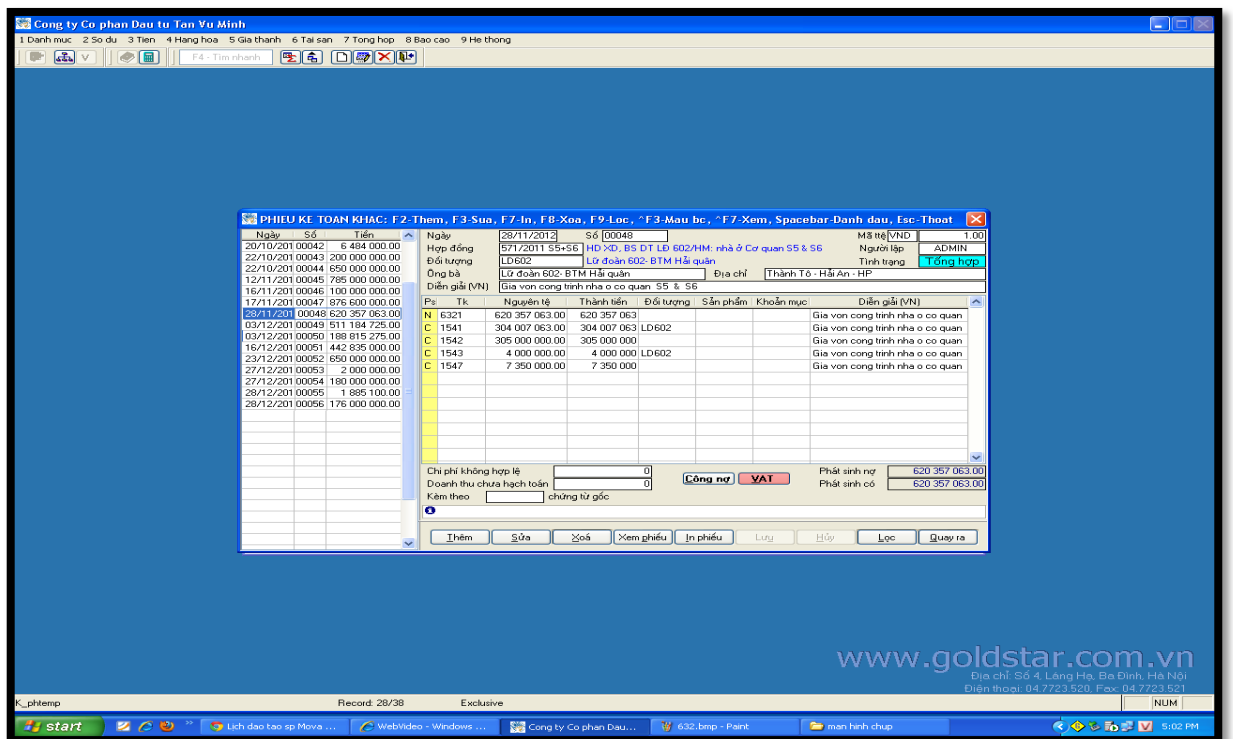
Công trình :Sửa chữa nhà ở cơ quan S5,S6 Lữ Đoàn 602 Bộ Tham Mưu

STT	Tên vật tư	ĐVT	SL	Đơn Giá	Thành tiền
1	Đinh	Kg	36	20.607	741.852
2	Gạch ốp lát	M ²	21	110.367	5.407.983
3	Gạch lát 40X40	Hộp	310	98.511	66.593.436
4	Sơn tổng hợp	lít	67	57.591	3.858.597
5	Tôn mái, tôn úp nóc lợp mái	M ²	970	93.500	90.695.000
6	Tấm nhựa khung xương	Kg	564	150.000	84.600.000
6	Ổ cắm 2 ngã DNK2	Cái	16	8.000	128.000
7	Xi măng	Kg	17.000	1.055	17.935.000
8	Bóng tuýp TL-D36/765	Cái	40	8.100	324.000
9	Cầu dao tép 1P-50A	Cái	4	93.000	372.00
10	Ổ cắm 3 ngã không dây kiểu TL	Cái	36	10.800	388.800
11	Dây OVAICmo 2x0.75	M	600	4.000	2.400.000
12	Dây OVAICmo 2x 2,25	M	500	11.400	5.700.000
13	Máng đèn 1,2 M	Cái	16	100.000	1.600.000
...
	Cộng vật tư				304.007.063
	Chi phí máy				4.000.000
	Chi phí nhân công				305.000.000
	Chi phí sản xuất chung				7.350.000
	Tổng cộng				620.357.063

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- ✓ Căn cứ bảng tổng hợp chi phí công trình kế toán lập phiếu kế toán phản ánh giá vốn công trình. Chọn phân hệ “**Tổng hợp/Phiếu khác**” kích chọn “**Thêm**” hoặc bấm phím “**F2**” để thêm phiếu.
- ✓ Để lưu phiếu ta kích chọn “**Lưu**” trên thanh công cụ. Muốn in phiếu kế toán ra, ta kích vào nút **In phiếu** trên thanh công cụ hoặc bấm **phím F7**, chọn loại máy in và in phiếu
- ✓ Để xem sổ kế toán, vào phân hệ “**Tổng hợp / Sổ sách kế toán**”
 - Xem sổ nhật ký chung, kích chọn “**Sổ nhật ký chung**”, Tại hộp thoại “**Điều kiện lọc**” chọn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012. Kích chọn “**Chấp Nhận**” để hiển thị lệnh
 - Xem sổ cái, kích chọn “**Sổ cái tài khoản**”
Tại hộp thoại “**Điều kiện lọc**” chọn tài khoản 632 chọn ngày từ 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012. Kích chọn “**Chấp Nhận**” để hiển thị lệnh.
 - Xem sổ chi tiết tài khoản chọn : “**Sổ chi tiết tài khoản**” chọn tài khoản 6321 chọn ngày từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012. Kích chọn “**Chấp Nhận**” để hiển thị lệnh.

Màn hình giao diện phiếu kế toán.



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 11 : Phiếu kế toán số 48

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh
Số 885B Ngô Gia Tự, Quận Hải An, Hải Phòng

Mẫu số 04-TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng-BTC)

Phiếu kế toán
Ngày 28/11/2012

Số 00048

Họ tên

Địa chỉ:

Chi tiết phát sinh thể hiện dưới bảng sau

Tài khoản	Nội dung	PS nợ	PS có
6321	Giá vốn xây dựng	620.357.063	
1541	Chi phí NVLTT		304.007.063
1542	Chi phí nhân công trực tiếp		305.000.000
1543	Chi phí máy		4.000.000
1547	Chi phí sản xuất chung		7.350.000
	Tổng cộng	620.357.063	620.357.063

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 12: sổ nhật ký chung

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH
Địa chỉ: 885 B NGÔ GIA TỰ, THÀNH TÔ, HẢI AN, HP

Mẫu số: S03a - DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

DVT : VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn Giải	TKĐU	PS Nợ	PS Có
----	-----	----	-----	-----	-----	-----
BN	17/09/2012	00084	Phí SMS tháng 09./12			
	--		Chi phí quản lý DN	6422	40.000	
	--		Tiền Việt Nam gửi tại NH NN & PT NT Hải An	11211		40.000
PC	18/09/2012	00085	Thuê máy xúc Cty Đại Cát Lộc			
	--		Chi phí máy công trình	1543	3.000.000	
	--		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	1331	300.000	
	--		Tiền mặt	1111		3.300.000
----	-----	----	-----	-----	-----	-----
PK	21/10/2012	00037	Sửa chữa trường trung học Trảng Cát			
	--		Phải thu khách hàng	1311	176.000.000	
	--		Doanh thu xây dựng	5111		160.000.000
	--		Thuế GTGT đầu ra	3331		16.000.000
BC	31/10/2012	0224	Lãi tiền gửi tháng 10/12			
	--		Tiền Việt Nam gửi tại NH NN PT NT Hải An	11211	3.600	
	--		Doanh thu từ lãi tiền gửi	5154		3.600
----	-----	----	-----	-----	-----	-----
PK	28/11/2012	00048	Kết chuyển chi phí xây dựng vào giá vốn		620.357.063	
	--		Giá vốn xây dựng	6321		
	--		Chi phí NVLTT	1541		304.007.063
	--		Chi phí nhân công	1542		4.000.000
	--		Chi phí máy	1543		305.000.000
	--		Chi phí sản xuất chung	1547		7.350.000
----	-----	----	-----	-----	-----	-----
			Tổng cộng		104.327.446.643	104.327.446.643

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 13: Sổ cái tài khoản 632.

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH
Địa chỉ: 885 B NGÔ GIA TỰ, THÀNH TÔ, HẢI AN, HP

Mẫu số: S03b - DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 632

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT: VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn Giải	TKĐU	PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu kỳ			
---	-----	-----	-----	-----	-----	-----
PK	28/10/2012	000037	Giá vốn C.tr nhà đại đội 70			
	- -		Chi phí NVL trực tiếp	1541	182.190.359	
	- -		Chi phí nhân công	1542	122.000.000	
	- -		Chi phí máy	1543	150.000.000	
	- -		Chi phí sản xuất chung	1547	2000.000	
---	-----	-----	-----	-----	-----	-----
PK	28/11/2012	000048	Giá vốn C.tr nhà ở cơ quan S5,S6			
	- -		Chi phí NVL TT	1541	304.007.063	
	- -		Chi phí nhân công	1542	305.000.000	
	- -		Chi phí máy	1543	4.000.000	
	- -		Chi phí sản xuất chung	1547	7.350.000	
---	-----	-----	-----	-----	-----	-----
PK	31/12/2012	000060	Kết chuyển giá vốn vào KQSXKD	9111		5.890.501.450
			Cộng số phát sinh		5.890.501.450	5.890.501.450
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán ghi số

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 14 : Sổ chi tiết tài khoản 6321

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH
Địa chỉ: 885 B NGÔ GIA TỰ, THÀNH TÔ, HẢI AN, HP

Mẫu số: S20- DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6321

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

DVT: VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn Giải	TKĐU	PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu kỳ			
---	-----	-----	-----	-----	-----	-----
PK	28/10/2012	000037	Giá vốn C.tr nhà đại đội 70			
	--		Chi phí NVL trực tiếp	1541	182.190.359	
	--		Chi phí nhân công	1542	122.000.000	
	--		Chi phí máy	1543	150.000.000	
	--		Chi sản xuất chung	1547	2000.000	
----	-----	-----	-----	-----	-----	-----
PK	28/11/2012	000048	Giá vốn C.tr nhà ở cơ quan S5,S6			
	--		Chi phí NVL trực tiếp	1541	304.007.063	
	--		Chi phí nhân công	1542	305.000.000	
	--		Chi phí máy	1543	4.000.000	
	--		Chi sản xuất chung	1547	7.350.000	
PK	28/11/2012	000049	Giá vốn công trình cải tạo nâng cấp đường Tân Vũ			
	--		Chi phí NVL trực tiếp	1541	788.538.194	
	--		Chi phí nhân công	1542	680.000.000	
	--		Chi phí máy	1543	88.917.406	
	--		Chi sản xuất chung	1547	9000.000	
----	-----	-----	-----	-----	-----	-----
PK	31/12/2012	000060	Kết chuyển giá vốn vào KQSXKD	9111		5.726.126.628
			Cộng số phát sinh		5.726.126.628	5.726.126.628
			Số dư cuối kỳ			

Kế toán ghi số
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

2.2.2.2. Kế toán chi phí kinh doanh.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

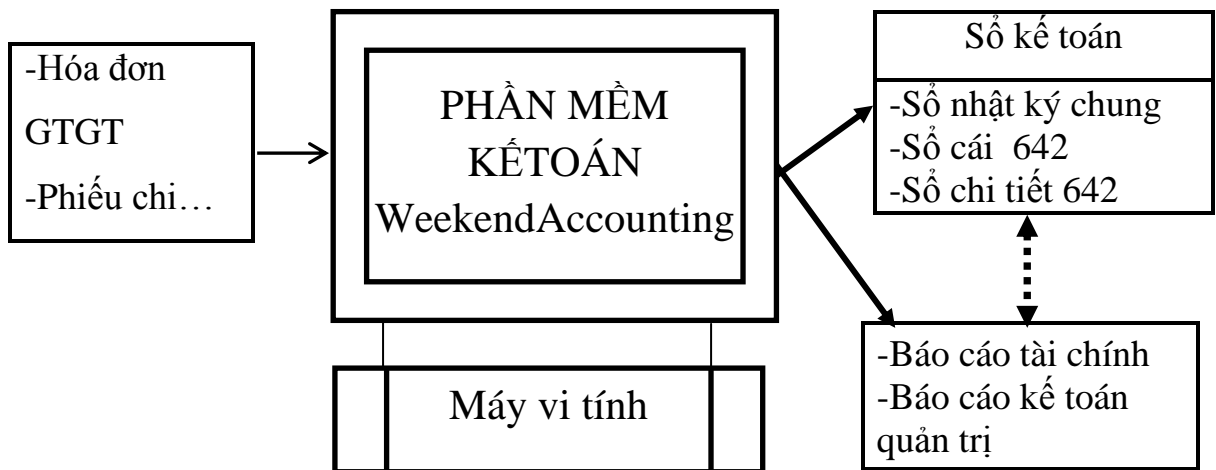
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Bảng phân bổ lương.
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ , và các chứng từ có liên quan.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

- Tài khoản 642 : Chi phí kinh doanh
- Tài khoản cấp 2:
 - +TK 6422-chi phí quản lý doanh nghiệp

➤ **Phương pháp hạch toán.**

Sơ đồ 2.9. Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh



Ghi chú:

- > **Nhập số liệu hàng ngày**
- > **In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm**
- ◄.....► **Đối chiếu, kiểm tra**

- **Ví dụ:** Ngày 27/12/2012 trả tiền đổ mực máy photô phòng kế toán tổng số tiền (bao gồm cả thuế VAT 10%) đã trả bằng tiền mặt 785.000 .

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 15: Hóa đơn giá trị gia tăng số : 0000934

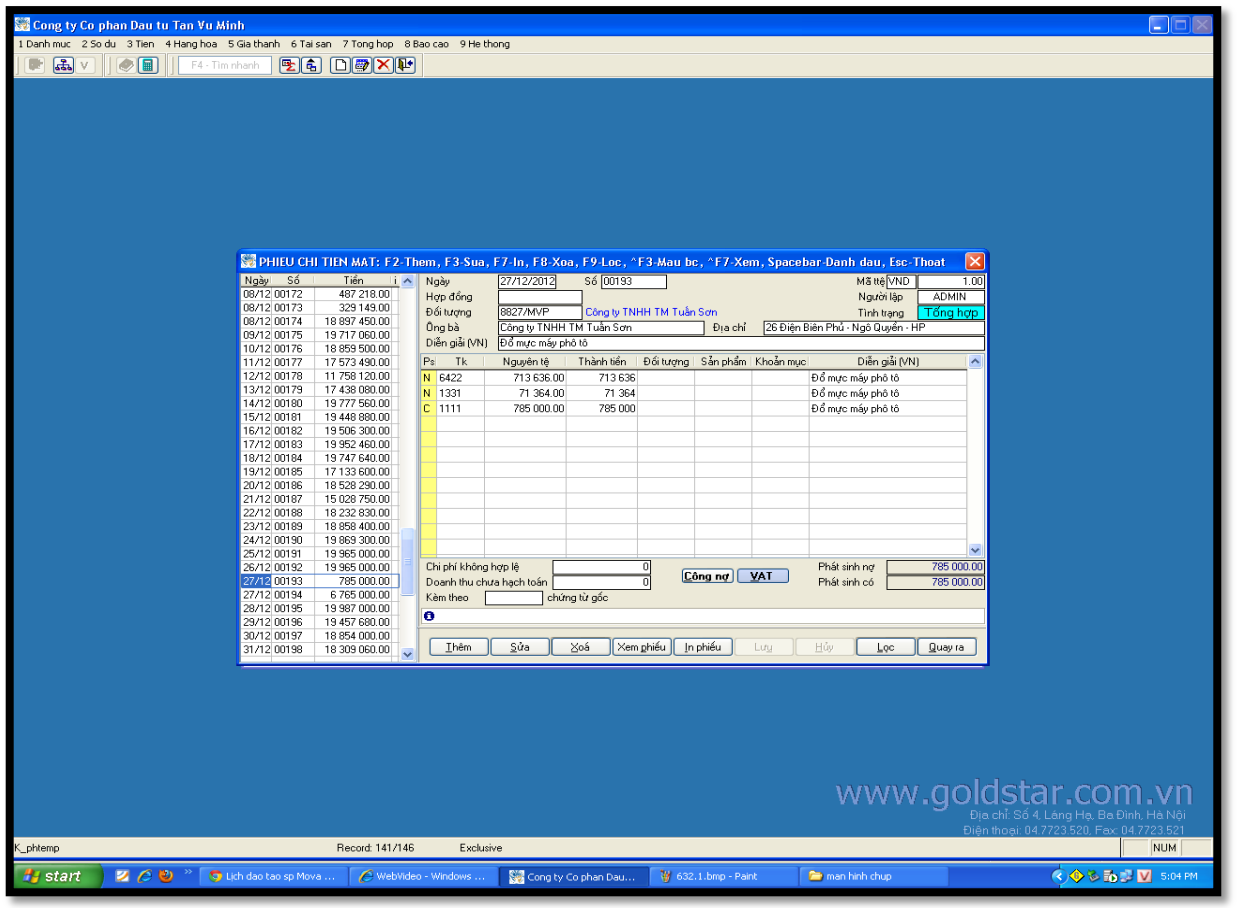
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho khách hàng Ngày 27 tháng 12 năm 2012			Mẫu số 01GTK3/001 Ký hiệu: AA/11P Số: 0000934		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM Tuấn Sơn Mã số thuế: 0200590701 Địa chỉ : 26 Điện Biên Phủ, Ngô Quyền, Hải Phòng Điện Thoại : (031)3978312 Số tài khoản : 030004695255 tại Sacombank-CN Hải Phòng.					
Họ tên người mua hàng : Tên đơn vị : Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh Mã số thuế: 021134596 Địa chỉ : 885B Ngô Gia Tự, Thành Tô, Hải An, HP. Hình thức thanh toán: TM số tài khoản :					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đ.V.T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4x5
	Đồ mực máy photo				713.636
Cộng tiền hàng :					713.636
Thuế suất GTGT 10%		Tiền thuế GTGT :			71.364
Tổng cộng tiền thanh toán :					785.000
Số tiền viết bằng chữ: Bảy trăm tám mươi năm nghìn đồng chẵn./					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)					

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ Căn cứ hóa đơn giá trị gia tăng số 0000934 kế toán tiến hành lập phiếu chi số 00193

Kế toán chọn phân hệ “**Tiền/Phiếu Chi**”.Kích chọn “**Thêm**” hoặc bấm phím “**F2**”

Màn hình giao diện phiếu chi tiền mặt



✓ Để lưu phiếu ta kích chọn “**Lưu**” trên thanh công cụ .Muốn in phiếu kế toán ra, ta kích vào nút **In phiếu** trên thanh công cụ hoặc bấm **phím F7** , chọn loại máy in và in phiếu .

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 16: Phiếu chi số 00193

Đơn vị: Công TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH	Mẫu số 02-TT			
Địa chỉ: 885 B Ngô Gia Tự, Thành Tô, Hải An, Hải Phòng	(Theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)			
PHIẾU CHI	Quyển số:.....			
Ngày 27 tháng 12 năm 2012	Số: 00193			
	Nợ :6422 713.636			
	1331 71.364			
	Có : 1111 785.000			
Họ và tên người nhận tiền :C.ty TNHH TM Tuấn Sơn				
Địa chỉ: 26 Điện Biên Phủ -Ngô Quyền-Hải Phòng				
Lý do nhận :Đồ mực máy phô tô				
Số tiền: 785.000 VNĐ(viết bằng chữ) : Bảy trăm tám mươi năm nghìn đồng chẵn./				
Kèm theo:....01..... chứng từ gốc : 0000934				
Ngày 27 tháng 12 năm 2012				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ): Bảy trăm tám mươi năm nghìn đồng chẵn./				
+Tỷ giá ngoại tệ(vàng bạc đá quý):.....				
+Số tiền quy đổi:.....				

- ✓ Để xem sổ kế toán, vào phân hệ "**Tổng hợp / Sổ sách kế toán**"
 - Xem sổ nhật ký chung , kích chọn "**Sổ nhật ký chung**", Tại hộp thoại "**Điều kiện lọc**" chọn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012. Kích chọn "**Chấp Nhận**" để hiển thị lệnh
 - Xem sổ cái, kích chọn "**Sổ cái tài khoản**"
- Tại hộp thoại "**Điều kiện lọc**" chọn tài khoản 642 chọn ngày từ 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012. Kích chọn "**Chấp Nhận**" để hiển thị lệnh.
- Xem sổ chi tiết tài khoản chọn : " Sổ chi tiết tài khoản" chọn tài khoản 6422 chọn ngày từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012. Kích chọn "**Chấp Nhận**" để hiển thị lệnh.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 17: Sổ nhật ký chung.

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH
Địa chỉ: 885 B NGÔ GIA TỰ, THÀNH TÔ, HẢI AN, HP

Mẫu số: S03a - DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT : VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn Giải	TKĐU	PS Nợ	PS Có
----	-----	----	-----	-----	-----	-----
PT	27/12/2012	0170	Rút tiền nhập quỹ			
	--		Tiền mặt	1111	32.500.000	
	--		Tiền Việt Nam gửi tại NH NN&PT NT Hải An	11211		32.500.000
BN	27/12/2012	0116	Trả lại tiền thừa C.tr XD nhà VH Thành Tô P.T/Cát ĐB 2307			
	--		Phải thu khách hàng	1311	65.165.000	
	--		Tiền Việt Nam gửi tại NH NN&PT NT Hải An	11211		65.165.000
PC	27/12/2012	00193	Đổ mực máy phô tô			
	--		Chi phí quản lý Dn	6422	713.636	
	--		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa,dịch vụ	1331	71.364	
	--		Tiền mặt	1111		785.000
PC	27/12/2012	00194	Mua gạch xây Cty Phương Thoa			
	--		Chi phí NVLTT	1541	6.150.000	
	--		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa,dịch vụ	1331	615.000	
	--		Tiền mặt	1111		6.765.000
BC	28/12/2012	0273	UBND P.Nam Hải trả tiền XL nhà bếp, nhà ăn,thoát nước ngoài sân Tr.Tiểu học NH			
	--		Tiền Việt Nam gửi tại NH NN&PT NT Hải An	11211	92.370.6000	
			Phải thu khách hàng	1311		92.370.6000
----	-----	----	-----	-----	-----	-----
			Tổng cộng		104.327.446.643	104.327.446.643

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán ghi số
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 18: Sổ cái tài khoản 642.

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH
Địa chỉ: 885 B NGÔ GIA TỰ, THÀNH TÔ, HẢI AN, HẢI PHÒNG

Mẫu số: S03b - DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 642 Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT: VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn Giải	TKĐU	PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu kỳ			
---	-----	----	-----	-----	-----	-----
PC	08/09/2012	00107	Cước điện thoại tháng 08/12	1111	1.947.264	
PK	14/09/2012	00030	Mua bàn ghế VP HĐ 0000879	3311	11.021.818	
BN	17/09/2012	090	Phí tin nhắn T09/12	11211	40.0000	
PC	22/09/2012	00112	Mua phần mềm tra cứu VPPL HĐ 00003696	1111	860.000	
---	-----	----	-----	-----	-----	-----
PC	08/10/2012	00123	Tiền cước điện thoại +Internet T09	1111	303.479	
---	-----	----	-----	-----	-----	-----
BN	12/12/2012	111	Phí rút tiền trong ngày	11211	54.546	
BN	13/12/2102	113	Phí chuyển tiền	11211	20.000	
BN	13/12/2012	114	Phí tin nhắn tháng 12/2012	11211	22.727	
---	-----	----	-----	-----	-----	-----
PC	21/12/2012	00187	Chi tiếp khách	1111	3.500.000	
---	-----	----	-----	-----	-----	-----
PC	27/12/2012	00193	Thay mực máy phô tô	1111	713.636	
---	-----	----	-----	-----	-----	-----
PK	28/12/2012	00055	Phân bổ khấu hao T 12	214	1.885.100	
---	-----	----	-----	-----	-----	-----
PK	31/12/2012	00061	Kết chuyển chi phí kinh doanh	9111		115.503.304
			Cộng số phát sinh		115.503.304	115.503.304
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán ghi số

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 19: Sổ chi tiết tài khoản 6422.

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH
Địa chỉ: 885 B NGÔ GIA TỰ, THÀNH TÔ, HẢI AN, HP

Mẫu số: S20 - DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6422 Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT: VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn Giải	TKĐU	PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu kỳ			
PC	08/12/2012	00172	Cước điện thoại +Internet T 12	1111	487.218	
PC	08/12/2012	00173	Chi văn phòng phẩm	1111	329.149	
---	-----	----	-----	-----	-----	-----
PC	12/12/2012	00178	Mua bàn ghế phòng giám đốc	1111	11.758.120	
PC	13/12/2012	00179	Mua máy tính Sony Vaio SVE 14136CVW	1111	17.438.080	
---	-----	----	-----	-----	-----	-----
BN	19/12/2012	0111	Phí rút tiền trong ngày	11211	54.546	
BN	20/12/2012	0113	Phí chuyển tiền	11211	20.000	
BN	23/12/2012	0114	Phí tin nhắn T12	11211	22.727	
BN	23/12/2012	0115	Phí rút sớm 250tr*0.03%	11211	68.182	
---	-----	----	-----	-----	-----	-----
BN	25/12/2012	0118	Mua 01 quyển séc	11211	9.750	
BN	26/12/2012	0119	Phí rút sớm 390tr*0.03%	11211	117.000	
---	-----	----	-----	-----	-----	-----
PC	27/12/2012	00193	Thay mực máy phô tô	1111	713.636	
---	-----	----	-----	-----	-----	-----
PK	31/12/2012	00061	Kết chuyển chi phí kinh doanh	9111		115.503.304
			Cộng số phát sinh		115.503.304	115.503.304
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán ghi số

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo nợ
- Phiếu chi ,và các chứng từ có liên quan.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

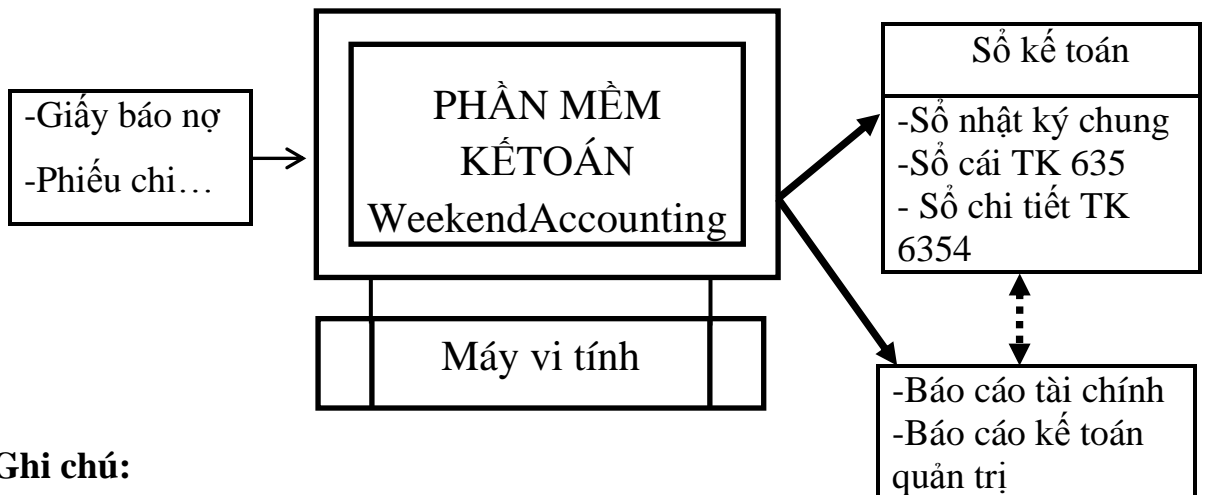
Tài khoản 635: Chi phí tài chính.

Tài khoản cấp 2:

+TK 6354-chi phí lãi vay.

➤ **Phương pháp hạch toán.**

Sơ đồ 2.9. Quy trình hạch toán chi phí tài chính tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh



Ghi chú:

- > **Nhập số liệu hàng ngày**
- > **In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm**
- ◄.....► **Đối chiếu, kiểm tra**


➤ **Ví dụ:** Ngày 28/12/2012 nhận được chứng từ giao dịch của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Hải An trả lãi hợp đồng TD LDS 201200716 số tiền 4.048.525.

Căn cứ chứng từ giao dịch ngân hàng kế toán tiến hành hạch toán trên phần mềm kế toán như sau

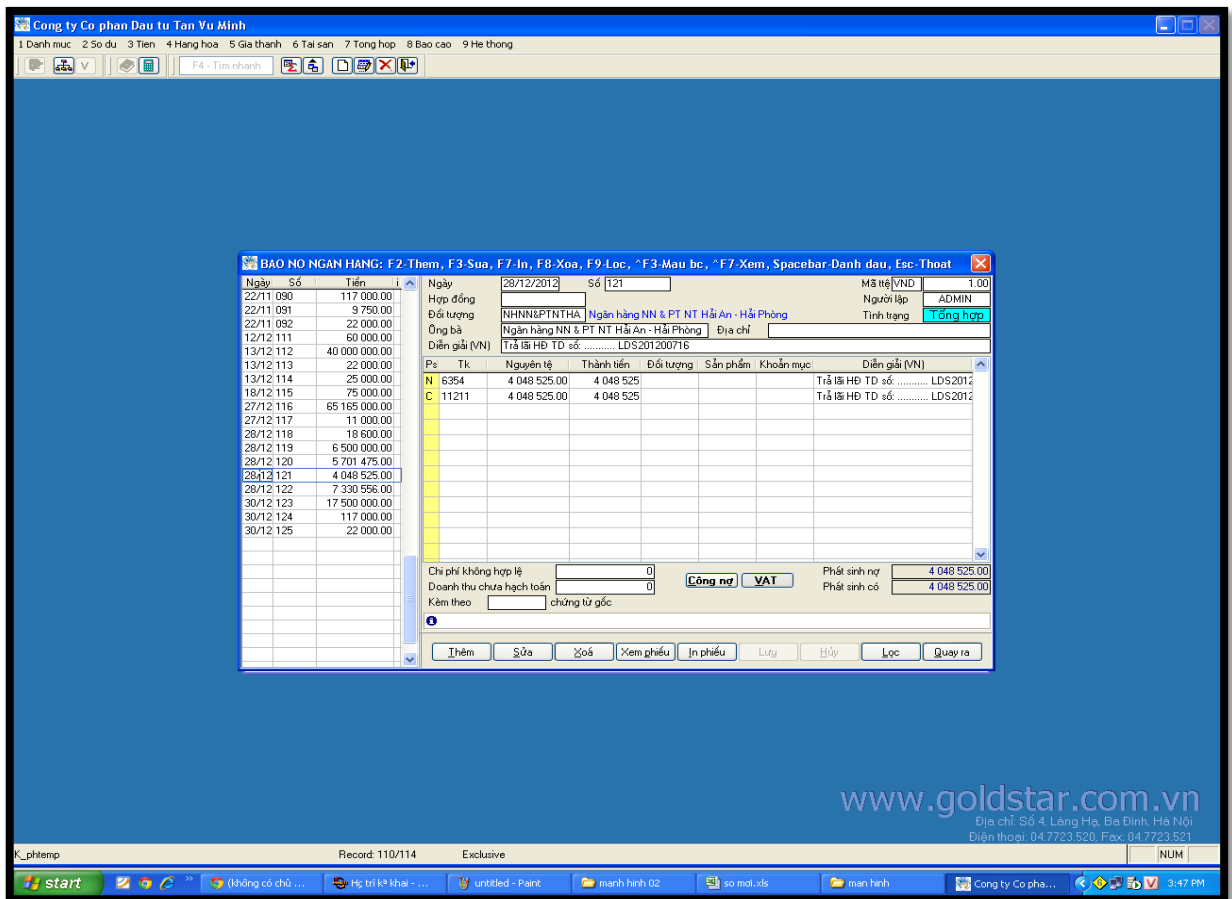
- ✓ Chọn phân hệ “**Tiền /Báo nợ**”, kích chọn “Thêm” hoặc bấm “**F2**” để thêm phiếu.
- ✓ Điền nội dung báo nợ.Kích chọn “**Lưu**” để lưu phiếu.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 20 : Chứng từ giao dịch ngân hàng trả lãi hợp đồng tín dụng

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		Mẫu số: 01GTGT2/2114	
		Ký hiệu: LN/12T	
Mang phần thịnh đến khách hàng		Số hóa đơn: 04250056000001	
CHỨNG TỪ GIAO DỊCH		Ngày giá trị: 28/12/2012	
Ngày GD:28/12/2012		Mã số thuế;0100695309-1	
Liên 2:Khách hàng		Điện Thoại/Fax:/	
Chi nhánh 2114-chi nhánh quận Hải An-Hải Phòng		Mã số khách	
Đại chỉ :Quận Hải An,TP Hải Phòng		hàng:2114161166482	
Tên khách hàng:Cty CP ĐT Tân Vũ Minh		Mã số thuế:0201134596	
CMT/Hộ Chiếu:	Ngày cấp	Nơi cấp	
Địa chỉ :885B Ngô Gia Tự Thành Tô Hải An –HP-0310549011			
Loại giao dịch: Trả lãi bình thường			
Số HĐTD:2114-LAV 201200716		Số giải ngân:2114-LDS-201200716	
Số thu nợ:2114-LRP-201200716		Dư nợ: 319.620.395	
Nội dung: Trả nợ vay ((11)Short term loan)			
Thông tin giao dịch	Số tiền	LTT	Ghi chú
Tiền lãi	4.048.525	VND	Gốc 319.620.395:LS 12%:19/11/2012- 28/12/2012:38 ngày
Tổng số tiền lãi trong hạn	4.048.525	VND	
Phương thức thanh toán			
Tài khoản tiền gửi	4.048.525	VND	211420101003620
Khách hàng	Thủ quỹ	Giao dịch viên	Kiểm soát Giám đốc

Màn hình giao diện Giấy báo nợ số 121



✓ Để xem sổ kế toán, vào phân hệ "**Tổng hợp / Sổ sách kế toán**"

- Xem sổ nhật ký chung, kích chọn "**Sổ nhật ký chung**", Tại hộp thoại "**Điều kiện lọc**" chọn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012. Kích chọn "**Chấp Nhận**" để hiển thị lệnh

- Xem sổ cái, kích chọn "**Sổ cái tài khoản**"

Tại hộp thoại "**Điều kiện lọc**" chọn tài khoản 635 chọn ngày từ 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012. Kích chọn "**Chấp Nhận**" để hiển thị lệnh.

- Xem sổ chi tiết tài khoản chọn: "**Sổ chi tiết tài khoản**" chọn tài khoản 6354 chọn ngày từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012. Kích chọn "**Chấp Nhận**" để hiển thị lệnh.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 21: Sổ nhật ký chung.

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH
Địa chỉ: 885 B NGÔ GIA TỰ, THÀNH TÔ, HẢI AN, HP

Mẫu số: S03a - DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT : VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn Giải	TKĐU	PS Nợ	PS Có
----	-----	----	-----	-----	-----	-----
PC	26/12/2012	0195	Thiết bị điện nước C.tr trường mầm non Nam Hải			
	--		Chi Phí NVLTT	1541	17.979.600	
	--		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa,dịch vụ	1331	1.797.960	
	--		Phải trả người bán	1111		19.777.560
PK	27/12/2012	00035	XD nhà đa năng cải tạo tường bao, phá dỡ ctr trường tiểu học Nam Hải			
	--		Phải thu khách hàng	1311	1.180.000.000	
	--		Doanh thu Xây dựng	5111		1.072.727.273
	--		Thuế GTGT đầu ra	3331		107.272.727
BN	28/12/2012	00121	Trả lãi HĐ TD số LDS201200716			
	--		Lãi tiền vay	6354	4.048.525	
	--		Tiền Việt Nam gửi tại NH NN&PT NT Hải An	11211		4.048.525
PT	28/12/2012	00157	Rút tiền nhập quỹ			
	--		Tiền mặt	1111	62.000.000	
	--		Tiền Việt Nam gửi tại NH NN&PT NT Hải An	11211		62.000.000
----	-----	----	-----	-----	-----	-----
BN	30/12/2012	0123	Trả tiền thiết bị camera giám sát cty CP CN KTS HITD			
	--		Phải trả người bán	3311	17.500.000	
	--		Tiền Việt Nam gửi tại NH NN&PT NT Hải An	11211		17.500.000
----	-----	----	-----	-----	-----	-----
			Tổng cộng		104.327.446.643	104.327.446.643

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 22 : Sổ cái tài khoản 635

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH
Địa chỉ: 885 B NGÔ GIA TỰ, THÀNH TÔ, HẢI AN, HP

Mẫu số: S03b - DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 635

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT: VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn Giải	TKĐU	PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu kỳ			
BN	28/12/2012	119	Trả lãi HĐ TD số LDS201200711	11211	6.500.000	
BN	28/12/2012	120	Trả lãi HĐ TD số LDS201200712	11211	5.701.475	
BN	28/12/2012	121	Trả lãi HĐ TD số LDS201200716	11211	4.048.525	
BN	28/12/2012	122	Trả lãi HĐ TD số LDS201201052	11211	7.330.556	
PK	31/12/2102	00063	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	9112		23.580.556
			Cộng số phát sinh		23.580.556	23.580.556
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán ghi số

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 23: Sổ chi tiết tài khoản 6354:

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH
Địa chỉ: 885 B NGÔ GIA TỰ, THÀNH TÔ, HẢI AN, HP

Mẫu số: S20 - DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 6354

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT: VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn Giải	TKĐU	PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu kỳ			
BN	28/12/2012	119	Trả lãi HĐ TD số LDS201200711	11211	6.500.000	
BN	28/12/2012	120	Trả lãi HĐ TD số LDS201200712	11211	5.701.475	
BN	28/12/2012	121	Trả lãi HĐ TD số LDS201200716	11211	4.048.525	
BN	28/12/2012	122	Trả lãi HĐ TD số LDS201201052	11211	7.330.556	
PK	31/12/2102	00063	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	9112		23.580.556
			Cộng số phát sinh		23.580.556	23.580.556
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán ghi số

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

2.2.2.4. Kế toán chi phí khác

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Biên bản thanh lý tài sản cố định
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi, và các chứng từ có liên quan.

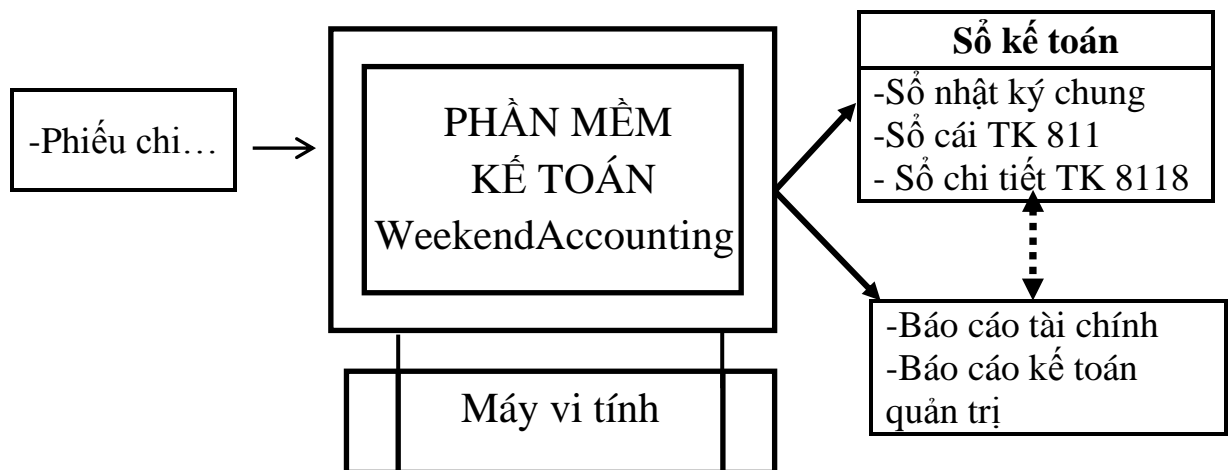
➤ **Tài khoản sử dụng:**

Tài khoản 811: Chi phí khác.

Tài khoản cấp 2:

+TK 8118 : Chi phí bất thường khác.

➤ **Phương pháp hạch toán.**



Ghi chú:

—————> Nhập số liệu hàng ngày

—————> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm

◄.....► Đối chiếu, kiểm tra

➤ **Ví dụ:**

- ❖ Trong kỳ doanh nghiệp không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí khác.

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

➤ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Các TK cấp 2:

- + TK 9111: Kết quả từ hoạt động sản xuất kinh doanh
- + TK 9112: Kết quả từ hoạt động tài chính
- + TK 9113: Kết quả từ hoạt động thu nhập khác

- TK 421 : Lợi nhuận chưa phân phối

Các TK cấp 2:

- + TK 4211: Lãi năm trước
- + TK 4212: Lãi năm nay

- TK 821: Chi phí thuế TNDN hiện hành

TK cấp 2:

- + TK 8211: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

✓ **Phương pháp hạch toán**

Tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh, việc xác định kết quả kinh doanh được thực hiện vào cuối năm. Cuối năm tài chính, kế toán tổng hợp vào phân hệ “**Tổng hợp/Bút toán kết chuyển**” để thực hiện các bút toán kết chuyển bằng cách nhấn dấu “**CÁCH TRỐNG**” đánh dấu các bút toán kết chuyển các TK từ loại 5, TK loại 6, TK loại 7 và TK loại 8 sang các TK loại 9 nhấn “**F10**” để máy tính thực hiện kết chuyển tự động, cập nhật số liệu vào các sổ sách có liên quan. Sau khi phần mềm tự động cập nhật số liệu, tại phân hệ tổng hợp kế toán chọn báo cáo sổ sách theo hình thức nhật ký chung vào phân hệ “**Tổng hợp/Báo cáo quyết toán**” để lập báo cáo kết quả kinh doanh trên phần mềm kế toán máy. Kế toán sẽ lấy chỉ tiêu “**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**” trên báo cáo kết quả kinh doanh để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bằng cách tính thủ công.

Sau khi tính ra số thuế TNDN phải nộp trong năm kế toán vào phân hệ

“**Tổng hợp/ Phiếu khác**” để cập nhật số liệu về thuế thu nhập doanh nghiệp mà công ty phải nộp. và lập các phiếu kế toán kết chuyển

TK 8211 → TK 3334, TK 8211 → TK 9111, và TK 9111 → TK 4211.

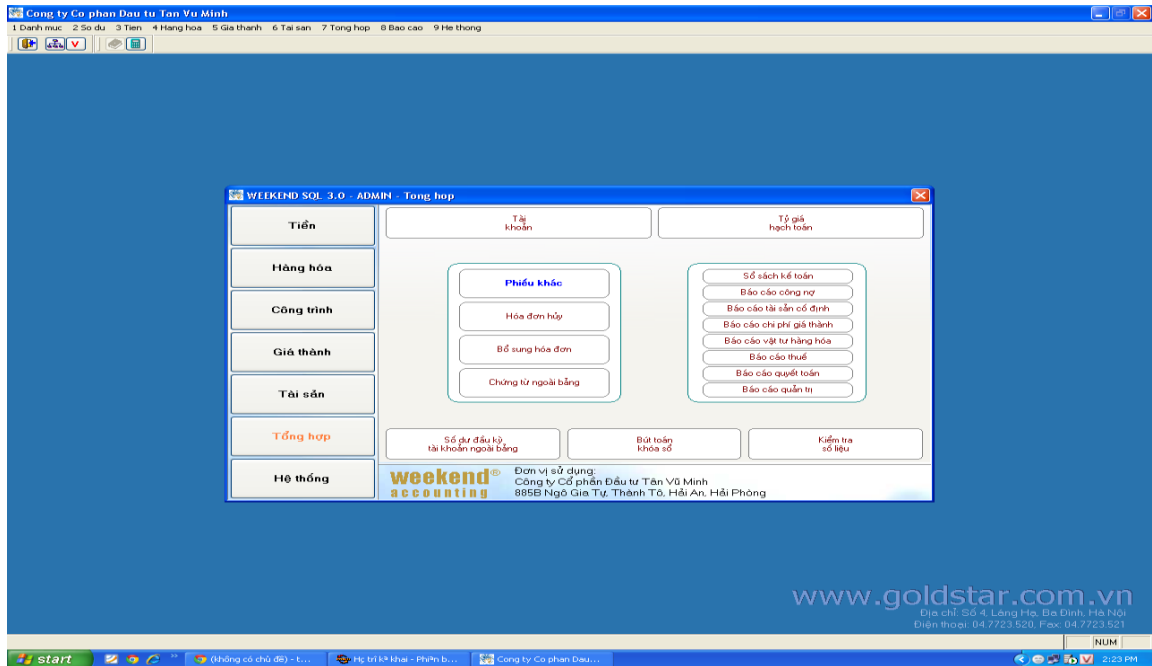
Căn cứ vào chứng từ kết chuyển. phần mềm kế toán sẽ tự động cập nhật sang sổ nhật ký chung, sổ cái TK 821,911,421.

➤ Ví dụ minh họa: Ngày 31/12/2012 kế toán tiến hành xác định kết quả kinh doanh của công ty.

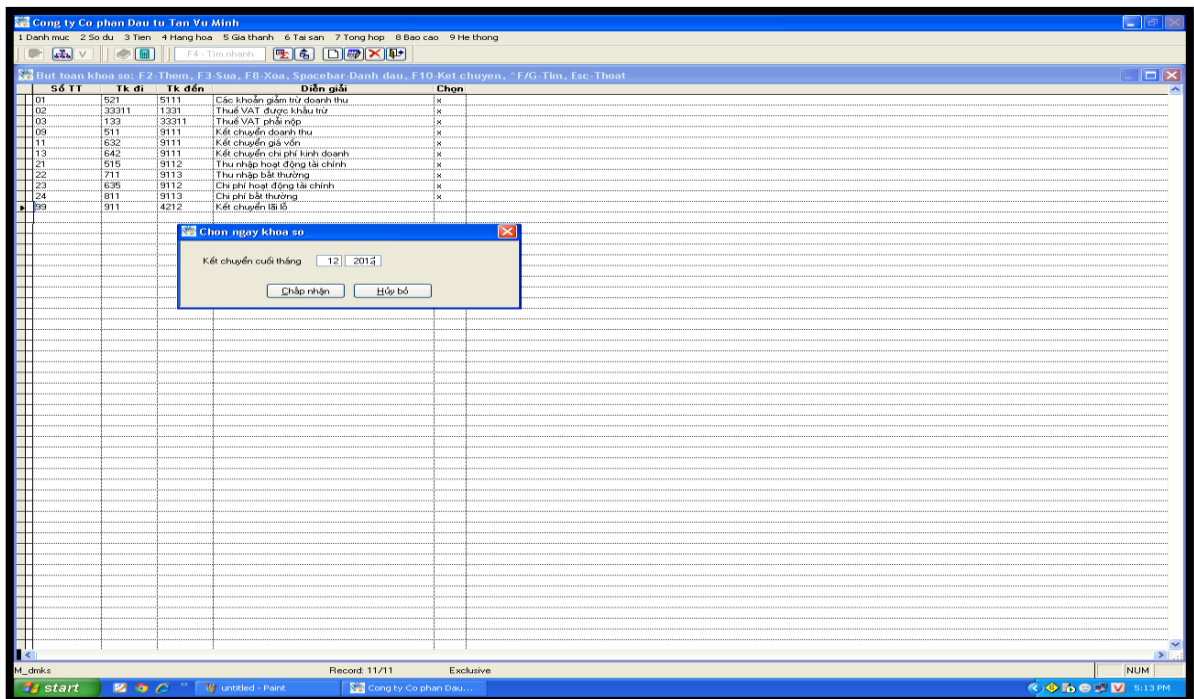
❖ Các bút toán kết chuyển được thực hiện tự động trên phần mềm kế toán theo các bước sau:

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✚ Chọn phân hệ “Tổng hợp/Bút toán khóa sổ”

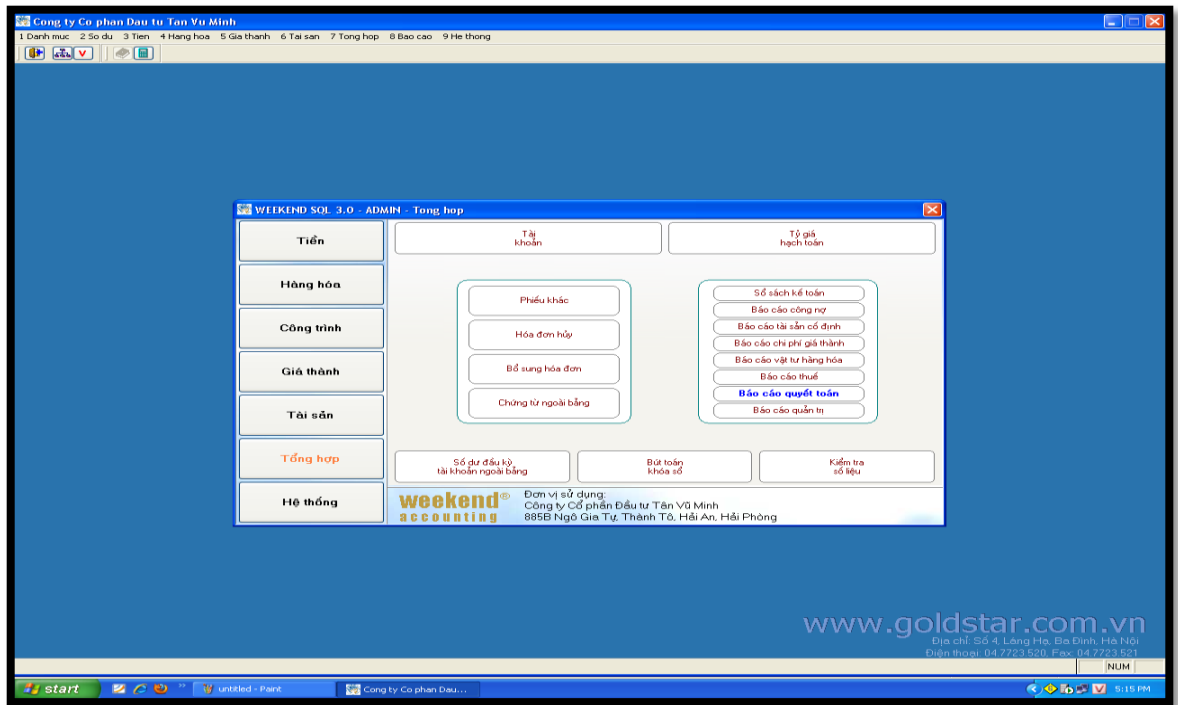


✚ Đánh dấu các bút toán cần khóa sổ và bấm “F10” thực hiện kết chuyển.



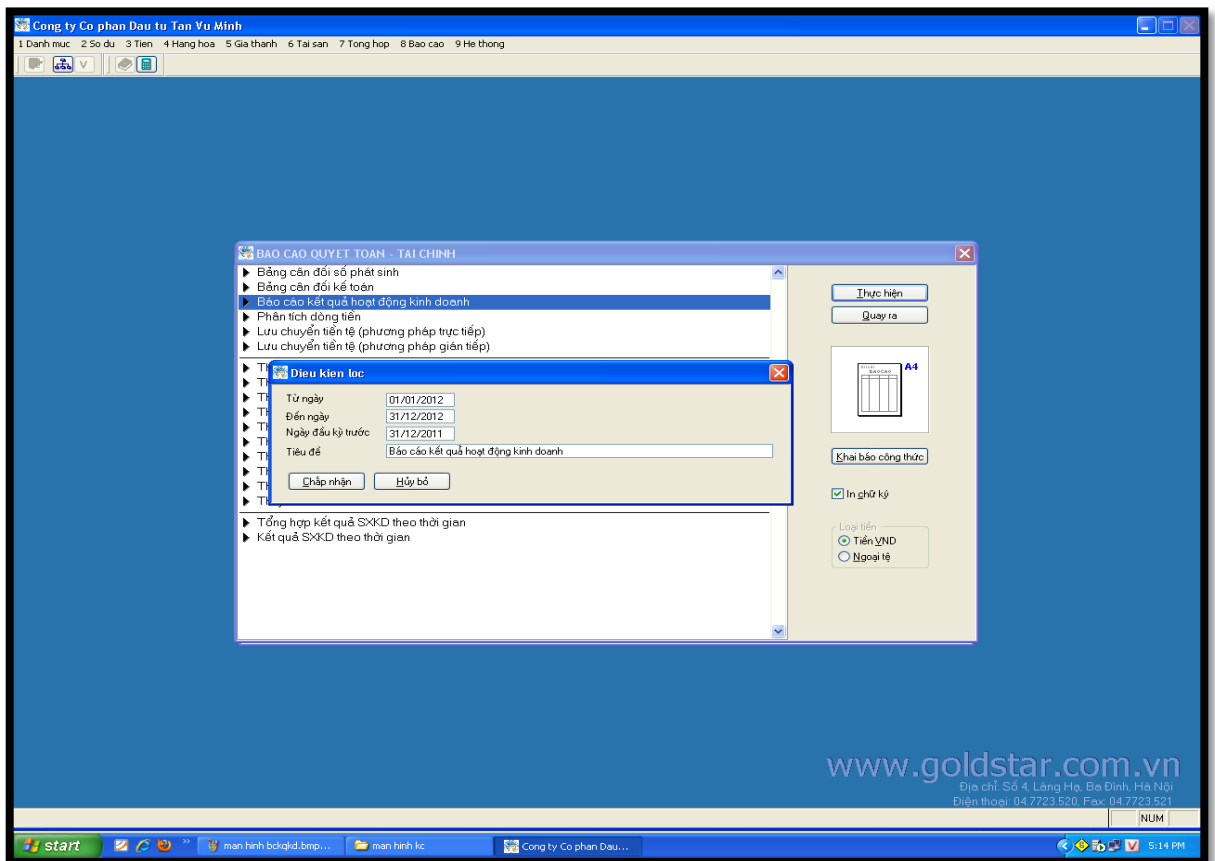
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Màn hình giao diện Tổng hợp/Báo cáo quyết toán



Màn hình giao diện Báo cáo quyết toán/Báo cáo kết quả

hoạt động kinh doanh



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 24: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh
Số 885B Ngô Gia Tự, Quận Hải An, HP

Mẫu số: B02-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	19.606.182.780
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		19.606.182.780
4. Giá vốn hàng bán	11		5.890.501.450
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		13.715.681.330
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		847.491
7. Chi phí tài chính	22		23.580.556
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		23.580.556
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		115.503.304
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		13.577.444.961
10. Thu nhập khác	31		
11. Chi phí khác	32		
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	13.577.444.961
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		3.394.361.240
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		10.183.083.721

Ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Ngày 31/12/2012, công ty xác định số thuế thu nhập phải nộp trong năm tài chính. Căn cứ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 tổng lợi nhuận kế toán trước thuế :13.577.444.961

Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012

$$13.577.444.961 \times 25\% = 3.394.361.240$$

Sau khi tính thuế TNDN phải nộp kế toán lập phiếu kế toán phản ánh số thuế phải nộp trên phần mềm.Chọn phân hệ “**Tổng hợp/Phiếu khác**”,kích chọn “Thêm” hoặc bấm phím “F2” .

Màn hình giao diện phiếu kế toán

The screenshot displays a software window titled "PHIEU KE TOAN KHAC: F2-Them, F3-Sua, F7-In, F8-Xoa, F9-Loc, *F3-Mau bc, *F7-Xem, Spacebar-Danh dau, Esc-Thoat". The window contains a form for entering tax receipt data. Key fields include:

- Ngày:** 31/12/2012
- Số:** 00064
- Mã thuế TNDN:** 1.00
- Người lập:** ADMIN
- Tình trạng:** Tổng hợp

A table lists accounts with their debit (N) and credit (C) amounts:

Ps	Tk	Nguyên tệ	Thành tiền	Đối tượng	Sản phẩm	Khoản mục	Diễn giải (VN)
N	821	3 394 361 240.00	3 394 361 240				Xác định thuế TNDN phải nộp
C	3334	3 394 361 240.00	3 394 361 240				Xác định thuế TNDN phải nộp

Additional fields include:

- Chi phí không hợp lệ: 0
- Doanh thu chưa hạch toán: 0
- Phát sinh nợ: 3 394 361 240.00
- Phát sinh có: 3 394 361 240.00

Buttons at the bottom include: Thêm, Sửa, Xóa, Xem phiếu, In phiếu, Lưu, Hủy, Lọc, Quay ra.

Footer information: www.goldstar.com.vn, Địa chỉ: Số 4, Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội, Điện thoại: 04.7723.520, Fax: 04.7723.521.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Kết chuyển doanh thu

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh
Số 885B Ngô Gia Tự, Quận Hải An, Hải Phòng

Mẫu số 04-TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ Trưởng-BTC)

Phiếu kế toán

Ngày 31/12/2012

Số 00059

Họ tên

Địa chỉ:

Chi tiết phát sinh thể hiện dưới bảng sau

Tài khoản	Nội dung	PS nợ	PS có
5111	Kết chuyển doanh thu	19.252.359.253	
9111	Kết chuyển doanh thu		19.252.359.253
5112	Kết chuyển doanh thu	353.823.527	
9111	Kết chuyển doanh thu		353.823.527
	Tổng cộng	19.606.182.780	19.606.182.780

Kết chuyển giá vốn

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh
Số 885B Ngô Gia Tự, Quận Hải An, HP

Mẫu số 04-TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ Trưởng-BTC)

Phiếu kế toán

Ngày 31/12/2012

Số 00060

Họ tên

Địa chỉ:

Chi tiết phát sinh thể hiện dưới bảng sau

Tài khoản	Nội dung	PS nợ	PS có
9111	Kết chuyển giá vốn	5.726.126.628	
6321	Kết chuyển giá vốn		5.726.126.628
9111	Kết chuyển giá vốn	164.374.822	
6322	Kết chuyển giá vốn		164.374.822
	Tổng cộng	5.890.501.450	5.890.501.450

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✚ Kết chuyển chi phí kinh doanh

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh
Số 885B Ngô Gia Tự, Quận Hải An, HP

Mẫu số 04-TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC ngày
14/92006 của Bộ Trưởng-BTC)

Phiếu kế toán

Ngày 31/12/2012

Số 00061

Họ tên

Địa chỉ:

Chi tiết phát sinh thể hiện dưới bảng sau

Tài khoản	Nội dung	PS nợ	PS có
9111	Kết chuyển chi phí kinh doanh	115.503.304	
6422	Kết chuyển chi phí kinh doanh		115.503.304
	Tổng cộng	115.503.304	115.503.304

✚ Kết chuyển thu nhập hoạt động tài chính

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh
Số 885B Ngô Gia Tự, Quận Hải An, HP

Mẫu số 04-TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC ngày
14/92006 của Bộ Trưởng-BTC)

Phiếu kế toán

Ngày 31/12/2012

Số 00062

Họ tên

Địa chỉ:

Chi tiết phát sinh thể hiện dưới bảng sau

Tài khoản	Nội dung	PS nợ	PS có
5154	Kết chuyển thu nhập hoạt động tài chính	847.491	
9112	Kết chuyển thu nhập hoạt động tài chính		847.491
	Tổng cộng	847.491	847.491

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✚ Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh
Số 885B Ngô Gia Tự, Quận Hải An, HP

Mẫu số 04-TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ Trưởng-BTC)

Phiếu kế toán

Ngày 31/12/2012

Số 00063

Họ tên

Địa chỉ:

Chi tiết phát sinh thể hiện dưới bảng sau

Tài khoản	Nội dung	PS nợ	PS có
9112	Kết chuyển hoạt động tài chính	23.580.556	
6354	Kết chuyển hoạt động tài chính		23.580.556
	Tổng cộng	23.580.556	23.580.556

✚ Xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh
Số 885B Ngô Gia Tự, Quận Hải An, HP

Mẫu số 04-TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng-BTC)

Phiếu kế toán

Ngày 31/12/2012

Số 00064

Họ tên

Địa chỉ:

Chi tiết phát sinh thể hiện dưới bảng sau

Tài khoản	Nội dung	PS nợ	PS có
8211	Chi phí thuế TNDN	3.394.361.240	
3334	Thuế TNDN		3.394.361.240
	Tổng cộng	3.394.361.240	3.394.361.240

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✚ Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh
Số 885B Ngô Gia Tự, Quận Hải An, HP

Mẫu số 04-TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ Trưởng-BTC)

Phiếu kế toán

Ngày 31/12/2012

Số 00065

Họ tên

Địa chỉ:

Chi tiết phát sinh thể hiện dưới bảng sau

Tài khoản	Nội dung	PS nợ	PS có
9113	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	3.394.361.240	
8211	Chi phí thuế TNDN		3.394.361.240
	Tổng cộng	3.394.361.240	3.394.361.240

✚ Xác định kết quả kinh doanh

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh
Số 885B Ngô Gia Tự, Quận Hải An, HP

Mẫu số 04-TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ Trưởng-BTC)

Phiếu kế toán

Ngày 31/12/2012

Số 00066

Họ tên

Địa chỉ:

Chi tiết phát sinh thể hiện dưới bảng sau

Tài khoản	Nội dung	Ps nợ	Ps có
9113	Kết chuyển lãi lỗ	10.183.083.721	
4212	Kết chuyển lãi lỗ		10.183.083.721
	Tổng cộng	10.183.083.721	10.183.083.721

✓ Để in phiếu kế toán, ta kích vào nút “In phiếu” trên thanh công cụ hoặc bấm phím F7, chọn loại máy in và in phiếu

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 25: Sổ nhật ký chung

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH
Địa chỉ: 885 B NGÔ GIA TỰ, THÀNH TÔ, HẢI AN, HẢI PHÒNG

Mẫu số: S03a - DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT : VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn Giải	Tk	PS nợ	PS có
----	-----	----	-----	-----	-----	-----
PK	31/12/2012	00059	Kết chuyển doanh thu			
			Doanh thu xây dựng	5111	19.524.359.253	
			Doanh thu rửa xe và cung cấp dịch vụ	5112	353.823.527	
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111		19.606.182.780
PK	31/12/2012	00060	Kết chuyển giá vốn			
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111	5.890.501.450	
			Giá vốn hàng bán của hàng hóa	6321		5.726.126.628
			Giá vốn hàng bán của thành phẩm	6322		164.374.822
PK	31/12/2012	00061	Kết chuyển chi phí kinh doanh			
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9111	115.503.304	
			Chi phí quản lý DN	6422		115.503.30
PK	31/12/2012	00062	Kết chuyển thu nhập hoạt động tài chính			
			Doanh thu từ lãi tiền gửi	5154	847.491	
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9112		847.491
PK	31/12/2012	00063	Kết chuyển chi phí tài chính			
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9112	23.580.556	
			Lãi tiền vay	6354		23.580.556
PK	31/12/2012	00064	Xác định thuế TNDN phải nộp			
			Chi phí thuế TNDN	8211	3.394.361.240	
			Thuế TNDN	3334		3.394.361.240
PK	31/12/2012	00065	Kết chuyển thuế TNDN			

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9113	3.394.361.240	
			Chi phí thuế TNDN	821		3.394.361.240
PK	31/12/2102	00066	Kết chuyển lãi lỗ			
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9113	10.183.083.720	
			Lợi nhuận chưa phân phối	4212		10.183.083.720
----	----	----	-----	----	-----	-----
			Tổng cộng		104.327.446.643	104.327.446.643

Kế toán ghi số
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 26: Sổ cái tài khoản 911

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH

Mẫu số: S03a - DNN

Địa chỉ: 885 B NGÔ GIA TỰ, THÀNH TÔ, HẢI AN, HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 911

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT : VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn Giải	TKĐU	PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu kỳ			
PK	31/12/2102	00059	Kết chuyển doanh thu	5111		19.252.359.253
PK	31/12/2102	00059	Kết chuyển doanh thu	5112		353.823.527
PK	31/12/2102	00060	Kết chuyển giá vốn	6321	5.726.126.628	
PK	31/12/2102	00060	Kết chuyển giá vốn	6322	164.374.822	
PK	31/12/2102	00061	Kết chuyển chi phí kinh doanh	6422	115.503.304	
PK	31/12/2102	00062	Kết chuyển thu nhập hoạt động tài chính	5154		847.491
PK	31/12/2102	00063	Kết chuyển chi phí tài chính	6354	23.580.556	
PK	31/12/2102	00065	Kết chuyển lãi lỗ	8211	3.394.361.240	
PK	31/12/2102	00066	Kết chuyển thuế TNDN	4212	10.183.083.720	
			Cộng số phát sinh		19.607.030.271	19.607.030.271
			Số dư cuối kỳ			

Kế toán ghi số
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 27: Sổ chi tiết 911

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH

Mẫu số: S20 - DNN

Địa chỉ: 885 B NGÔ GIA TỰ, THÀNH TÔ, HẢI AN, HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 911

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

ĐVT :VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn Giải	TKĐU	PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu kỳ			
PK	31/12/2102	00059	Kết chuyển doanh thu	5111		19.252.359.253
PK	31/12/2102	00059	Kết chuyển doanh thu	5112		353.823.527
PK	31/12/2102	00060	Kết chuyển giá vốn	6321	5.726.126.628	
PK	31/12/2102	00060	Kết chuyển giá vốn	6322	164.374.822	
PK	31/12/2102	00061	Kết chuyển chi phí kinh doanh	6422	115.503.304	
PK	31/12/2102	00062	Kết chuyển thu nhập hoạt động tài chính	5154		847.491
PK	31/12/2102	00063	Kết chuyển chi phí tài chính	6354	23.580.556	
PK	31/12/2102	00065	Kết chuyển lãi lỗ	8211	3.394.361.240	
PK	31/12/2102	00066	Kết chuyển thuế TNDN	4212	10.183.083.720	
			Cộng số phát sinh		19.607.030.271	19.607.030.271
			Số dư cuối kỳ			

Kế toán ghi số
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 28 : Sổ cái tài khoản 821

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH
Địa chỉ: 885 B NGÔ GIA TỰ, THÀNH TÔ, HẢI AN, HP

Mẫu số: S03b - DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 821

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

DVT: VNĐ

Mã	Ngày	Số	Diễn Giải	TKĐU	PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu kỳ			
PK	31/12/2102	00064	Xác định thuế TNDN	3334	3.394.361.240	
PK	31/12/2102	00065	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	9113		3.394.361.240
			Cộng số phát sinh		3.394.361.240	3.394.361.240
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán ghi số

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 29 : Sổ cái tài khoản 421

ĐƠN VỊ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH
Địa chỉ: 885 B NGÔ GIA TỰ, THÀNH TÔ, HẢI AN, HP

Mẫu số: S03a - DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 421

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/12/2012

Mã	Ngày	Số	Diễn giải	TKĐU	PS Nợ	PS Có
			Số dư đầu kỳ			5.932.578.489
PK	12/31/2012	00066	Kết chuyển lãi lỗ	9113		10.183.083.720
			Cộng số phát sinh			16.115.662.209
			Số dư cuối kỳ			16.115.662.209

**CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN
CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC
ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ TÂN VŨ MINH**

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh.

3.1.1. Kết quả đạt được:

Trong quá trình thực tập tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh, em đã được tìm hiểu, tiếp xúc với thực tế công tác quản lý nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty nói riêng. Qua thời gian thực tập, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh có những ưu điểm, nhược điểm như sau:

3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh của mình, Công ty đã lựa chọn mô hình kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán đối với công ty, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ kế toán viên. Do đó công việc tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao hơn, việc tập hợp số liệu cũng diễn ra chính xác hơn. Sau khi đã có số liệu tổng hợp do nhân viên kế toán cung cấp, kế toán trưởng sẽ tổng hợp số liệu và xác định kết quả hoạt động Kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Về nhân sự, bộ phận kế toán có bốn người gồm một kế toán trưởng và hai kế toán viên và một thủ quỹ phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao (trình độ từ cao đẳng trở lên) giúp cho công tác kế toán công ty được thực hiện chính xác, kịp thời

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

_Các nhân viên phòng kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động cuối cùng. Từ đó ban giám đốc Công ty cũng như các đối tượng có liên quan như: ngân hàng, cơ quan thuế, đối tác kinh doanh, nhà cung ứng... sẽ có được thông tin mang tính xác thực cao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh, quản lý của doanh nghiệp đồng thời giúp cho công tác lập báo cáo tài chính được chính xác, dễ dàng.

3.1.1.2. Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

❖ Về việc vận dụng hệ thống tài khoản.

Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng ở công ty phù hợp với hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành.

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC của Bộ Tài Chính.

❖ Về hệ thống sổ sách kế toán.

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách cho đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc và dễ dàng cho việc theo dõi, kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các sổ sách liên quan. Hệ thống sổ sách mà công ty áp dụng để tập hợp ghi chép số liệu của quá trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là hợp lý, đảm bảo tính khoa học, chính xác đầy đủ. Sổ sách kế toán được cất giữ và bảo quản cẩn thận qua từng năm.

❖ Về hệ thống chứng từ .

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu quy định của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời Các chứng từ được lưu giữ bảo quản cẩn thận theo quy định.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- **Về tổ chức kế toán doanh thu:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về doanh thu và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ theo đúng nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu. Là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

- **Về công tác kế toán chi phí :** Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý doanh nghiệp luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý nhằm tránh lãng phí. Vì vậy các chi phí phát sinh như chi phí quản lý kinh doanh, tại công ty được hạch toán đảm bảo tính đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- **Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh:** Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.1.3. Về việc ứng dụng công nghệ thông tin:

Để giúp cho công tác kế toán diễn ra một cách chính xác, thuận tiện, hiệu quả và giảm bớt khối lượng công việc ghi chép của các kế toán. Công ty đã ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác tổ chức kế toán tại công ty. Công ty mua bản quyền sử dụng phần mềm kế toán “Wecken accouting”. Phần mềm kế toán “Wecken accouting” có nhiều tính năng mạnh mẽ, thuận tiện và dễ dàng thao tác trên máy tính. Khi sử dụng phần mềm, kế toán chỉ việc cập nhập số liệu đầu vào, phần mềm sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách báo cáo kế toán có liên quan. Điều này giúp tiết kiệm thời gian và giảm bớt được sự sai sót trong quá trình ghi chép và tính toán của kế toán. Ngoài ra phần mềm được thiết kế đảm bảo có thể cung cấp các báo cáo kế toán quản trị tổng hợp và chi tiết theo nhiều chiều, phục vụ tối đa cho công tác quản trị điều hành của ban lãnh đạo.

3.1.2 Hạn chế.

Bên cạnh những kết quả đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh còn có những mặt hạn chế như sau:

❖ Về tài khoản sử dụng.

Công sử dụng tài khoản 6422 để hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp theo như quy định kế toán hiện hành. Tuy nhiên công ty chưa mở tài khoản chi tiết cho TK 6422 theo đối tượng chi phí như chi phí nhân viên quản lý, chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ công tác quản lý, thuế, phí, lệ phí và các chi phí bằng tiền khác v..v....

❖ Chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn trong hợp đồng.

Do lĩnh vực kinh doanh của công ty là dịch vụ xây dựng vì vậy doanh thu các công trình thường rất lớn do đó việc thanh toán của các khách hàng thường diễn ra chậm và kéo dài gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh và làm chậm tốc độ thu hồi vốn của công ty. Để khuyến khích các khách hàng thanh toán nhanh, sớm trước thời hạn công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.

❖ Chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Các hợp đồng kinh tế của công ty có giá trị lớn nên khách hàng thường không thể trả tiền ngay hoặc trả hết trong một lần dẫn đến công ty tồn tại một khối lượng lớn các khoản phải thu của khách hàng. Hiện nay công ty có một số khách hàng vẫn chưa thanh toán khi đã quá hạn thanh toán đến một năm. Trong khi đó công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Việc không trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi đồng nghĩa với việc công ty không dự kiến trước được các tổn thất. Do vậy khi những rủi ro kinh tế bất ngờ xảy ra thì công ty khó có thể xử lý kịp thời. Khi đó tình hình kinh doanh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

tại công ty sẽ chịu những ảnh hưởng nặng nề hơn với những tổn thất không đáng có, ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty. Trong khi đó nếu trước đó công ty đã có kế hoạch tạo lập các nguồn kinh phí trang trải cho những rủi ro này thì những ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty sẽ giảm đi đáng kể.

❖ Về quy trình luân chuyển chứng từ:

Về luân chuyển chứng từ: Mọi chứng từ đều được luân chuyển giữa các nhân viên kế toán và các phòng ban có liên quan về cơ bản đều đúng trình tự. Tuy nhiên, giữa các phòng ban không có biên bản giao nhận chứng từ nên khi xảy ra mất chứng từ không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý.

3.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh.

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trước những biến đổi sâu sắc của nền kinh tế toàn cầu, mức độ cạnh tranh về hàng hóa, dịch vụ giữa các doanh nghiệp trong nước ngày càng khốc liệt hơn nhất là khi Việt Nam đã gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO), điều này đã đem lại nhiều cơ hội cũng như thử thách lớn cho các doanh nghiệp. Do đó, mỗi doanh nghiệp không những phải tự lực vươn lên trong quá trình sản xuất kinh doanh mà phải biết phát huy tối đa tiềm năng của mình để đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất. Bên cạnh các phương thức xúc tiến thương mại để đẩy nhanh tốc độ tiêu thụ với mục đích cuối cùng là tối đa hóa lợi nhuận, các doanh nghiệp cần phải nắm bắt thông tin, số liệu cần thiết và chính xác từ bộ phận kế toán giúp cho các nhà quản trị có cái nhìn chính xác về tình hình quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, có thể công khai tài chính thu hút nhà đầu tư. Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng để đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp từng thời kỳ. Vì vậy, việc

xác định đúng kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp thấy được ưu điểm và nhược điểm, những vấn đề tồn tại, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục, đề ra các phương án chiến lược kinh doanh đúng đắn và phù hợp hơn cho các kỳ tiếp theo. Số liệu kế toán càng chi tiết, chính xác, nhanh chóng và kịp thời sẽ hỗ trợ các nhà quản trị tốt hơn trong việc cân nhắc để đưa ra các quyết định phù hợp nhất với tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Việc xác định tính trung thực, hợp lý, chính xác và khách quan của các thông tin về kết quả kinh doanh trên các báo cáo tài chính là sự quan tâm hàng đầu của các đối tượng sử dụng thông tin tài chính đặc biệt các nhà đầu tư. Do đó hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán hạch toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều cần thiết và quan trọng của mỗi doanh nghiệp.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện:

Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng những nguyên tắc sau:

_Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

_Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

_Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

_Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.3 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh.

3.2.3.1. Hoàn thiện tài khoản sử dụng

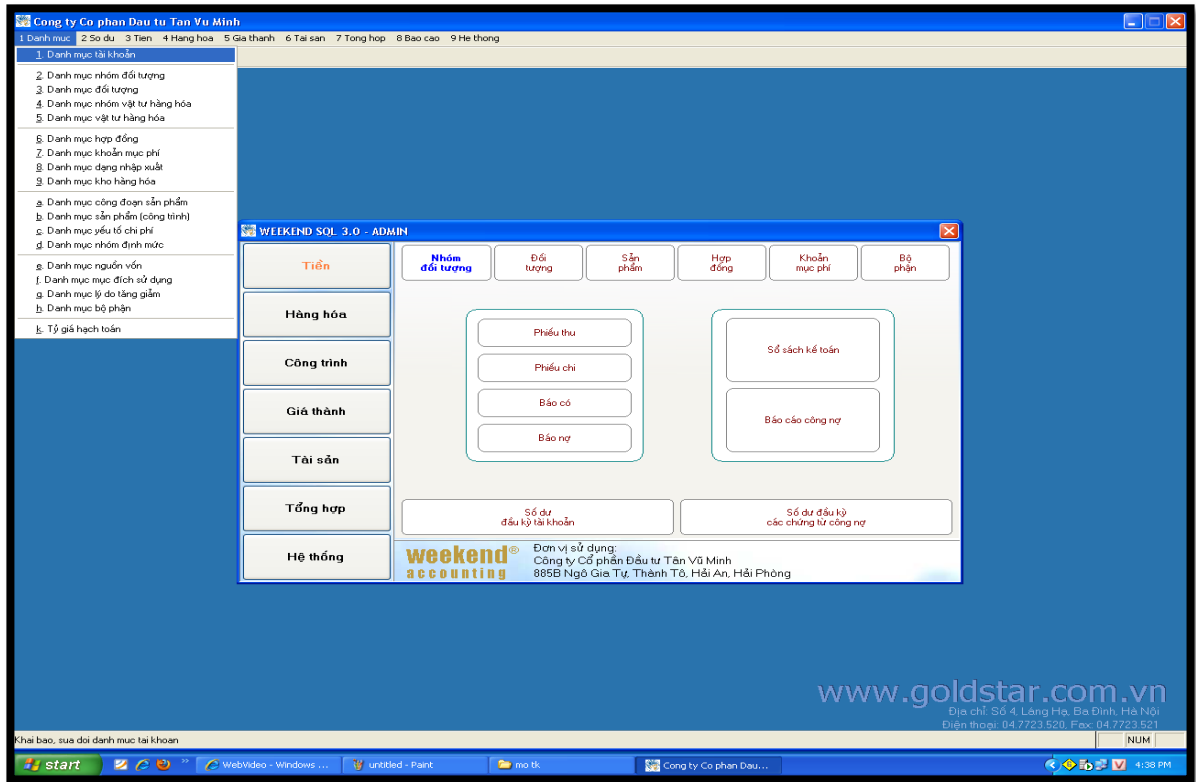
Công ty nên mở tài khoản chi tiết cho TK642 sẽ giúp công ty dễ dàng theo dõi chi tiết các yếu tố phát sinh của TK6422. Các tài khoản chi tiết TK 6422 có thể mở như sau:

- ✓ TK 64221 – Chi phí nhân viên quản lý: Phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ nhân viên quản lý doanh nghiệp như: tiền lương, các khoản phụ cấp, BHXH, BHYT...
- ✓ TK 64222 – Chi phí vật liệu quản lý: Phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý như văn phòng phẩm
- ✓ TK 64223 – Chi phí đồ dùng văn phòng: Phản ánh chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp
- ✓ TK 64224 – Chi phí khấu hao TSCĐ: Phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp
- ✓ TK 64225 – Thuế, phí và lệ phí: Phản ánh các khoản chi phí thuế, phí, lệ phí như phí dịch vụ, phí chuyển tiền, phí tàu xe...
- ✓ TK 64226 – Chi phí dự phòng: Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp
- ✓ TK 64227 – Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý kinh doanh của doanh nghiệp: như tiền điện, điện thoại....
- ✓ TK 64228 – Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí kể trên như chi phí hội nghị, chi phí tiếp khách.

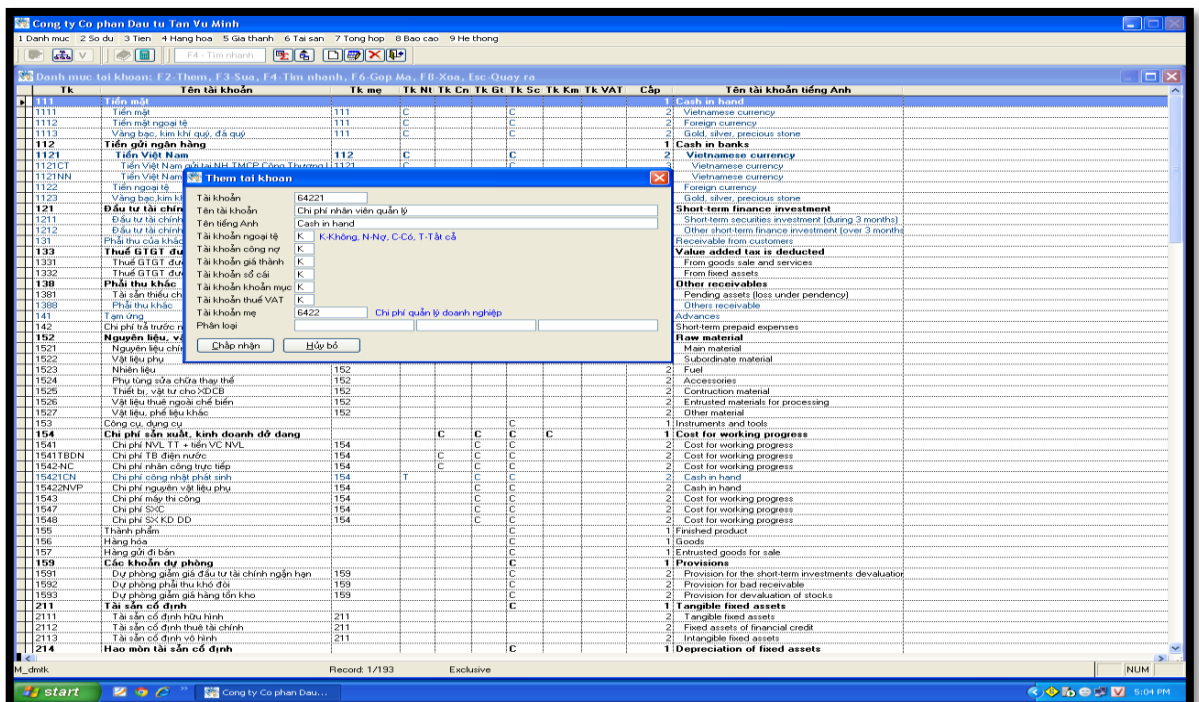
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Ví dụ để mở tài khoản chi tiết cho tài khoản 6422. Trên giao diện phần mềm kế toán chọn “**Danh mục / Danh mục tài khoản**”, nhấn “**F2**” để thêm tài khoản.

Màn hình giao diện “Danh mục / Danh mục tài khoản”



Khi đó xuất hiện hộp hội thoại thêm tài khoản, kế toán nhập thông tin vào các mục “**tài khoản**”, “**tên tài khoản**”, “**tài khoản mẹ**”, sau đó chọn “**chấp nhận**” để tạo tài khoản mới.



3.2.3.2. Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán.

Tùy thuộc vào đối tượng và thời hạn thanh toán mà công ty có thể đưa ra những tỷ lệ phần trăm (%) chiết khấu phù hợp hoặc cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp trong cùng ngành, tương đồng về quy mô, tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, tình hình trả nợ trước thời hạn và phải đặt trong mối quan hệ với lãi suất ngân hàng, tỉ lệ chiết khấu thanh toán phải lớn hơn lãi suất tiền gửi và nhỏ hơn lãi suất tiền vay ngân hàng. Điều này tuy làm tăng chi phí cho Công ty nhưng lại giúp Công ty thu hồi vốn nhanh, tăng tốc độ vòng quay vốn. Khi thực hiện chính sách chiết khấu thanh toán công ty cần đảm bảo hai nguyên tắc: lợi ích của công ty không bị xâm phạm và không làm mất bạn hàng.

➤ *Phương pháp hạch toán*

Khi xác định được mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua tài khoản 635 “Chi phí tài chính” như sau:

Nợ TK 635: Chiết khấu thanh toán

Có TK 131, 111, 112,...

Cuối kỳ, kết chuyển tổng các khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ, ghi:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính

Với các biện pháp chiết khấu này, công ty không những có thể giữ được khách hàng truyền thống mà còn tăng lượng khách hàng mới trong tương lai, giúp thúc đẩy quá trình kinh doanh, tăng năng lực cạnh tranh trên thị trường.

3.2.3.3. Về việc trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Hiện nay, các khoản phải thu khách hàng của công ty rất lớn. Điều này gây nhiều khó khăn cho công ty trong các trường hợp cần thiết cần vốn gấp. Vì vậy, ngoài các biện pháp khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh và sớm như áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán thì đồng thời, để kiểm tra và theo dõi chặt chẽ hơn các khoản nợ của khách hàng, công ty nên phân loại

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

công nợ. Các khoản nợ quá hạn và khó đòi phát sinh trong kỳ thì phải lập hồ sơ theo dõi riêng từng khoản nợ, từng đối tượng khách hàng. Hàng tháng phải báo cáo lên ban giám đốc công ty đồng thời tiến hành trích lập khoản dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi.

❖ Đối tượng và điều kiện lập dự phòng phải thu khó đòi.

Là các khoản nợ phải thu đảm bảo các điều kiện sau:

_Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận nợ của bên mua về số tiền còn nợ bao gồm: Hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác. Các khoản phải thu không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

_Có đủ căn cứ xác định là khoản phải thu khó đòi:

+Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, hoặc cam kết nợ khác

+Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn đang bị các cơ quan pháp luật truy tố,...

+Những khoản nợ quá hạn 3 năm trở nên coi như không có khả năng thu hồi nợ và được xử lý xóa nợ.

❖ Phương pháp xác định:

Dựa trên tài liệu hạch toán chi tiết các khoản phải thu của từng khách hàng, phân loại theo thời hạn thu nợ, các khách hàng quá hạn được xếp loại khách hàng khó đòi, nghi ngờ. Doanh nghiệp cần thông báo cho khách hàng và trên cơ sở thông tin phản hồi từ khách hàng, kể cả bằng phương pháp xác minh, để xác định số dự phòng cần lập theo số phần trăm (%) khả năng mất:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi = Nợ phải thu khó đòi X Số % có khả năng mất

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

❖ Phương pháp dự phòng

Theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành 07 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi phương pháp xác định mức dự phòng cần trích lập.

Thời gian quá hạn thanh toán	Mức dự phòng cần trích lập
$6 \text{ tháng} \leq t < 1 \text{ năm}$	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
$1 \text{ năm} < t < 2 \text{ năm}$	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
$2 \text{ năm} < t < 3 \text{ năm}$	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
$> 3 \text{ năm}$	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

_Đối với nợ phải thu chưa đến hạn trả nhưng khách hàng nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn đang bị các cơ quan pháp luật truy tố thì công ty dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Sau khi lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, công ty tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản sử dụng : TK 1592-Dự phòng phải thu khó đòi

Kết cấu tài khoản

Bên nợ:

_Hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi

_Xóa các khoản nợ phải thu khó đòi

Bên có:

Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp

Số dư bên có:

Số dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi cuối kỳ.

Xử lý khoản dự phòng

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong hạch toán kế toán, công ty cần trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Căn cứ vào số dự phòng còn lại trên số dư của tài khoản 1592 so với số dự phòng cần trích lập cho năm tiếp theo:

1. Khi các khoản nợ phải thu xác định khó đòi, công ty phải trích lập dự phòng theo các quy định trên, nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi thì công ty không phải trích lập.

2. Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dự phòng phải thu khó đòi trích lập năm trước thì công ty phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch giữa số phải trích lập cho năm sau với số trích lập cho năm trước. Bút toán ghi sổ :

Nợ TK 6422 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 1592: Dự phòng phải thu khó đòi

3. Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dự phòng phải thu khó đòi trích lập năm trước thì công ty phải hoàn nhập phần chênh lệch ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp giữa số dư khoản dự phòng đã trích lập cho năm sau. Bút toán ghi sổ:

Nợ TK 1592 : Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 6422: CP QLDN (Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi)

4. Các khoản phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được thì được phép xóa nợ, việc xóa nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi ghi:

Nợ TK 1592: Dự phòng phải thu khó đòi (nếu đã trích dự phòng)

Nợ TK 6422: CP QLDN (nếu chưa trích lập)

Có TK 1311: phải thu khách hàng

Có TK 138 : Phải thu khác

Đồng thời ghi nợ TK 004 : Nợ khó đòi đã xử lý xóa nợ để theo dõi thu hồi khi khách hàng có điều kiện trả nợ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

5. Đối với những khoản nợ khó đòi đã được xử lý xóa nợ nếu sau đó thu hồi lại được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được ghi:

Nợ Tk 111,112 : Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Có TK 711: Thu nhập khác

Đồng thời ghi Có TK 004

❖ Ví dụ minh họa

Dựa trên báo cáo tình hình công nợ đến hết ngày 31/12/2012 và mức trích lập dự phòng theo thông tư 228/2009/TT-BTC, công ty nên tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi vào ngày 31/12/2012.

Báo Cáo Tình Hình Công Nợ Đến Hết Ngày 31/12/2012

STT	Tên khách hàng	Công nợ đến ngày 31/12/2012		Ghi Chú
		Dư nợ cuối kỳ	Dư có cuối kỳ	
1	UBND Quận Hải An	4.000.000.000		Nợ 15 tháng
2	UBND Quận Nam Hải	1.300.000.000		Nợ 13 tháng
3	Trường tiểu học Nam Hải	140.890.000		Nợ 7 tháng
4	UBND Tràng Cát	1.500.000.000		Nợ 10 tháng
5	Lữ đoàn 602	730.076.753		
6	CN công ty CP Bảo Hiểm toàn cầu tại HP	148.500.000		
7	CN công ty CPXD số 1 Hà Nội- XN XD và PT hạn tầng	200.000.000		
.....
	Cộng	19.083.135.744		

➤ **Dự phòng phải thu khó đòi năm 2012:**

+Dự phòng phải thu khó đòi với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng đến dưới 1 năm:

$$(140.890.000 + 1.500.000.000) \times 30\% = 492.267.000$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+Dự phòng phải thu khó đòi với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 1 năm đến dưới 2 năm:

$$(4.000.000.000 + 1.300.000.000) \times 50\% = 2.650.000.000$$

+Dự phòng phải thu khó đòi trích lập năm 2012:

$$492.267.000 + 2.650.000.000 = 2.650.492.267$$

+Kế toán định khoản :

Nợ 64226 : 2.650.492.267

Có 1592: 2.650.492.267

Sau khi tính được số dự phòng phải thu khó đòi, kế toán vào phân hệ “**Tổng Hợp /Phiếu Khác**” để lập một phiếu kế toán phản ánh nghiệp vụ trích lập dự phòng phải thu khó đòi. Số liệu được cập nhật sẽ tự động chuyển vào sổ sách có liên quan: Sổ nhật ký chung; sổ cái TK139,TK642.

Màn hình giao diện phiếu kế toán

The screenshot shows a software window titled "PHIẾU KẾ TOÁN KHÁC: F2-Them, F3-Sua, F7-In, FB-Xoa, F9-Loc, *F3-Mau bc, *F7-Xem, Spacebar-Danh dau, Esc-Theot". The main form contains the following data:

Ngày	Số	Tiền	Ngày	Số	Mã tệ	VND
11/10	00036	2.000.000.000	31/12/2012	00057		1.00
17/10	00030	7.016.000.000				
20/10	00031	6.484.000.000				
22/10	00032	200.000.000.000				
22/10	00033	650.000.000.000				
12/11	00034	795.000.000.000				
16/11	00035	100.000.000.000				
17/11	00036	876.600.000.000				
03/12	00030	511.184.725.000				
03/12	00031	188.815.275.000				
16/12	00032	442.835.000.000				
23/12	00033	650.000.000.000				
27/12	00034	2.000.000.000				
27/12	00035	180.000.000.000				
28/12	00036	1.885.100.000				
28/12	00037	176.000.000.000				
31/12	00038	783.200.000.000				
31/12	00039	649.000.000.000				

Additional form fields include: Đối tượng: UBND phường Cát Bi; Địa chỉ: ; Trích lập dự phòng phải thu khó đòi năm 2012; Người lập: ADMIN; Tình trạng: Tổng hợp; Mã tệ: VND; Phát sinh nợ: 2.650.492.267,00; Phát sinh có: 2.650.492.267,00.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 30: Phiếu kế toán

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh
Số 885B Ngô Gia Tự, Quận Hải An, Hải Phòng

Mẫu số 04-TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006 QĐ-BTC ngày
14/9/2006 của Bộ Trưởng-BTC)

Phiếu kế toán

Ngày 31/12/2012

Số :00057

Họ tên

Địa chỉ:

Chi tiết phát sinh thể hiện dưới bảng sau

Tài khoản	Nội dung	Ps nợ	Ps có
64226	Chi phí dự phòng	2.650.492.267	
1592	Dự phòng phải thu khó đòi		2.650.492.267
	Tổng cộng	2.650.492.267	2.650.492.267

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

3.2.3.5. Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Mẫu phiếu giao nhận chứng từ

Đơn vị : Công ty CP Đầu Tư Tân Vũ Minh

Địa chỉ : Số 885 B Ngô Gia Tự-Thành Tô –Hải An, HP

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Ngày tháng	Loại chứng từ	Số hiệu chứng từ	Ký tên	
			Bên giao	Bên nhận

Kết luận

Trong công tác quản lý kinh tế, đặc biệt trong điều kiện phát triển không ngừng của nền kinh tế thị trường hiện nay thì thông tin kế toán đóng vai trò quan trọng hết sức quan trọng quyết định đến sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp. Do vậy để phát huy được vai trò đó kế toán phải thực hiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sao cho hiệu quả nhất. Qua thời gian nghiên cứu đề tài, em đã khái quát được cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, trên cơ sở đó tiếp tục nghiên cứu thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu Tư Tân Vũ Minh em đã rút ra được những vấn đề sau :

- Về lý luận: Thấy rõ được vai trò quan trọng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

- Về thực tiễn: chỉ ra được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Đầu Tư Tân Vũ Minh, từ đó đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện vấn đề sao cho phù hợp với thực tế Công ty và tình hình chung của đất nước, phù hợp với điều kiện kinh doanh hiện nay và đảm bảo đúng chế độ kế toán hiện hành.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của các anh, chị, các cô chú trong phòng tài chính kế toán cũng như các phòng ban khác đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này. Em xin gửi lời cảm ơn tới cô giáo Th.s Trần Thị Thanh Phương đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này và em cũng gửi lời biết ơn ơn sâu sắc tới các quý thầy cô giáo trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, đặc biệt là các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh đã tận tình dạy dỗ, chỉ bảo chúng em trong suốt quá trình học tập.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải phòng, ngày tháng năm 2013

Sinh viên

Phạm Thị Thân Thương.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1, quyển 2) ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính-Nhà xuất bản tài chính năm 2006
2. Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa-PGS.TS Võ Văn Nhị- Nhà xuất bản thống kê
3. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
4. Các chứng từ, sổ sách kế toán năm 2012 của công ty Cổ Phần Đầu Tư Tân Vũ Minh.
5. Các trang web: Ketoan.org; webketoan.vn; tapchiketoan.com; danketoan.com...
6. GS.TS Ngô Thế Chi và TS. Trương Thị Thủy, *Giáo trình kế toán tài chính*, nhà xuất bản Tài chính, xuất bản năm 2008 .